

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

ĐỒNG CỎ



Nguyễn Đình Toàn

Đồng Cỏ

NHẬT BÁO CHÍNH LUẬN xuất bản 1974

vietmessenger.com

CHƯƠNG MỘT

Buổi sáng (thời gian bao giờ cũng bắt đầu từ một lúc nào đó, buổi sáng hay buổi chiều), trời trút xuống một cơn mưa lớn làm cho thành phố ướt sũng.

Bầu trời dường như bị những đám mây nặng hơi nước níu xuống, gần chạm tới cái gác chuông nhọn hoắt của nhà thờ.

Chủ nhật, nên dù trời mưa người ta vẫn đi lễ. Phụng có thể nghe những tiếng động qua lại trước cửa nhà, để biết ra ngày chủ nhật, xe cộ cũng như những người đi bộ, đều hướng cả về phía nhà thờ, tiếng người trò chuyện, nhất là tiếng những đứa trẻ cười nói với nhau bằng giọng thanh và cao, những tiếng cười giống như những mũi kim xuyên thẳng lên bầu trời sớm mai và, vào những buổi sáng trời như bữa nay, hơi nước làm cho tiếng cười bớt trong, và những lời trò chuyện cũng thưa đi, chỉ nghe thoang thoảng. Phụng có cảm tưởng lũ trẻ vừa đi vừa tìm cách nép vào những mái hiên để tránh mưa, do đó, tiếng nói của chúng bị khuất lấp, hoặc bị những trận gió thổi tạt làm méo đi.

Chúng nói gì với nhau? Đó là điều Phụng không bao giờ nhớ lại nổi, có lẽ vì có khi nào Phụng nghe rõ đâu?

Những tiếng nói chẳng khác những tia sáng người ta có thể trông thấy rõ ràng nhưng vẫn không thể nhận ra được hình thù. Nhưng chắc chắn đó là những đứa trẻ đã trở nên quen thuộc đối với nàng, những tiếng chuông nhỏ báo hiệu ngày Chủ nhật.

Nhưng sáng Chủ nhật này, có cái gì đó khác thường mà lòng Phụng nghe có vẻ rộn rã?

Phụng thấy đau nhói trong lòng, một nửa vì mừng vui, một nửa bàng hoàng. Nàng biết mình đang mưu tính một việc, nếu thành, đời nàng sẽ đổi khác.

Dĩ nhiên nàng sẽ đi xa, và những buổi sáng như thế này, sẽ chỉ còn là những buổi sáng trong kỷ niệm.

Điều đó không đáng tiếc sao?

Phụng nghe những giọt mưa rơi vỡ tí tách dưới mái hiên, và những hạt bụi nước theo gió tạt vào mặt lạnh mát. Một ngày nào đó, những tiếng động này, những cảm giác này, sẽ trở thành những lời kêu gọi, nhắc nhở, đối với tôi. Có thể, với cái đất nước chìm ngập trong chiến tranh này, nó sẽ còn là những lời trách móc nữa.

Nhưng tôi biết phải làm sao đây? Tôi không muốn nghe, không muốn nhìn thấy cuộc chết tróc tang thương này nữa. Điều kinh hãi nhất là dường như không ai nhìn thấy một hy vọng nào, hoặc nó vẫn còn có một hy vọng nào đó, thoát ra khỏi, nhưng riêng tôi, tôi không nhìn thấy được, và điều này, quá sức chịu đựng của tôi.

Tôi có thể trốn chạy một mình chăng?

Tôi không tin như thế. Tôi chỉ muốn một điều giản dị: nghỉ ngơi. Nghỉ ngơi trong quên lãng, giống như một giấc ngủ. Tôi cũng muốn tìm ra một nơi đủ yên ổn để nuôi lại hy vọng của mình.

Ngoài ra, tôi còn quá trẻ, tôi cũng muốn được đi đây đi đó, được nhìn thấy các dân tộc khác người ta sinh sống ra sao? Tôi muốn được sống cái cảm giác lẻ loi của một kẻ bơ vơ nơi xứ lạ quê người, một ngày nào đó, xách va-li từ trên phi cơ bước xuống cái phi trường rộng lớn, tấp nập hay vắng vẻ nào, như một kẻ bị đầy biệt tích, sống một lượt sự lẻ loi như một tình cảm lãng mạn và nỗi lẻ loi sợ hãi mang theo từ quê hương.

Nhưng tất cả những điều này đã đủ nói hết sự thật của nỗi ước ao mờ ám trong lòng tôi chăng?

Không đâu. Tôi chắc còn nhiều điều nữa tôi chưa kịp biết ra, không muốn nghĩ ra, tôi muốn tập làm con đà điểu chúi đầu xuống cát. Tôi muốn kiếm một nơi có đủ yên tĩnh, có đủ thời giờ, sắp xếp lại trí óc, hầu có thể phân biệt được tội ác, lòng nhân ái, sự cuồng tín và và hy vọng.

Để làm gì?

Có lẽ tôi cũng muốn tìm ra được lời giải đáp cho chính cái câu hỏi đó.

Nếu phải chết cho quê hương, tôi muốn được chết trên một quê hương mà mình yêu mến chứ không phải cái quê hương mà mình

sợ hãi.

Tôi cũng biết rằng, sự lựa chọn này, chỉ chúng tôi, những người con gái Việt Nam mới còn có thể làm được.

Con trai phải cầm súng, phải đi lính.

Tôi không muốn yêu nước như một giáo điều.

Tôi biết rằng tôi, cũng như những người chung quanh tôi, chúng tôi đều uống nước sông, ăn cơm gạo cấy trên ruộng đất của Tổ Quốc, lòng ái quốc phải là một tình cảm tự nhiên, ân nghĩa nếu có, cũng phải tương tự như ân nghĩa sinh thành, phải tự nhiên hơn cả sự tự nhiên người ta cảm thấy, bởi vì đó là một phần thịt da, xương máu, của chính mình.

Tôi muốn sắp xếp tất cả những thứ đó cho rõ ràng trước khi trở lại.

Nhưng đó có phải là những tình cảm thật của tôi chẳng? Hay chỉ là những điều biện minh cho một chuyến đi, một cuộc chạy trốn?

Tôi đã học được nhiều điều, nghi ngờ người khác và nghi ngờ chính mình. Tôi cũng muốn thanh toán một lần cái thảm họa này trong tâm hồn tôi.

oOo

Trước khi quyết định xuất ngoại, tôi đã viết thư cho anh tôi. Và từ đơn vị, anh đã gửi cho tôi ít dòng, viết trên một miếng giấy nhỏ, kê trên ba-lô hành quân (tôi cứ tưởng người ta bịa đặt ra việc này, nay tôi tin là có thật] nét chữ nguêch ngoạc, anh tôi bảo với tôi rằng, đó là dịp may, em vừa đi làm vừa học được, cũng tốt cho tương lai. Anh tôi cũng nói thêm rằng, nhà chỉ có hai anh em, nếu "chẳng may anh có làm sao" may ra em sẽ có thể thay anh phụng dưỡng thầy mẹ được? Anh cũng nói đùa thêm, thời buổi này, cha mẹ nên trông cậy vào con gái cho chắc.

Lá thư ngắn ngủi của anh làm tôi chảy nước mắt. Anh nói đến may rủi, đến sự tin tưởng bằng giọng đùa cợt nhưng vẫn thấp thoáng cay đắng.

Thầy mẹ tôi, nghe tôi nói, tôi đã xin được đi xa, cũng mừng rỡ ra mặt, mặc dù tôi biết rằng, mai ngày tôi đi, chắc chắn nhà sẽ buồn vô

kể. Anh tôi có khi cả năm không về đến nhà. Hai người sẽ sống trong lặng lẽ.

Thầy tôi đã về hưu năm năm nay, hai ông bà sẽ có chuyện gì để nói với nhau mỗi ngày?

Rồi những ngày trái nắng, trở trời, ai sẽ là người săn sóc họ?

Vậy mà, cả thầy lẫn mẹ tôi, đều đã có cái vui mừng của những người, tôi có thể thấy được, nhìn chuyến đi của tôi như là cách thoát được đũa nào hay đũa ấy.

Mẹ tôi giúp tôi lo sửa soạn hành lý, may mặc và dặn dò tôi những điều phải giữ gìn khi xa nhà.

Tôi cười nói với mẹ tôi:

- Ngoại quốc nghe nói thì xa, chứ máy bay bay thì vài tiếng đồng hồ là con về đến nơi thôi mà.

Mẹ tôi rớm nước mắt bảo:

- Vẫn biết thế nhưng để gì lúc nào con muốn về đã về được. Còn công ăn việc làm, bộ bỏ đấy mà đi à?

Tôi nói:

- Chẳng làm nữa thì thôi chứ.

Mẹ tôi vừa vuốt lại cho tôi cái tà áo mới trước khi gấp lại bỏ vào trong va-li vừa bảo :

- Đừng nói vớ vẩn. Lo làm ăn, để dành để dụm sau này có chồng con, có một chút mà phòng thân. Chứ trời đất này sống chết chẳng biết thế nào.

Tôi lấy giọng vui vẻ trấn an mẹ tôi:

- Con để dành gửi về mẹ mua cho con một cái nhà nhé.

Mặt mẹ tôi tươi hẳn lên:

- Ờ, đừng có tiêu phí tiêu hoài, để dành tiền mua được cái nhà là tốt nhất. Có gia đình rồi, đi ở thuê ở mượn, cực thân.

Tôi cười bảo:

- Hơi đâu mẹ lo xa thế.

Mẹ tôi dặn:

- Con gái lớn, thầy mẹ để con đi thể này thật áy náy. Con hãy thương thầy mẹ, giữ gìn sao cho thầy mẹ khỏi tủi hổ.

Lời mẹ dặn làm tôi vừa xấu hổ vừa buồn cười.

Tôi nhớ có đưa em họ sang Pháp học thuốc, viết thư về cho tôi kể, ở trong trường nó có một bức tượng để tay lên vành mũ vẽ thân thiện chào đón các sinh viên, thiên hạ đồn rằng, đưa con gái nào học ở đây, ra trường mà còn trinh, bức tượng sẽ ngả mũ chào. Má nó nghe nói chuyện đã thất kinh hồn vía vôi vàng bay sang bên đó để dặn dò thêm một lần nữa, chẳng biết có ăn thua gì hay không? Nó đã học được ba bốn năm, không biết bức tượng đã biết được những chuyện gì. Lời dặn dò của mẹ tôi, làm tôi liên tưởng tới bức thư của nó và bật cười một mình.

Tôi nói:

- Con lớn rồi. mẹ khỏi lo.

Bà nói:

- Lớn cái thần xác mày chứ lớn gì.

Tôi nghĩ tới bức tượng của đứa em và lại buồn cười một mình. Tụi nó tối tân hơn tôi nhiều. Ngay cái việc, bây giờ, gần như chẳng còn ai ở lứa tuổi chúng tôi gọi bố là thầy nữa, đủ thấy chúng tôi có vẻ cổ hủ rồi, nhưng tôi rất thích cái từ "thầy" chúng tôi vẫn dùng đó.

Tôi không biết nếu mẹ tôi nghe được một chuyện giống như cái chuyện con nhỏ kể, phản ứng của bà sẽ ra sao?

Tôi cũng nhớ, trong lá thư tôi viết lại cho nó, tôi đã riếu cợt bảo "coi chừng em làm hỏng bức tượng". Và đấy cũng là đề tài chúng tôi vui đùa với nhau khi thư từ.

Mẹ tôi bảo:

- Ở bên đó nghe nói lạnh lắm. Quần áo con mang theo thể này có đủ ấm không?

Tôi nói:

- Thiếu thì con mua, chứ bây giờ cái gì cũng mang theo làm sao được.

Mẹ tôi nói:

- Tụi bay sao làm biếng quá. Không mang đủ rét có phải khổ thân không. Lạ nước lạ cái biết đường nào mà lần.

Tôi nũng nịu với bà:

- Mẹ tưởng ngày nay cũng như ngày xưa sao? Đời sống bây giờ ở đâu cũng gần giống nhau cả.

Mẹ tôi nói:

- Cứ có sẵn có hơn không.

Tôi làm bộ huênh hoang:

- Con nói được hai thứ tiếng, mẹ đừng có lo.

Mẹ tôi cười bảo:

- Tao vẫn nghe thầy than phiền tiếng Tây của tụi bay thì Tây nó về nước là vừa rồi.

Tôi cũng cười bảo:

- Tiếng Tây của thầy bây giờ có khi Tây nó cũng không nói như thế nữa.

Mẹ tôi cười rung rung đôi má nhăn nheo của bà, nói:

- Thật ấy chứ lì. Ngày xưa tao thấy bác Huyện mà mẹ tôi vừa nhắc, ngày xưa đeo bài ngà, ngày giỗ họ, ông đi xe hơi về làng, thì không phải chỉ có người làng mà có cả người hàng Tổng tới chào đón.

Cái quá khứ vàng son ấy vẫn còn bám chặt trong ký ức của một số người. Bây giờ là thời tàn tạ. Bác Huyện mà mẹ tôi vừa nhắc, ngày xưa đeo bài ngà, ngày giỗ họ, ông đi xe hơi về làng, thì không phải chỉ có người làng mà có cả người hàng Tổng tới chào đón.

Ngày tết, các cụ tiên chỉ, bô lão trong làng, đều đến nhà bác chúc tết. Khi các cụ thắp hương lễ trước bàn thờ gia tiên, Bác Huyện, thầy tôi, các chú tôi, đứng hai bên bàn thờ, đối diện với khách,

khách lễ một lễ, mọi người trong nhà vái lại khách một lễ. Cứ như thế nghi lễ diễn ra trong hương trầm, trong khói pháo, trong đèn nến sáng choang và những lời chúc tụng.

Cái mùa xuân rực rỡ ấy chẳng bao giờ người ta tìm thấy lại nữa.

Ngày tôi ra đời thì cái mùa xuân ấy cũng đã chấm dứt từ lâu. Khói lửa chiến tranh đã thiêu rụi cả. Kế đến hiệp định Genève đã xua đuổi bao người rời bỏ cố hương ra đi. Năm đó tôi mới được hai tuổi.

Tôi không biết một tí gì về cái quê hương mẹ tôi kể lại như trong thần thoại ấy.

Anh tôi còn thuật lại cho tôi nghe những đêm giao thừa, anh được cầm bánh pháo rắc cho nổ quanh sân, và những sáng mừng một, mở mắt nhìn sương mù xanh biếc trước thềm, đêm lạnh làm cho mùi thơm của khói pháo không tan hết vương vất trong gió, những cụm hoa hồng bạch, hồng nhung, hồng nhạt, mẫu đơn, loa kèn, nhài, trở những bông tươi thắm trên cành, nhìn thấy lò mờ trong sương, cây đào bên đầu thềm sai trĩu trĩu hoa, hoa đào rơi lẫn với xác pháo. Lũ chim bồ câu và mấy con chó nghe pháo nổ sợ hãi, bay, chạy tán loạn, trở về còn nem nép nghếch đầu, vênh tai, nghe ngóng chực chạy nữa, ông tôi phải sai đóng cửa chuồng và xích chó lại.

Những ngày tết thần tiên ấy, tôi chưa bao giờ được nhìn thấy, chỉ nghe kể lại, chẳng khác những cánh đồng, những thôn xóm, nơi đã sinh sản ra những câu ca dao tuyệt vời, tôi đã đọc, nhưng không biết có bao giờ được tận mắt nhìn thấy?

Người bác đem lại danh giá cho cả họ đó, những ngày mới di cư vào Nam, sống âm thầm trong một căn nhà nhỏ, thuê được trong một khu xóm lao động.

Cửa sổ phòng ông trông ra một cái sân, mỗi bề chừng bốn thước, vừa làm sân vừa làm cầu rửa. Ông đã tự tay xây thêm một cái bồn dính liền vào chân tường chỗ cửa sổ, đổ đất, trồng mấy cây hồng.

Mỗi ngày ông tưới bón bằng bã trà trút từ trong cái ấm nhỏ đắp vào các gốc cây và nước hứng trong một chiếc lon guigoz đục những lỗ thủng làm bình tưới.

Những cây hồng, vào các buổi tối tôi đến thăm ông, trở bông tươi thắm nhưng trông buồn bã, chẳng khác những nỗi vui còn sót trong lòng ông quan già, sống ẩn náu trong căn nhà lụp sụp.

Tôi không hề trông thấy ông trong những ngày ông còn hiển hách nơi huyện đường, nhưng tôi vẫn tưởng như thấy được cái bóng của nó, trong buổi xế chiều này, đè nặng trên vai ông.

Ông tránh tiếp xúc với tất cả mọi người, kể cả con cái của chính ông. Ông chỉ còn giao thiệp, thỉnh thoảng đi lại trò chuyện với một người duy nhất là thầy tôi. Cũng vì thế tôi đã được gặp ông, nghe ông nói, và được ông hỏi chuyện nữa, trong những lần tôi theo thầy tôi đến thăm ông ngày con bé, và dần dà khi đã khá lớn, có những lần tôi được gặp ông một mình do thầy tôi sai tôi tới thưa với ông chuyên gì đó, hoặc tôi tự ý đến vấn an ông. Những lần được gặp ông như thế, tôi thành thật cảm động. Không phải chỉ vì, đó là một vinh dự ít đứa cháu nào khác trong họ được hưởng, mà chính vì, mỗi lần gặp ông, tôi có cảm tưởng lọt được vào cái thế giới bí ẩn của một người mất bóng.

Trong những ngày giỗ họ, ông xuất hiện bao giờ cũng giữ vừa đủ sự thân mật, nghiêm túc, vẻ nghiêm túc trở thành một giới hạn, một khoảng cách với mọi người. Sau đó ông lại rút về trong cái cõi riêng lặng lẽ của ông.

Tôi không biết chắc ông đã nghĩ về tôi thế nào, nhưng đôi lúc tôi tưởng rằng ông nhìn tôi như đoá hoa trong cái bồn đất trước cửa sổ của ông.

Tôi chắc cả họ nhà tôi, ai cũng nghĩ là ông luyến tiếc cái thời vàng son cũ của ông, luyến tiếc đến đau đớn.

Nhưng chỉ một nụ cười của ông, tôi nhìn thấy trong cái cõi riêng của ông, cùng với một nụ hồng vừa hé bên ngoài cửa sổ, tôi hiểu rằng, đời sống đối với ông nhẹ nhàng, chứ không quá nặng nề như người ta tưởng.

Ông không hỏi gì tôi khác ngoài chuyện học hành, sức khỏe của thầy mẹ tôi, và nhất là cái câu "con bao nhiêu tuổi rồi". Ông đã hỏi tôi câu ấy mỗi năm, và nó cho tôi cảm tưởng, mãi tôi không lớn hơn được cái nụ hoa trong bồn đất của ông, tôi không dày hơn được

mấy cái cánh hồng mỏng manh đó. Và thật lạ lùng, ở gần ông, tôi cảm thấy tôi có một nhan sắc.

Kể từ ngày bác Huyện mất, tôi không còn cảm tưởng này trước mắt nhìn của ai nữa, kể cả thầy tôi.

Trước khi chết, ông dặn lại người nhà, nếu muốn giữ, cứ để cái hộp bài ngà của ông trên bàn thờ, đừng mở ra.

Đó là lời dặn cuối cùng của ông, không ai hiểu hết ý nghĩa.

Ngày người anh họ của tôi, tức người con trai cả của bác Huyện chết trận, không ai thấy ông chảy một giọt nước mắt nào. Ông cũng không nhắc đến cái chết đó một lần nào, không hề thở than với ai một tiếng nào. Khi đám tang đã được chôn cất xong, mọi người về cả rồi, buổi tối, ông ra đứng trước bàn thờ nhìn hình con một lát rồi trở về phòng, bác gái tôi kể lại như vậy. Không ai biết ông nghĩ gì về cái chết của người con trai duy nhất đó của ông.

Ông mất, cái bồn cây bên ngoài cửa sổ bị bỏ quên cũng chết theo, và sau đó, gia đình bác tôi dọn đi nơi khác.

Nhưng những đóa hồng tôi đã nhìn thấy đó, sẽ chẳng bao giờ tàn héo trong tôi. Và, cứ mỗi lần nghe một người nào trong họ nhắc đến ông, tôi vẫn thấy lòng bồi hồi. Không phải một mình ông đã chết, mà hình như, khi ông chết, cả một quá khứ nữa đã thật sự chết theo ông.

Tôi cũng chẳng còn gặp ai cho mình cái cảm tưởng rợn mát như khi bước vào một ngôi chùa hay ngôi đền cổ, như mỗi lần tôi được gặp ông nữa.

oOo

Trận mưa vẫn kéo dài ngoài hiên. Những giọt nước trong vát ròng ròng không ngớt rớt trước mái hiên, reo thành một tiếng kêu đều đều, buồn nản.

Trời đen nặng, không khí thấm hơi nước trở nên lạnh, thời tiết tưởng chừng như sắp hết mùa thu, sắp sang đông.

Tôi muốn đi ra phố, tới nhà một người bạn nào đó chơi.

Nhưng nghĩ lại mới biết mình không có bạn. Tôi chỉ có những người quen biết, không có bạn.

Không sao. Tôi sẽ đi dạo phố, nhìn lại cái thành phố đã trở nên thân yêu này một lần, trước khi rời khỏi. Chắc chắn ngày tôi trở lại nó sẽ thay đổi.

"Thành phố đi nhanh lắm", một người bạn đồng sự đã nói với tôi như vậy. Anh là người Hà Nội, nhớ rất nhiều về Hà Nội, từng góc phố, từng mái nhà, từ những sự biến đổi nhỏ nhặt về thời tiết. Thế nhưng anh vẫn luôn luôn tỏ ra rất tiếc vì đã không ghi nhận được nhiều hơn những hình ảnh của Hà Nội khi ra đi. Anh nói "cô không thể tưởng tượng cái thành phố đó mê hoặc người ta thế nào". Dĩ nhiên tôi không hiểu được sự mê hoặc đó thật. Anh nói "đôi khi nó hành hạ người ta như bệnh tê thấp vậy".

Tôi thầm nghĩ, nếu quả vậy thì đó là một chứng bệnh khô hải và khó hiểu.

- Cô ở đâu ngoài đó?

- Ở trong nôi.

Câu nói đùa của tôi làm anh chưng hửng. Anh nhìn tôi, cười. Tôi có cảm tưởng anh đang thử tưởng tượng có thể nhét lại tôi vào trong cái nôi đó chẳng?

- Cô có mang theo cái nôi đó vào đây không?

- Không. Tôi để quên ở Hàng Đường rồi.

- À, con gái chợ Đồng Xuân, thảo nào.

- Sao, anh ?

- Nhanh lắm.

- Không, tôi không nhận tôi là con gái Hà Nội đâu. Tôi Sài Gòn một trăm phần trăm.

- Chín mươi chín thôi. Biết đâu cô chẳng đã được đánh thức vì một tiếng chuông tàu điện.

- Tôi đi xe lam, xe buýt mà.

- Cô sẽ vất vả.
- Vì sao mới được chứ?
- Hàng Đường là một khu phố buôn bán sầm uất nhất Hà Nội đấy.
- Chẳng ăn thua gì tới tôi cả.
- "Ăn chung" thì không, chứ "ăn thua" thì có đấy.
- Anh xa Hà Nội lúc mấy tuổi?
- Mười bảy.
- Mười bảy thì con gái bẻ gãy sừng trâu rồi đấy. Còn anh làm được cái gì rồi?
- Biết phố Hàng Đường ở chỗ nào. Biết con gái Hàng Đường chua ngoa thế nào.
- Tôi chưa có răng, chưa ăn một trái sấu nào, làm sao chua ngoa được.

Chúng tôi thường đùa bỡn với nhau về chuyện Hà Nội như vậy.

Tôi biết anh mắc "chứng Hà Nội", một phần tâm hồn anh do cái thành phố đó tạo nên, anh không thể khác. Nghĩ cho cùng, chẳng được nghe gió heo may, chẳng được hong nắng hanh vàng, chẳng được đi dưới mưa bụi, chẳng được run trong cái lạnh mùa đông, vào lớp học phải hà hơi vào hai bàn tay, xoa lại với nhau, mới cầm bút viết được bài, như vẫn nghe những người Hà Nội kể lại, cũng là một điều đáng tiếc chứ.

Một mai, có lẽ tôi cũng sẽ nhớ Sài Gòn như vậy. Nhớ nước mía Viễn Đông, nhớ kem Mai Hương, nhớ bún ốc Casino. Nhớ những khu phố mưa bên này đường bên kia vẫn nắng. Nhớ Sài Gòn Mậu Thân, Sài Gòn pháo kích- Nhớ đài kỷ niệm chiến sĩ trận vong của Pháp nay biến thành nơi ghi ơn các nước bạn đã viện trợ cho Việt Nam chống cộng sản. Nhớ Nhà Thờ Đức Bà, từ trường tôi đi ra nhìn thấy phía sau lưng, xây bằng gạch đỏ, vào mùa mưa, những viên gạch thấm nước đỏ thêm một chút. Nhớ những hồi chuông lễ làm rung buổi chiều, những buổi chiều khô ráo và ẩm ướt. Nhớ con đường Tự Do nơi người ta có thể nhìn thấy những kiểu y phục mới nhất

trên khắp thế giới, mỗi sáng Chúa nhật. Nhớ hành lang Eden chỗ hẹn hò của các cặp tình nhân, tôi chưa từng được hẹn bao giờ nên không biết mình sẽ có đến đúng giờ, sẽ có phải đi lại chờ đợi, đứng ngó vào các tủ kính bày các đồ mỹ phẩm, nữ trang, đồng hồ- Hễ có dịp đi qua một tiệm bán đồng hồ, tôi lại nhớ tới những câu thơ đã đọc được trong một cuốn sách nào đó:

Những chiếc đồng hồ

trong tiệm bán đồng hồ này

chỉ giờ khác nhau,

Đời người ta cũng vậy.

Còn gì nữa? Còn nhiều lắm chứ. Tôi sẽ khoác áo mưa ra phố. Tôi muốn nhìn lại thành phố này, nhìn như một khuôn mặt rồi đây tôi sẽ cách xa.

Tôi bảo với mẹ tôi:

- Con ra phố một lát.

Mẹ tôi hơi ngạc nhiên hỏi:

- Mưa thế này mà đi đâu?

Tôi cười:

- Con mặc áo mưa, ăn thua gì.

Tôi nói mấy chữ "ăn thua gì" và chợt nhớ tới người bạn ở sở.

Mẹ tôi dặn:

- Đi thì thử xem còn cần mua sắm thêm cái gì mua luôn đi, kéo rồi tới lúc lại cuống lên.

Tôi nói:

- Vâng.

Tôi thay quần áo, lấy áo mưa mặc, đội mũ và ra đường.

Mẹ tôi vẫn ngồi ở bên mấy chiếc va-li của tôi.

CHƯƠNG HAI

Tôi không được nhìn thấy Hà Nội mưa, nhưng tôi chắc Hà Nội không thể có cái mưa Sài Gòn. Hà Nội nhìn thấy lại qua những tấm ảnh, Hà Nội trong văn chương, Hà Nội nghe kể lại, đều có một vẻ gì ẻo lả. Mưa trên cái ẻo lả đó, chắc hẳn phải là thứ mưa buồn bã.

Mưa Sài Gòn mạnh khỏe hơn.

Cây cối ướt sũng, đường phố dù có chỗ nước chưa thoát hết chảy xối trong các ống cống, nhưng Sài Gòn giống như một người đàn ông có sức lực, mưa không đủ làm cho phải ngừng hoạt động. Nhà cửa nhìn thấy không có vẻ lạnh lẽo. Những tầng nhà cao ngất, xe cộ qua lại, hàng quán đông đúc, phố xá san sát tựa những bắp thịt trên bộ ngực nở nang, trên cánh tay rắn chắc.

Sài Gòn như vậy có lẽ nhờ thời tiết của Sài Gòn.

Dù mưa mù trời, nhưng không khí vẫn đủ ấm, mặt trời chỉ tạm khuất đi, trong chốc lát sẽ mọc trở lại.

Hà Nội đàn bà vì Hà Nội lạnh.

Sài Gòn đàn ông vì Sài Gòn nóng.

Ôi giá cái nửa đàn bà đa tình, quyến rũ đó, kết hợp được với cái nửa đàn ông lực lưỡng này, đất nước sẽ sung sướng biết bao?

Tôi tần tiện bấy lâu, hôm nay, tôi cũng muốn tiêu phí một chút.

Tôi gọi một chiếc taxi.

Người tài xế hỏi:

- Cô đi đâu?

Tôi bảo với bác ta:

- Bác cho tôi vào Chợ Lớn.

Tôi ở Sài Gòn gần hai chục năm nay mà gần như chưa biết Chợ Lớn. Tôi có việc gì để vào đó? Nhưng hôm nay tôi muốn nhìn thấy rõ nó, nhìn rõ cái thế giới Tàu trên nước ta này.

Sài Gòn mưa lút như thế, nhưng nửa quăng đường vào Chợ Lớn vẫn hoàn toàn khô ráo.

Hà Nội có phố nào đẹp như thế này chẳng?

Mọi cửa hàng đều sáng choang, hàng hóa chật ních.

Chín phần mười người qua lại trên các hè phố đều là Tàu. Họ buôn bán, sống, có vẻ thoải mái hơn người Việt Nam. Làm một người ngoại quốc trên đất nước này, lúc này, có lẽ sướng thật. Chiến tranh đã có người lo, họ chỉ việc buôn bán, lấy lời, đóng thuế.

Người tài xế nhìn tôi trong tấm gương, chừng bác ta chờ xem tôi sẽ bảo đi tới chỗ nào.

Tôi nói:

- Bác cứ chạy loanh quanh qua vài phố rồi cho tôi trở lại chỗ Tòa Đô Chánh.

Bác ta có vẻ không hiểu tôi muốn nói gì, nhưng cái đồng hồ tính tiền của bác ta nó hiểu ngay. Bác cứ việc nghe theo nó.

Tôi mở rộng tấm kính cửa xe ngó ra ngoài.

Không còn một dấu vết chiến tranh nào ở đây cả, mặc dầu hồi Tết Mậu Thân nhiều chỗ đã tan nát.

Tôi đi qua nhiều phố và không thấy một sự quyến luyến nào. Tôi có cảm tưởng kỳ quặc như cái chốn này đã thuộc hẳn về những người Trung Hoa.

Các bảng tên cửa hàng, rạp chiếu bóng, quảng cáo hầu hết đều được viết bằng chữ Tàu. Tàu đặc, còn gì nữa?

Mỗi mắt, tôi quay vào trong xe, lại bắt gặp cái nhìn của người tài xế. Có lẽ bác ta vẫn chưa hết thắc mắc, tôi có điên chẳng?

Tôi nói cho bác hay dù chẳng thấy cần thiết:

- Tôi đi bắt ghen, bác cứ cho xe chạy, hễ thấy tôi sẽ kêu bác ngừng lại.

Lời giải thích này quả thật đủ làm cho tan biến sự thắc mắc vớ vẩn của bác ta. Tôi có cảm tưởng chiếc xe từ lúc đó chạy êm hơn.

Càng đi tôi càng thấy như bị lạc lũng giữa các khu phố.

Tôi bảo với người tài xế:

- Thôi được rồi. Bây giờ bác cho tôi trở lại Tòa Đô Chánh.

Người tài xế không nói gì, lẳng lặng làm theo lời tôi.

Tôi muốn xuống đi bộ loanh quanh mấy khu phố chính một lát. Tôi đã muốn tiêu phí một số tiền và cuộc xe đúng là là khoản tiền phí phạm đó.

Tôi vào hành lang Eden.

Tôi dừng lại trước một cửa hàng bách hóa.

Bên trong tủ kính người ta có bày mấy chiếc cà-vạt trong đó có một chiếc thật đẹp. Tôi nảy ra ý muốn mua chiếc cà-vạt này cho anh tôi.

Tôi bảo nhà hàng gói kiểu quà tặng, gửi lại mẹ tôi để trao cho anh tôi kỳ sinh nhật của anh sắp tới, chắc tôi sẽ không còn ở nhà nữa.

Tôi cũng mua cho mẹ tôi một đôi giày nhung, và mua cho thầy tôi một ống vó.

Trời vẫn loáng thoáng mưa, rồi đột nhiên trở nên nặng hạt.

Trong bản tin thời tiết chính tôi đã đọc chiều qua trên đài phát thanh, Nha khí tượng đã báo trước trận mưa này nhưng tôi đã quên mất.

- Cô Phụng.

Người đứng ngay bên cạnh gọi tôi là người bạn cùng sở.

Anh cũng mặc áo mưa và cầm dù nên tôi không để ý.

- Ủa, anh Sơn. Anh đi đâu đây?

- Đi chơi. Chủ nhật mà.

- Mưa quá.

- Mưa mà có ai chịu ở nhà đâu?

- Tôi đi mua vài thứ cần dùng.

- Bao giờ cô đi nhỉ?

- Sắp.
- Khi nào sẽ trở lại?
- Ngắn thì bốn năm. Dài thì có thể hơn.
- Vậy có thể tôi sẽ không gặp lại cô nữa.
- Không đâu.
- Thật chứ?
- Thật.

Tuy nói vậy Phụng không tin ở lời mình lắm. Ai có thể biết trước việc gì có thể xảy ra với mình trong khoảng thời gian dài đằng đẵng và lại ở một nơi xa xôi như thế?

Sơn hỏi:

- Cô có cần phải đi đâu nữa không?
- Không. Có vài thứ cần tôi đã mua đủ rồi.
- Chúng ta tìm một cái quán nào ngồi chơi, đợi ngớt mưa chẳng?

Phụng nói:

- Phải đấy. Tôi cũng mỏi chân rồi.

Ngồi trong quán nhìn qua tấm kính dày ra ngoài trời mưa, thành phố có một vẻ đẹp khác hẳn.

Phụng nói:

- Ngồi đây, mai một đi khỏi tha hồ nhớ.

Sơn nhìn nàng bảo:

- Cô có cái gì đáng tiếc để lại đây không?
- Rất tiếc là tôi không có gì- đáng tiếc cả.
- Cô có biết gì nhiều về cái xứ cô sắp đến không?
- Ngoài một vài bài thơ, vài cuốn tiểu thuyết, vài cuốn phim đã coi, tôi không biết gì hơn thế.
- Sách nào nhỉ?

- Một trong những cuốn sách đó chính anh đã cho tôi mượn. Anh đã viết bài điểm cuốn sách đó cho dài và tôi là người đọc.

- Tôi nhớ ra rồi.

- Tôi nghĩ và vẫn còn thấy sợ cái cảnh đứa bé chui vào cái hộp tủ mỗi đêm nhìn mẹ nó khóa thân trong phòng, đôi khi với cả người đàn ông của bà ta nữa.

- Cô sợ cái gì?

- Tôi không biết rõ. Nhưng hình như là cái đời sống phơi bày trước mắt đứa trẻ.

- Tôi không nghe cô nói với tôi chuyện đó sau bữa cô đọc bài.

- Tại không có dịp.

Sơn nhìn tôi với đôi mắt kỳ lạ, dường như anh vừa thấy ở tôi một người nào khác với nhân vật nào đó có sẵn trong trí nhớ hay anh chưa hề tưởng tượng tới bao giờ.

Tôi cũng hỏi anh:

- Tôi không thấy anh chú ý tới đoạn ấy trong bài điểm sách.

Sơn nói:

- Chúng ta có đường lối làm việc riêng, cô biết mà.

Phụng nói:

- Tôi cứ nghĩ đến người mẹ trong tình cảnh ấy còn thấy hãi hùng.

Người bạn nhìn Phụng cười không nói gì.

Trận mưa vẫn chưa chấm dứt. Quán hàng lắp máy lạnh, quá lạnh, hơi nước bám mờ phía ngoài cửa kính.

Phụng nhìn thấy những hạt nước bám trên mặt kính dính liền với nhau, vỡ loang, trông chẳng khác những đóa hoa nhỏ trong suốt. Một ngày nào đó, có thể, những giọt nước đó cũng sẽ làm tôi phải khóc.

Người bạn bảo:

- Dầu sao, cô cũng còn hơn một tuần nữa ở đây phải không?

Phụng ngược nhìn anh, không hiểu rõ lắm ý anh muốn nói gì.

Nàng nói :

-Vâng.

- Cô thử nói một bữa, như nói trên sóng của cái đài xa xôi, nơi cô sắp đến, xem nào.

Phụng cảm thấy tự trong thâm tâm một sự rung động nhẹ nhàng, nhưng cũng đủ làm cho nàng run rẩy chân tay.

Trong mấy ngày sau cùng này, không nói với ai cả, nhưng một mình, Phụng đã có nhiều lúc, đọc những bản tin, những bài bình luận, những câu chuyện văn học, nghệ thuật, trên đài, bằng cái giọng thất lạc, chính nàng, chỉ khi nghe phát ra, mới nhận thấy. Hình như tôi không còn đọc những dòng chữ có trước mắt nữa, tôi chỉ còn nhận ra cái ý nghĩa giã từ buồn bã và thiết tha, trong từng mỗi chữ đó.

Mai đây, tới cái chốn xa xôi kia, công việc của tôi không thay đổi, nhưng có phải mỗi tiếng nói của tôi sẽ mang một ý nghĩa khác? Những bản tin chắc chắn không hoàn toàn chỉ còn là những bản tin nữa mà nó còn có thể là những lời kêu gọi quê hương gửi vọng từ chân trời về. Tất cả những người Việt Nam lưu lạc ở bốn phương cũng sẽ nghe những tiếng nói ấy như sự nói liền với xứ sở, có thể như thế chứ?

Không phải mình tôi đã mơ hồ cảm nhận ra điều đó, cả anh nữa, phải không?

Phụng nói:

- Anh cũng nghĩ đến điều ấy sao?

Trong mắt người bạn, Phụng nhận ra vẻ cười cợt, âu yếm, nàng tưởng chừng như được hưởng một sự ấm áp.

Phụng nói:

- Tôi lo quá.

- Lo gì?

- Không biết rồi sẽ phải làm ăn ra sao.
- Rồi cũng đâu vào đấy thôi mà.
- Tôi muốn nhờ anh một việc.
- Cô cứ nói.
- Tôi qua bên ấy rồi, ở nhà, nếu anh thấy có cuốn sách nào cần đọc, anh làm ơn gửi cho tôi. Tôi cũng sẽ làm lại công việc ấy cho anh khi có sách mới ở ngoài.
- Đó là điều tôi cũng mong được như vậy.

Phụng ngẩn người, vì dù đã làm việc chung trong một cơ quan đã lâu, sao chưa có một lúc nào nàng để ý đến anh như lúc này, để ý một người còn có thể gặp lại hoặc không, và nhất là, nàng nhận ra một cách mơ hồ rằng, nếu nàng có dịp nghĩ đến anh như thế này trước, và với thời gian làm việc chung bao lâu như vậy, có thể nàng đã yêu anh không chừng.

Nhĩ thế, Phụng bỗng nhiên cảm thấy đầu óc choáng váng. Choáng váng không phải vì nàng tiếc cái cơ hội đã bỏ qua (có gì đáng tiếc đâu) nhưng dường như nàng đã có dịp trở thành một người khác, khi yêu có phải người ta trở thành một người khác? Và nàng đã không biết như thế.

Khám phá này làm nàng bối rối.

Phụng tự trấn an bằng cách nhìn qua tấm màn mỏng che sau mấy tấm kính của cửa tiệm ra ngoài đường.

Trên lề đường ẩm ướt, Phụng nhìn thấy những tấm vé gửi xe nhiều màu vút đây đó, bị nước mưa và chân người dẫm qua dẫm chặt xuống mặt đường, bên cạnh một người đàn bà bầy bán những tờ báo được đậy dưới một tấm nylon.

Phụng cũng nhìn thấy chân những người đứng núp mưa ngoài thềm quán nước, một cặp tình nhân đứng sát nhau, những đôi giày mới, cũ, mấy cái ống quần lụa mỏng thấm nước trở thành trong suốt, hẳn rõ màu da hồng bên dưới.

Lòng đường, nước mưa không kịp thoát đầy ứ, xe hơi chạy qua làm thành những con sóng đập vào vỉa hè, bắn tung toé.

Người bạn nói:

- Cô lo xứ người thiếu mưa à?

Phụng cười, mắt vẫn không rời khỏi những vệt nước nhớp nháp ngoài lề đường, những cặp chân đã rời xa nhau hơn một chút hoặc sát lại nhau hơn một chút.

Phụng thử làm cái công việc kỳ quặc, nhìn những đôi chân, những đôi giày, cái cách đứng của mỗi người để thử đoán xem mắt họ ra sao. Phụng bật cười vì mọi tưởng tượng của mình không ăn nhập gì với những khuôn mặt nhìn thấy. Người thiếu nữ Phụng nhìn thấy có đôi môi tô son hồng thật đẹp, nàng đang âu yếm ngó người tình của mình, và rồi cũng ngược đôi mắt còn đầy âu yếm đó nhìn trời mưa. Phụng nhìn theo cô ta lên mảnh trời bị cắt xén bởi những cao ốc, những cột đèn, và những hàng dây điện chằng chịt, bầu trời nặng nước, mây không nhìn ra mây, mưa không nhìn ra mưa, tất cả chìm trong một màu loãng nhạt, sa xuống thấp đến độ không ngờ, và, từ trong cái đám khói mù mù, u ám ấy, tấm lưới mưa ào ào chụp xuống.

Phụng bảo:

- Mãi không sao, tới lúc sắp đi, cái gì tôi cũng thấy tiếc.

Sơn nói:

- Tiếc thì hãy trở lại.

Phụng cảm thấy mỗi mắt, quay nhìn quanh trong quán. Quán lấp gương, những tấm gương sáng bóng gắn trên các cột và thành tường, phản chiếu lẫn nhau, cho thấy gần hết những hình ảnh trong quán.

Những tấm gương in bóng bầu trời ẩm ướt, soi qua một lớp màn mỏng che bên trong các tấm kính trong, trông bầu trời càng trở nên mờ đục. Trận mưa hình như đã nhẹ bớt. Cái màn sữa đặc bắt đầu có chỗ đã để lộ hình thù những đám mây, các đám mây trông tựa những nỗi hoang mang của chính bầu trời.

Trận mưa chưa chắc gì đã tạnh.

Phụng nói:

- Tôi sẽ trở lại mà.

Anh bạn cười:

- Tôi cũng tin thế.

- Thật à?

- Tôi đã nghe cô đọc nhiều lần. Bỏ quê hương là bỏ luôn tiếng nói, một người có giọng đọc như cô, là việc khó đấy.

Anh đang nói gì vậy, anh bạn?

Trong cuộc chiến tranh đang diễn ra trên đất nước, có ngày nào chúng tôi không phải lo đi những tin tức buồn thảm, và điều này, đã nhiều lúc khiến tôi cảm thấy bất an. Thông báo một tai ương, giọng xướng ngôn viên càng mạch lạc, khúc triết, càng dễ sợ, có phải vậy không? Cái điều ai oán ấy đã bao lần xiết lại trong cổ họng Phụng, nhưng Phụng giữ kín một mình, không nói với ai. Đọc những bản tin như thế, đôi khi, Phụng bỗng rợn người thấy như mình góp phần gieo rắc tai ương, tiếng nói của mình càng được đưa đi xa bao nhiêu càng dễ sợ bấy nhiêu.

Phụng nói:

- Tôi phải cảm ơn anh, vì nhờ những bài viết của anh, tôi đã được đọc những điều tôi thích.

Sơn nói:

- Có một đêm giao thừa, tôi đã được nghe một xướng ngôn viên Việt ngữ của chúng ta, tôi không nhớ rõ lắm, nhưng hình như trên đài BBC thì phải, chúc tết các thính giả, và mời mọi người nghe bài "*Tình Ca*" của Phạm Duy. Bài hát chúng ta nghe thường ngày, nhưng vào lúc ấy, qua làn sóng điện ở một nơi xa thẳm đó, nghe vắng vắng, quả thật, không chỉ còn là những tiếng nói thông thường nữa mà giống như sự chấp nối người nọ người kia với nhau, và với đất nước. Mai này, có lẽ có lúc cô cũng phải mang cái *sứ mạng* ấy những lúc cô nói đấy.

Phụng cười bảo:

- Nghe anh nói đủ sợ rồi.

Anh bạn bảo:

- Nói trên đài phát thanh là một nghề dễ thương chứ.

Phụng cười tiếp, bảo:

- Chỉ có xướng ngôn viên khó thương thôi.

Đúng trưa, mưa tạnh. Chỉ trong giây lát cả bầu trời lại sáng choang trong nắng. Trên những quãng đường, nước mưa gặp nắng bốc hơi làm không khí trở nên khó thở.

Phụng chia tay với người bạn, bảo:

- Chúng ta sẽ gặp lại nhau ở đài.

Người bạn nói:

- Mình còn buổi thu thanh cuối cùng nữa.

- Vâng.

Người bạn đi rồi, Phụng vẫn phải đứng đợi xe. Trời càng nắng không khí càng nồng nực, khó chịu.

Phụng chạy sang chiếc quán bán hoa bên kia đường, mua một bó hồng.

Đó là việc lâu lâu nàng mới làm một lần. Có lẽ Phụng cũng nên mời mấy đứa em đến nhà ăn một bữa cơm tạm biệt. Bó hoa này sẽ được bày ở phòng khách. Những nụ hoa tươi thắm cho Phụng một chút cảm giác nhẹ nhàng, dễ chịu. Một việc thích thú như thế, nhưng chẳng mấy khi và mấy ai dám làm, đối với cái đời sống chung chung như gia đình nàng, một bó hoa vẫn phải coi là một món xa xỉ.

Thật buồn cho cả hoa lẫn người.

oOo

Trong lúc cắm hoa vào bình, Phụng nghĩ tới người anh không biết đang làm gì ở cái nơi người ta gọi giản dị là "đơn vị" đó?

Một chiếc gai đâm vào đầu ngón tay Phụng làm chảy một giọt máu đỏ tươi. Giọt máu đỏ hơn cả màu của những đóa hoa.

Phụng nhớ tới một bài thơ hay ca từ của một bản nhạc, đã được đọc, được nghe đầu đó "*những cánh hoa này đỏ thắm vì mang trong mình máu của bao kẻ tình nhân đã chết*", thêm một giọt máu của một kẻ chưa là tình nhân của ai cả, còn thêm biết bao nhiêu máu của những người chưa bao giờ được đọc những câu thơ ấy, chẳng lúc nào có thì giờ để nghĩ đến những điều tương tự, những tư tưởng đẹp đẽ, những lời nói như những niềm an ủi lớn lao trong cuộc sống.

Mẹ Phụng nói:

- Úi giời! Mà mua làm gì cho phí tiền vậy con?

Phụng cảm thấy không phải cái mũi gai nhọn hoắt vừa đâm vào tay làm chảy máu mà dường như nó còn chạm tới tận tim làm Phụng nhói đau.

Cắm một bông hoa vào bình có vẻ như đó là một trò chơi lén lút và tàn nhẫn.

Có thể như vậy được chăng?

Nhưng dĩ nhiên nàng chẳng thể nói gì với mẹ về điều đó, chỉ quay đi để mẹ khỏi nhìn thấy mình nhăn mặt, sau đó Phụng lấy lại bộ bình thường, nói với mẹ:

- Cho nhà đẹp hơn một chút mấy bữa trước khi con đi.

Mẹ Phụng giúp con sửa lại mấy bông hoa trong bình.

Bà nói:

- Ngày xưa, nhà mình, ông nội cũng trồng một giàn hồng dài suốt một góc sân trước thềm.

Phụng nói:

- Con tưởng hồng mọc từng cây, cũng có leo giàn hả mẹ?

Mẹ Phụng nói:

- Có chứ. Giàn hồng của ông gần như có bông quanh năm. Bông to và còn đẹp hơn thế này nhiều. Nụ nó kết chặt như nụ sen vậy.

- Khi nhà mình di cư, cây cối ấy còn không mẹ?

- Còn cả. Nhưng bây giờ chắc là hết rồi.

Phụng thầm nghĩ, cái chốn mong ước đó, có lẽ chẳng bao giờ tôi có thể trông thấy được, chẳng ai ra đi còn giữ lại được một chút liên lạc nào, lòng nhớ thương cũng dần phai nhạt, kẻ chết đi mong được gửi nắm xương tàn trên cố hương cũng chỉ còn đành trời trăn lại cho con cháu, sau này, bao giờ về được, hãy bốc mộ đem về. Người còn sống nhận lời như một cách để người chết có được thêm một chút an tâm nhắm mắt, chứ thật ra, người ta cũng chẳng biết đến bao giờ mới thực hiện được việc ấy. Riêng Phụng, trong đáy sâu tâm khảm, thường nghĩ, dù chẳng ai về được cái chốn xưa đó, nhưng tiếng nói của nàng sẽ về tới, sẽ đến thăm hỏi được những đóa hoa trong khu vườn cũ ấy.

Phụng hỏi:

- Nước lụt, cây không chết sao, mẹ?

Mẹ Phụng bảo:

- Chết chứ. Nhưng chỉ chết những cây nhỏ thôi.

- Thường, nước ngập có lâu không ạ?

- Dăm bữa. Nửa tháng.

- Trong nhà cũng có nước hả mẹ?

- Có khi nước lên tới tận mái ấy chứ.

- Năm nào cũng lụt sao?

- Năm nào cũng lụt. Nhưng nước rút đi, bồi phù sa, đất tốt lắm.

Tất cả những chuyện ấy, Phụng đã loáng thoáng nghe, hôm này một chút, hôm khác một chút, nhiều lần rồi, nhưng thỉnh thoảng Phụng vẫn muốn nghe mẹ nhắc lại. Nghe lại những chuyện ấy, Phụng tưởng chừng như cả tâm trí lẫn thể xác được đắm trong hơi nước

mát, mơ hồ vẽ ra trong đầu cái cảnh, một đêm thức giấc, thấy nước tràn vào trong nhà, guốc nổi lều bều trôi lung tung khắp nơi-

- Thế nhưng mẹ ở bên Hà Nội làm sao biết?
- Ở đâu thì cũng phải về thăm ông nội chứ.
- Sao ông không ra Hà Nội?
- Các cụ ngày xưa không chịu bỏ nhà đi đâu đâu.
- Chỉ ít bữa, nước cạn lại về thôi mà.
- Thế chó mèo gà lợn, bỏ cho chết à?
- Vậy hả mẹ?
- Còn bàn thờ, đêm nào ông cũng thắp nhang cả.

Lời mẹ nói làm tôi nhớ tới anh Bằng của tôi, và buồn cười. Anh đã có lần kể với tôi về căn nhà ở quê tôi đó, vào nhà lúc nào cũng mát rượi và luôn có mùi thơm nhẹ của hương trầm, cái mùi thơm ngay khi từ ngoài cửa bước vào trong nhà là người ta ngửi thấy liền, nhưng vào hẳn bên trong có lúc người ta lại tưởng như không có. Chính anh tôi ngày còn bé, đã có lần, như lời anh kể lại, muốn kiểm xem cái mùi thơm đó ở đâu ra, anh đã ghé mũi ngửi quanh cột nhà, hít trên mặt đất. Đất làng tôi lạ lắm, thầy tôi nói rằng, khi làm nhà, dù người ta nện nền nhẵn đến đâu, chỉ ít lâu sau, đất cũng gồ lên thành những cái vẩy, lớn bằng đồng xu hay hơn một chút, giống như vẩy rồng. Người làng tôi tin rằng, làng tôi đã thành tựu trên lưng một con rồng. Ngày xưa, trong làng có một thầy địa lý giỏi, đã cho đào những hào rạch chặn long mạch và thiết lập làng trên lưng rồng. Con rồng đã nhiều lần uống nước, làm cho quãng sông chạy dọc theo chiều dài của làng, chỗ rồng hút nước, dù trong ngày trời quang mây tạnh bỗng nổi sóng ầm ầm, nước xoáy như trút vào trong một cái vực.

Đã có những người mạo hiểm, sau khi nước yên trở lại, thử lặn xuống chỗ nước xoáy xem sao, nói rằng, đã thấy một cái vực sâu hoắm, nước lạnh toát, phải ngoi lên, không dám lặn sâu hơn nữa, cũng chẳng còn hơi đâu mà xuống sâu hơn nữa. Những ngày rồng hút nước như thế, các cụ đều ra đình họp bàn việc làng, cúng khấn thành hoàng, sửa một mâm lễ vật, ra tận ven sông, chỗ xảy ra hiện

tượng rồng hút nước, chính cụ tiên chỉ mặc áo thụng xanh đứng lễ và sau đó cùng với hai tráng đinh, đi một chiếc thuyền tam bản nhỏ, đánh thanh la và trống, mang mâm lễ vật gồm hoa quả và xôi trắng ra đúng chỗ nước xoáy thả xuống.

Tôi không biết thầy tôi có tin những chuyện đó không, nhưng chắc chắn thầy tôi không có ý bài bác..

Các cụ trong làng đều tin rằng đất làng tôi là đất thần thánh, đến lúc phát, dân làng sẽ vinh hiển.

Không biết đến ngày nay có còn ai tin như thế nữa chẳng?

Và, cho đến bây giờ đất chưa phát thì bao giờ mới phát?

Trở lại chuyện cái mùi thơm phảng phất trong gian nhà thờ gia tiên, mỗi khi có dịp về, anh vẫn ngửi thấy, nhưng vẫn không biết từ đâu phát ra. Trông thấy anh nằm dài trên nền nhà hít hít như thế, ông tôi đã hỏi, "mày làm cái gì như con chó thế", anh đã không làm sao trả lời được. Lạ lùng một điều là khi đó, anh chẳng còn thấy cái mùi thơm đâu nữa. Anh đi ra ngoài và khi trở lại, lại thấy cái mùi thơm ấy tràn vào mũi. Sau cùng anh cho rằng, nó ở trong cái lọ cắm nhang bằng gỗ, lưu cữu bao nhiêu năm, hương trầm ngấm vào thớ gỗ, mùi thơm còn sót trong các bát bình hương đầy những chân nhang nhuộm đỏ, trong những bát nước thải, đã thấm vào mọi vật trong khắp gian nhà. Anh tôi nói rằng, có những kỳ hè được về quê chơi cả tháng, lúc ra Hà Nội đi học lại, anh còn ngửi thấy cái mùi thơm kỳ lạ ấy bám trên người.

Ông tôi đã chết trước ngày gia đình tôi di cư vào Nam.

Khi đi, thầy tôi nhờ một người bác trông nom dùm nhà cửa, cúng giỗ tổ tiên, cho bác hưởng hoa lợi ruộng vườn phần của thầy tôi, để bác lo hương hỏa.

Bây giờ, những ruộng đất ấy, có thể đã trở thành tai họa của bác không chừng.

Thầy mẹ tôi cũng cầm bằng như nơi thờ cúng cũ, đã hương lạnh, khói tàn, từ lâu.

Có điều, thầy tôi, dù trong lúc trò chuyện vui đùa, chưa bao giờ tôi nghe người tỏ ý muốn, nếu một mai có chết, con cháu hãy mang xương của người về quê cũ.

Có lẽ vì thầy tôi cũng biết rằng cái ngày ấy khó hy vọng có được.

Tôi nói với mẹ tôi:

- Mẹ cho con mời mấy đứa em đến nhà ăn một bữa nhé.

Mẹ tôi dễ dãi bằng lòng ngay:

- Ờ, mà muốn mời ai thì mời.

- Mẹ cho mọi người ăn một món gì đặc biệt đi.

- Món gì bây giờ?

- Cháo ám được không ạ?

- Con định mời hôm nào?

- Thứ Bảy con đi. Con muốn mời vào ngày thứ Năm này.

- Phải cho tao biết trước có bao nhiêu người mới được.

- Dạ, ba, bốn người.

- Cứ bảo chúng nó tới.

- À, con muốn mời một người bạn ở sở nữa.

- Ai thế?

- Anh bạn làm chung với con.

- Chỉ có một người khách thôi hả?

- Vâng.

- Để mẹ nói với thầy cho.

- Mẹ xin thầy hộ con đi.

Yên lặng một giây, mẹ tôi bảo:

- Còn thằng Bằng chẳng biết ra làm sao.

- Con có mua cho anh mấy cái quà. Bữa nào anh về, mẹ đưa cho anh dùm con.

Tôi không nhìn, nhưng tôi biết mẹ tôi đang sắp chảy nước mắt. Rồi đây, bà sẽ còn chảy nước mắt vì tôi nữa.

Hễ cứ nghe mẹ nhắc tới tên chúng tôi, tôi lại nhớ lời thầy tôi bảo, tên cả anh tôi lẫn tôi, đều có bộ "điều" ở bên cạnh. Chúng mày, sau này có con, con gái không nói làm gì, con trai có con, đặt tên gì cũng nhớ giữ bộ "điều" để anh em dễ nhận ra nhau.

Chim thì phải bay chứ thầy, mẹ? Con là con gái, nghĩa là, cũng bay nhưng hẳn là con chim lạc đàn.

Con tôi, nếu có, không cần giữ bộ điều cũng chẳng sao.

CHƯƠNG BA

Phụng đi qua những đồng gạch vụn, đi trên cái lối đi cỏ đã mọc trùm hai bên, vào trong sở.

Kể từ hồi Tết Mậu Thân, cái cơ sở này, bề ngoài trông có vẻ buồn, vì bị súng đạn làm hư nát, riêng đối với tôi nó quen thuộc và thân thiết như căn nhà thứ hai, mỗi khi phải bước qua đồng vôi vữa, vào làm việc, tôi không khỏi đau lòng.

Trong nhiều ngày sau vụ Tết Mậu Thân, tới nơi làm việc này, ngồi trước máy vi âm, tôi đã không thể nào đọc được một cách bình thường nữa. Mỗi dòng chữ đọc lên tôi tưởng chừng đều vương vát tro bụi, cỏ dại trên cái nền cũ phải bước qua để vào đài. Tôi e rằng, tôi đã không giấu hết được những hình ảnh đồ vỡ nhìn thấy, nên chắc nó đã hiện ra trong giọng nói.

Hôm nay, tôi sẽ nói lời giã từ cả với những những vật âm thầm đó trước khi đi.

Tôi vào phòng vi âm, ngồi dò lại bản tin, chờ đọc trong chốc lát.

Dù biết chưa đến giờ, nhưng theo thói quen, tôi vẫn liếc nhìn cái bóng đèn đỏ được lắp sau tấm kính kẻ hai chữ *On Air* cũng bằng sơn đỏ, báo hiệu phát thanh.

Chúng tôi luôn có một bản tin vào mỗi đầu giờ.

Và xướng ngôn viên bao giờ cũng được các hòa âm viên báo trước giờ phát thanh bằng cách chớp chớp ngọn đèn đỏ có hai chữ *On Air* đó.

Đối với chúng tôi, những ngày đầu tiên làm cái công việc xướng ngôn này, ngọn đèn ấy là một sự đe dọa. Khi nó được bật sáng, xướng ngôn viên tập sự thường nói, họ muốn đứng tim.

Hết sợ đèn, người ta sợ đến cái *micro* để trước mặt.

Qua các giai đoạn này, một xướng ngôn viên mới tự thấy được những điều cần thiết để giọng nói của mình có thể rõ ràng hơn. Chẳng hạn mỗi người sẽ tự định lấy cái khoảng cách giữa miệng

mình và máy vi âm thế nào là vừa. Công việc này, nghe nói, ở các đài phát thanh lớn của các nước khác, đều do các chuyên viên kỹ thuật ở ngoài phòng vi âm sắp xếp.

Chúng ta chưa đủ các nhân viên như thế, nên chúng tôi phải tự lo liệu lấy việc này, và ai có nhiều kinh nghiệm hơn thì chỉ dẫn cho người khác.

Phát âm với một cường độ đều đặn cũng là điều tối cần đối với một xướng ngôn viên. Bằng kinh nghiệm người ta có thể biết khi nào miệng nên ghé gần *micro* hơn một chút.

Tôi còn nhớ kỷ niệm đầu tiên khi vào phòng vi âm, thấy những chiếc bàn dùng để đọc tin, mặt bàn không liền mà được ráp bằng những thanh gỗ thành những ô lủng cách nhau chừng mười phân, đối với tôi khi ấy là một điều kỳ lạ.

Tôi hỏi người nam xướng ngôn viên cùng làm với tôi, tại sao người ta lại làm cái bàn như vậy?

Anh đã nhìn tôi cười bảo, để xướng ngôn viên có lỡ bỏ sót chữ nào thì nó rơi ngay xuống gầm bàn khỏi phát ra ngoài.

Dĩ nhiên tôi ngẩn mặt không hiểu.

Cả tháng sau tôi mới được Sơn giải thích cho hay, bàn phải làm như vậy, cho tiếng nói khỏi bị dội lại máy. Sơn cũng cho tôi biết, tại sao, việc mở cửa phòng vi âm trong lúc đang lúc phát thanh cũng tuyệt đối bị cấm, không phải chỉ vì sợ tiếng động lọt vào mà còn vì sự xáo trộn không khí có thể gây ảnh hưởng tới phẩm chất của chương trình phát thanh, gây khó chịu đối với thính giả.

Bây giờ cái đèn đỏ trong phòng vi âm đó là biểu hiện cho sinh khí đích thực của cơ quan. Nó giống như trái tim của đài phát thanh.

Khi đang đọc bản tin, tôi thoáng trông thấy Sơn ở phía ngoài. Anh chờ tôi đọc xong bản tin, để đi ghi âm một chương trình khác cho buổi tối.

Trong lúc để người bạn bên cạnh đọc đoạn tin kế tiếp (chúng tôi có lúc áp dụng lối đọc xen kẽ hai giọng), tôi ngừng lên nhìn Sơn, mỉm cười chào anh.

Sơn cũng cười chào lại tôi.

Và lạ lùng thay, khi tôi cúi xuống đọc tiếp bản tin, tôi có cảm tưởng không phải Sơn chỉ nhìn tôi bằng đôi mắt của anh, mà anh đã nhìn tôi bằng cả tấm kính ngăn phòng vi âm với phòng máy.

Lúc tôi ra ngoài, Sơn nói:

- Cô mặc cái áo lụa mờ gà này hợp lắm.

Tôi cũng đã nhìn thấy bóng mình trong tấm kính trong của phòng vi âm, vì phía ngoài hơi tối hơn một chút, và tôi cũng có cái sung sướng thấy mình dễ coi.

Đàn bà nhiều khi cũng giống như chim sẻ, có thể đẹp hơn trong trong một ngày trời lạnh.

Tôi cười hỏi Sơn:

- Thật không anh?

Sơn bảo:

- Cô nên mang chiếc áo này theo, thỉnh thoảng mặc.

Tôi nói:

- Tôi sẽ nghe anh.

Ra hẳn bên ngoài phòng máy, nhìn qua cửa sổ, tôi mới biết trời lại đang mưa. Mưa tuôn rùng rùng trên cây đa nhỏ và trên mấy bụi hoa giấy đầy bông tím.

Tôi nói:

- Tưởng hết mưa rồi.

Sơn cũng nhìn ra ngoài cửa sổ, bảo:

- Tôi đến đây đã bị ướt giữa đường.

- Bữa nay tôi có đem theo áo mưa, không sao.

- Vậy hả? Tôi không có áo, xin trời chừa tôi ra.

Tôi lại giật mình thấy ra Sơn có nhiều vẻ giống như người đàn ông tôi đã nhiều lần tưởng tượng nhưng đã không vẽ nổi trong trí. Cái gì

đã khiến tôi không nhận nổi ra anh trong bấy lâu?

Tôi nói, và rõ ràng tôi nghe trong giọng nói của mình một sự cố tình giăng bẫy:

- Nếu trời không chừa anh, tôi sẽ cho anh đi chung áo mưa với tôi.

Sơn cười nhìn tôi. Trong ánh mắt anh có sự riêu cợt nhưng cũng có sự âm áp đáng tin cậy, làm tôi phấn khởi.

Sơn nói:

- Không ướt áo lại đau tim còn khổ hơn.

Tôi hỏi Sơn:

- Anh đã bị đau tim lần nào chưa?

Sơn cười bảo:

- Tôi vẫn cứ tự hỏi thế.

- Thế anh nói dối anh sao?

- Không biết đây là bệnh mình làm ra hay bệnh di truyền.

- Không lý từ xưa tới giờ không ai làm gì anh cả?

- Làm sao cũng chẳng làm sao mà.

- Tôi trông anh đâu có vẻ cứng cáp cho lắm.

- Trái lại nữa đằng khác. Tôi là người rất dễ mủi lòng.

- Anh thường thương người hay thương thân?

- Thương người trước rồi thương thân sau.

- Như thế, anh phung phí sự chung thủy quá phải không?

- Con gái Việt Nam bây giờ hiền lành lắm cũng cỡ cô. Nào có ai để cho một người yêu hết sự chung tình của mình đâu.

- Bây giờ phải làm sao?

- Xuất cảng dần dần là vừa.

Chúng tôi cùng cười với nhau. Cô nữ hòa âm viên vừa điều chỉnh những chiếc nút trên máy phát thanh vừa quay nhìn chúng tôi bảo:

- Các ông bà này nói riết rồi lúc nào cũng tưởng trước mặt mình là cái *micro*.

Tôi cũng cười với cô bảo:

- Em "*đã điều chỉnh âm thanh vừa đủ nghe để khỏi làm phiền hàng xóm*" rồi mà.

Cô bạn cười rũ trên ghế.

Tôi và Sơn đi sang một phòng vi âm kế cận thâu thanh cái chương trình sẽ phát vào buổi tối.

Lúc đi sát khung cửa sổ nhìn xuống vườn, tôi trông thấy những bông hoa giấy rụng lẫn với những chiếc búp đa màu đỏ trên mặt đất sũng nước.

Trời coi bộ chưa thể tạnh mưa được.

Một câu nói nghe thấy lúc đi ngang qua một phòng vi âm lớn, bên trong, một ban nhạc thâu thanh, nhưng mọi người đang dừng tay để chờ cô hòa âm viên thay một cuốn băng mới lên máy "*cô ấy đang thay băng, xin quý vị vui lòng chờ, băng cũ quá không thâu nữa*".

Cô hòa âm viên chừng cũng đã quen với những lời đùa nghịch tương tự, vẫn cặm cụi lắp cuốn băng vào máy, làm như không nghe thấy gì.

Sơn nhìn tôi cười.

Tôi cũng không giữ nổi cho mình khỏi cười.

Hình như cụ Nguyễn Văn Vĩnh ngày xưa có viết một bài phê bình người Việt Nam cái gì cũng cười, hay dở gì cũng hi một tiếng là xong. Cụ không còn sống đến lúc này để thấy, cười được như thế là may đấy. Chúng tôi làm việc, đã có những ngày buồn bã muốn chảy nước mắt, vì gần như ngày nào cũng phải loan đi những tin đau lòng. Đọc nhiều tin chiến sự quá đến nỗi ai cũng có cảm tưởng mình có thể làm phóng viên chiến trường được. Không ai biết, đã có những lúc chúng tôi thực hiện các phóng sự trong một căn phòng bịt kín bằng chăn, quá kín để có thể thở được, nhưng lại chưa đủ kín để làm một phòng vi âm, những ngày dài bị vỡ nát trong dịp Tết Mậu Thân, chưa kịp phục hồi, chúng tôi gọi là "phòng tắm hơi".

Ở trong đó ra người nào người ấy mồ hôi mồ kê nhễ nhại
Và là dịp để phát sinh ra những lời chọc ghẹo mới.

"Này đóng cửa làm gì nhau mà đến nỗi ướt hết thế kia?"

"Tắm hơi hả?"

"Có cần massage, để tôi".

"Ở trong chăn ra với nhau mà chẳng có tình nghĩa gì cả".

"Anh với em vào phòng đi".

"Cứ để đèn trông cho rõ".

Những ngày mới đi làm, tôi sợ hãi quá sức kiểu đùa bỡn ấy.

Nhưng dần dà tôi hiểu ra, đó là những liều thuốc lại sức mau chóng, dù nhiều khi, đã đùa bỡn khó tránh được sự quá trớn, chỉ những đứa con gái như chúng tôi là khổ.

Tuy nhiên, tôi vẫn phải nói, xin cảm ơn những lời nói tục.

Cũng có lần tôi nói chuyện với Sơn về lối cười cợt đó, tôi hỏi anh, có phải cái cười của chúng ta càng ngày càng "nặng" thêm không?

Sơn nói:

- Cũng tại hơi hướm của các bà, các cô cả. Càng ngày bà Hồ Xuân Hương càng thẳng lớn.

- Coi chừng ăn nói vớ vẫn có ngày chết.

- Không, cái này đã tự kiểm duyệt, chỉ phổ biến hạn chế.

Sơn hỏi tôi:

- Cô có coi phim *Prenez garde à la flotte* không?

- Sao?

- Cô cứ tưởng tượng sắp lâm trận, một ông đô đốc Mỹ vác ống nhòm nhìn quanh, thấy trên cột cờ của chiến hạm thay vì lá quốc kỳ lại là một chiếc quần lót đàn bà bay phát phới, do binh sĩ dưới quyền ông kéo lên.

- Trời đất! Rồi ông ta làm sao?

- Hình như ông ta bảo: "Cứ để họ thắng trận đã".

Câu chuyện của Sơn vừa khó hiểu vừa buồn cười.

Đó cũng là lần thứ nhất tôi tự hỏi, thực ra, người đàn ông này là ai?

Chúng tôi tới phòng thảo luận, dọn dò nhau trước những đoạn nào ai đọc, chỗ nào sẽ ngừng sẽ để bên ngoài cho chạy nhạc chuyển đoạn.

Sơn bảo:

- Cô sẽ có dịp nói vài lời từ biệt Việt Nam.

- Thế thì hay quá.

- Đi mất hay còn trở lại cũng phải từ biệt chứ.

Tất nhiên tôi hiểu, đó chỉ là cách nói của Sơn, trong bài viết sẽ có một câu nào đó có ý nghĩa như thế và chỉ chúng tôi biết với nhau, chứ tôi làm gì có tư cách nói lời chào với thính giả trên sóng.

Vì là chương trình ghi âm trước, nên có gì trục trặc có thể làm lại, nên tôi cũng không dò bài trước. Tôi cũng muốn được khám phá những sự bất ngờ trong đó.

Trong lúc chờ đợi hòa âm viên sửa soạn công việc, cửa phòng vi âm chưa đóng, tôi lại nghe vọng từ phòng thảo luận, một bài hát có âm điệu dịu dàng do một nữ ca sĩ hát:

Một ngày trên quê hương chúng ta

không còn chinh chiến nữa

Một người thanh niên xưa lúc đi

nay về thấy mình già

Nỗi mơ ước vừa buồn bã vừa thiết tha, hình như nó đã thấm đẫm khắp mọi nơi, trong những giọt mưa đang rớt xuống ngoài kia, trên những khóm lá và cả trong lòng người nữa.

Tôi nói với Sơn:

- Chiều thứ Năm tôi mời anh tới nhà ăn cơm.

Sơn có vẻ ngạc nhiên:

- Có chuyện chi?

Tôi cười bảo:

- Bữa cơm mấy chị em tôi họp mặt trước khi tôi đi. Anh là khách duy nhất.

Sơn nói:

- Vậy thì tôi không còn cách gì từ chối. Tôi sợ những buổi tiếp tân lắm.

- Anh sẽ có dịp sợ luôn cả những buổi không phải là tiếp tân nữa.

- Một lần không sao.

- Tôi có cô em họ đang học kiến trúc. Tôi muốn giới thiệu anh với nó.

Sơn cười không nói gì.

Chúng tôi bắt đầu thâu thanh.

Trời vẫn tiếp tục mưa.

Trong bài viết của Sơn có đoạn trích một bài Đường thi nói về mưa.

Ở về phía nam triều đình có bốn trăm tám mươi ngôi chùa, trong đó có bao nhiêu cái chìm trong khói mưa?

Nam triều tứ bách bát thập tự

Đa thiếu lâu đài yên vũ trung

Hết mưa đến trăng.

Năm nào là năm thứ nhất trăng chiếu xuống nhân gian?

Ai là người thứ nhất trên đời nhìn thấy trăng?

Trong đêm trăng sáng này có bao nhiêu kẻ luân lạc nương theo ánh trăng bay về được cố hương?

Tôi không thể nhớ hết những gì đã đọc.

Nhưng đầu óc tôi bị huyền hoặc bởi cái ánh trăng tưởng tượng, của cái vàng cổ nguyệt vàng vạc trên bầu trời sơ khai.

"Quê hương", hai tiếng đó nặng nề đến như vậy sao? Khi tóc người đã bạc, bao nhiêu màu sắc thắm tươi của đời lặn sâu cả vào tâm khảm, tô đậm thêm có mỗi cái hình ảnh đó sao?

Trương Nhược Hư.

Cái tên hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Những bóng hình chờn vờn trong các bài thơ đó hình như cũng không còn liên hệ gì với cái đời sống này nữa. Chúng ta đã bỏ thơ hay thơ bỏ chúng ta?

Thâu thanh xong, Sơn bảo tôi:

- Bây giờ cô có thể yên tâm đi được rồi.

Câu nói đùa của Sơn làm tôi xúc động.

Không, đó mới là lúc tôi nhận rõ sự xúc động cảm thấy khi đọc bài.

Tôi nói:

- Chắc tôi nay tôi phải nghe lại chương trình này.

Sơn bảo:

- Nên lắm.

- Mưa thế này làm sao về đây?

- Thế mà lúc này cô còn định cho tôi đi nhờ áo mưa nữa.

- Tôi vẫn không đổi ý.

- Không lý bây giờ lại đội mưa đi để cô có thể giữ lời?

- Anh muốn đi tôi cũng đi.

- Sao bỗng nhiên cô trở nên hăng hái vậy?

- Mai mốt có muốn đi cũng không còn dịp nữa. Anh đi chứ?

- Chờ tôi ghi giờ giấc vào phiếu thâu thanh để tối nhân viên phụ trách biết đường phát đã.

- Anh làm đi.

Trong khi chờ Sơn, tôi đi lại phía cửa sổ nhìn xuống vườn.

Dưới vườn bây giờ không còn phải là ướt nữa, có nhiều chỗ nước đọng từng vũng. Trên những vũng nước đó, bóng của những tàn cây in những vết đen giống như bóng đêm, không rõ rệt, vì gió thổi hất mưa xóa mờ hết hình ảnh.

Cỏ mọc lan man trên những khoảng đất trống.

Phía xa, phòng thâu tin với những dây máy tự động đang đập xành xạch trên các cuộn giấy.

Hai chiếc ống cống không biết ai mang vào trong sân để làm gì, nay thành đồ thừa, dựng sát nhau ở góc vườn.

Sơn tới với chiếc dù cầm trong tay, bảo:

- Có dù sẽ đỡ ướt hơn.

Một trận gió thổi qua giậu hoa giấy, vít những cành cao xuống, thả bật trở lại, làm hoa rụng rơi tả.

Trời dường sa thấp xuống tận mấy cái cột ăng-ten và dây điện trên nóc đài.

Trận gió cũng reo thành tiếng trong cái hành lang chỗ chúng tôi đang đứng.

Sơn hỏi tôi:

- Cô vẫn nhất định đi à?

Tôi nói:

- Anh có quyền đổi ý.

Sơn bảo:

- Không sao. Một mai cô sẽ nhớ mà trở về.

Tôi cũng cười bảo:

- Tôi đã nói tôi không đi luôn mà.

Sơn giương chiếc dù của anh lên ngắm nghía.

- Con gái mà.

- Khó tin phải không?

- Những người có kinh nghiệm cho rằng, thà lấy đàn bà chứ đừng tin đàn bà.

- Thật là một một kinh nghiệm đen tối.

Chúng tôi ra đường.

Mưa mù mịt cả khu phố, ngay cả cái ngã tư gần nhất tôi nhìn cũng không rõ. Những hàng cây cao lớn hai bên lề cảnh nối liền với nhau thành một con đường lợp lá.

Tôi nhớ những buổi sáng mặc áo trắng đi qua những con đường đó, áo đổi thành màu hồ thủy.

Chúng tôi đi qua một giáo đường còn đang xây cất dở. Trí óc tôi hình như đã thừa mưa những hình ảnh, không còn muốn ghi nhận gì nữa.

Nhìn xuống chân mình, hai mũi giày đã lấm bùn.

Đó là lúc tôi biết ra, tôi đang muốn tìm kiếm một cái gì khác chứ không phải chỉ những thân cây cao ngất, nứt nẻ, những mái nhà cũ kỹ với những lớp ngói đen. Bầu trời thân thuộc này, có thể, mai đây sẽ làm tôi đau lòng, nhưng bây giờ đã đủ nhằm chán. Không, có lẽ tôi ước muốn một điều gì khác. Không phải tôi không còn muốn nhìn thấy một vật gì trong tất cả những thứ tôi còn nhìn thấy kia nữa. Nhưng nhìn làm chi, ghi nhớ làm chi, chỉ thêm nặng nề lúc ra đi. Tôi muốn làm sao thu nhận hết, không bỏ sót chi cả, nhưng thu gọn vào đâu đây, bằng cách nào đây, đó là cái tôi đang thấy lờ mờ hiện ra trong tiềm thức, giống như những vết bùn trên hai chiếc giày, mỗi lúc một nhiều hơn, nhưng chỉ là những vết hoen ố, không ra hình thù gì cả.

Dưới chiếc ô, chúng tôi đi với nhau như một cặp tình nhân, và trên một quãng đường dài, chẳng ai nói với ai một câu nào.

Gió vẫn không ngừng reo ào ào trên các tàn cây và làm bạt cả hơi thở.

Đây là lần đầu tiên tôi thở một hơi thở chung với người khác và tôi biết rõ như vậy.

Tới lúc này tôi mới thấy Sài Gòn thiếu nhiều thứ. Thiếu công viên. Thiếu ghế ngồi. Không có chỗ nghỉ chân, dù hai chân mỏi rì. Trời đất trống trơn chứ không che phủ.

Có phải tôi cảm thấy như thế vì tôi chỉ là người tình giả?

Tôi liếc nhìn Sơn, da mặt người đàn ông xanh rờn, hơi nước bám mờ trên cặp kính cận của anh, tóc bị gió thổi tung, khuôn mặt anh như nhìn thấy qua một lớp khói mỏng.

Sơn lấy thuốc lá châm hút.

Khó khăn lắm anh mới quẹt được lửa. Chúng tôi phải đứng lại, tôi xây người với anh, cởi bớt một cái cúc áo mưa lấy vat áo che gió, cái ngọn lửa ấm áp bất ngờ bật lên, khói thuốc Sơn thổi ra dường như làm cho bầu không khí bao quanh chúng tôi khác hẳn.

Cái ánh lửa trên hộp quẹt kề sát bên ngực tôi, soi rõ màu vàng nhạt của chiếc áo, soi rõ độ cong của ngực tôi dưới lớp vải, và khi cài áo lại, tôi có cảm tưởng đã nhốt trong đó cái chút ánh sáng ấy.

Chúng tôi cùng cười với nhau vì cái công việc nhỏ này.

Tôi cũng có thể tin chắc một điều, trong cái khói thuốc đầu tiên Sơn thổi ra đó, không hoàn toàn chỉ có khói thuốc.

Thời khắc trong một giây nghe như hòa với niềm vui vừa nhen lên trong lòng chúng tôi.

Trên một khoảng đường ngắn không có tàn cây, mưa rơi thẳng từ trên cao xuống bắn vỡ trên mặt đường, trông chẳng khác những dấu chân chim nhảy nhót. Đi gần tới trường tôi, tôi mới nhớ ra, cạnh trường có một cái công viên, mưa thế này chắc chẳng có ma nào và chúng tôi có thể tới đó ngồi chơi.

Tôi bảo Sơn:

- Qua đây, anh.

Đi qua cổng trường, tôi ngó vào cái sân nhỏ bên trong.

Tôi đã học ở đây hai năm và không tìm thấy một sự thân thuộc nào. Ngày Chủ nhật không ai đến trường cả. Đèn hành lang cũng tắt. Màu sơn nâu trên các khung cửa ra vào trông sẫm hơn một chút,

làm cho ngôi trường đã cũ lại có vẻ cũ hơn. Cũ như những bộ sách đóng gáy da dày cộm xếp trong các ngăn tủ.

Giã từ mi, ta đã vào nhầm cửa, ta xin đi ra, nhường chỗ cho người khác.

Tôi đọc được trong một tờ báo mẫu chuyện vui nhỏ, thế này.

Một cậu bé hỏi bố:

"Tại sao luật pháp lại cấm người ta lấy hai vợ?".

Ngẫm nghĩ một chút, người bố đáp:

"Sau này, lớn lên con sẽ hiểu, luật pháp được làm ra là để bảo vệ những người không thể tự bảo vệ được lấy mình".

Ngày đầu tiên cắp sách bước qua ngưỡng cửa trường này, tôi đã nhớ lại chuyện đó và cười một mình.

Chúng tôi tới công viên.

Cái bể nước này nhiều hôm ngồi trong lớp tôi vẫn nghe thấy tiếng vòi phun nước.

Bữa nay mưa, các vòi đều được khóa, nhưng mặt nước trong bể vẫn reo rì rào vì mưa và gió.

Quả thật công viên không có một người nào. Chỉ có điên như chúng tôi mới tới đây vào một ngày giông bão thế này.

Tôi không thể không cười thành tiếng vui thú vì sự vắng vẻ này.

Chúng tôi chui vào ngồi dưới gầm cái đài xây vòng phía trên một góc hồ.

Gió từ các ngã đường thổi tới reo rì rầm quanh các chân cột. Con rùa bằng đồng đỏ, đội một chiếc cột, đã tróc mất một miếng vẩy và bắt đầu có những vết rỉ xanh.

Có mùi hoa ngọc lan thoảng trong gió.

Sợn chùng như không chú ý gì đến tôi, không để ý gì đến cả trời mưa ngoài kia.

Vậy, anh nghĩ đến cái gì, anh bạn?

Tôi nói:

- Đây là khu phố đẹp nhất Sài Gòn.

Sơn ngược nhìn tôi. Anh có vẻ ngờ ngác hình như không nghe hiểu tôi nói gì.

Mấy con cá nhỏ mừng nước, đùa rỡ bơi đuổi nhau, luôn lỏi qua các đám rong.

Tôi bảo với Sơn:

- Từ ngày mai tôi sẽ nghỉ luôn, không đến sở nữa.

Tới lúc này Sơn mới như sực nhớ ra điều gì, cảm điều thuốc đang ngậm trên môi ra tay và mở to mắt nhìn tôi.

Anh thấy tôi ra sao trong đám mưa này? Tôi nghĩ và mỉm cười với anh.

Sơn hỏi:

- Cô lo giấy tờ xong hết rồi chứ?

- Dạ, xong rồi.

- Cô có người bạn nào bên ấy không?

- Không.

- Còn việc ăn ở?

- Cơ quan họ sẽ giúp lo liệu những ngày đầu.

- Sau đó?

- Quen rồi sẽ tự lo lấy thân.

Sơn nhìn tôi cười. Tôi không biết anh cười với tôi vì câu chuyện anh đang nói hay vì một ý nghĩ nào vừa chợt nảy ra trong đầu lúc anh nhìn tôi.

Tôi cũng chỉ còn biết cười lại với anh.

Và tôi cũng thoáng nhìn thấy răng của chúng tôi in hai vệt trắng mờ trên mặt bể nước bên dưới. Tôi cố nhận dạng nét mặt mình và nét mặt Sơn nhưng không được, mặc dầu tôi có thể phân biệt rõ ràng

màu của chiếc áo mưa mình đang mặc. Chiếc áo mưa đỏ và cả chiếc mũ đỏ của tôi in giữa nền trời mờ xám trông như một đóa hoa lớn.

Sơn nói:

- Làm với cô bao lâu mà tôi không biết là cô xinh đẹp.

Câu nói của Sơn như âm vang của cái điều tôi nghĩ về anh lúc chúng tôi ngồi trong tiệm nước. Đó là một lời nói dối, một lời nói cho vui hay cũng có một phần sự thật?

Sơn làm tôi bật cười.

Tôi bảo với anh:

- Anh nhận ra tôi lần nữa thì tôi già mất rồi còn gì.

Sơn cười. Trong đôi mắt anh, tôi nhìn thấy sau cặp kính đã bị bám mờ hơi nước, một sự dịu dàng, âu yếm.

Sơn nói:

- Tôi e rằng cô đi rồi người ta sẽ không để cho cô về nữa.

- Anh không muốn tôi về nữa hả?

Sơn cười không nói gì.

Trận mưa vẫn chưa có vẻ gì sẽ ngớt. Gió cuốn những đám mưa reo xèo xèo trên mặt hồ nước và mỗi lúc thêm lạnh. Buổi chiều như treo lơ lửng giữa sự êm đềm và nặng nề. Lá và những cành cây nhỏ rơi đầy trên mặt đường.

Tôi nói:

- Đi cũng buồn, ở lại cũng buồn.

Sơn hỏi:

- Sao?

Tôi nhìn lại Sơn. Tất cả những gì tôi và anh nghe, đọc, nhìn thấy hàng ngày, không có gì buồn cả sao?

Tôi cũng nghĩ, đáng lẽ chúng tôi phải nói với nhau một chuyện gì khác. Một người con trai, một người con gái, ngồi với nhau giữa một công viên dù không đẹp lắm, trong một chiều mưa, vắng vẻ thế này, lại không có điều gì nói với nhau ngoài những chuyện buồn bã sao?

Tôi nói :

- Tôi đã nao nức chờ đợi, đến lúc này lại thấy đi được chưa chắc đã là điều đáng vui mừng.

Sơn nói:

- Coi như một kỳ nghỉ hè.

- Chẳng biết bao giờ mới yên.

- Rồi cũng phải yên thôi.

- Lắm lúc tôi tưởng tượng được đọc một bản tin, bằng tiếng của mình, ở cái chốn xa lạ ấy, là một điều thích thú, lúc khác tôi lại sợ.

- ?

- Đất nước không ổn định, những tiếng nói thả bay giữa trời đó, không có chỗ đáp xuống, cũng giống như mình, sẽ trôi giạt về đâu?

Sơn yên lặng không nói gì.

Tôi cũng không còn muốn kéo dài nỗi buồn chán, giống như trận mưa không ngớt , giữa câu chuyện của chúng tôi nữa.

Tôi bảo với Sơn:

- Thứ Năm anh nhớ đến nhà tôi nhé

Sơn gật đầu:

- Vâng, tôi sẽ cố.

- Không cố. Anh phải đến.

Tôi nói và lại nhìn xuống hai cái bóng của tôi và của Sơn, chập chờn trên mặt bể nước. Đôi lúc tôi có cảm tưởng đau đớn, dường như mình không sống mà đã trôi lều bều trong cuộc sống.

Trong đầu tôi chợt nảy ra một ý định mờ ám.

Và tôi hỏi Sơn:

- Tôi có thật đẹp như lời anh vừa nói với tôi không?

Sơn không trả lời câu hỏi của tôi. Có lẽ anh cho rằng anh đã trả lời tôi trước khi tôi hỏi anh rồi. Cũng có thể tại câu hỏi của tôi hơi lố lăng một chút.

Tuy nhiên, tôi rất hài lòng vì đã nói ra câu ấy trước mặt anh.

Sơn bảo:

- Bây giờ, cô về chứ?

Tôi nói:

- Vâng. Tôi còn phải tới nhà một người quen có chút công việc.

Cái ý định mờ ám của tôi, giống như bầu trời mù mịt bên ngoài, đã được câu nói bình thường của Sơn làm cho quang đãng trở lại. Hình như tôi đã muốn quyến rũ anh. Ý tưởng chưa kịp thành hình đã tan biến.

Tôi vừa mừng vừa hơi chán.

Tuy nói vậy nhưng chúng tôi vẫn chưa ai đứng dậy.

Sơn hỏi tôi một câu bất ngờ:

- Cô không tin là cô xinh đẹp sao?

Tôi cười bảo:

- Đó là điều đâu có dễ tin, phải không?

Chúng tôi đứng dậy, đi lại phía nhà thờ, và ở đó, tôi vẫy được một chiếc taxi để đi.

Sơn còn đứng lại đó khi tôi đi khỏi.

Tôi chắc mình sẽ còn nhớ mãi cái hình dáng anh đứng co ro đằng sau mấy bức tường màu sơn đỏ.

CHƯƠNG BỐN

Tôi đến nhà đưa em họ. Người nhà đang quây quần quanh một bàn mặt chược.

Tôi chào mọi người.

Thím tôi nói:

- Em nó ở trên gác. Bao giờ chị đi?

Tôi kiểm chỗ treo áo mưa, lấy khăn lau mặt, đáp:

- Dạ thưa, tuần tới ạ.

Chú tôi vẫn chăm chú vào ván bài, nhưng cũng hỏi:

- Cháu đi bao lâu?

Tôi không muốn trả lời câu hỏi của ông, bởi vì tôi biết ông cũng không chú ý bao nhiêu đến điều ông hỏi, nên tôi chỉ lí nhí đáp, "dạ thưa cũng không bao lâu ạ".

Ông chú quả nhiên cũng chẳng kịp nghe câu trả lời của tôi, vì tôi nghe ông kêu lên:

- Tứ sách hả? Phỗng.

Cuối cùng lại có tiếng ông bảo:

- Thôi.

Ván bài lại tiếp tục với những tiếng lách cách.

Thím tôi giục:

- Con lên trên gác đi.

Lúc đi ngang qua bàn mặt chược tôi khẽ nghiêng đầu chào mấy người khách lạ và bước lên cầu thang.

Thảo đang ngồi trước một chiếc bàn lớn đầy sách vở.

Tôi nói :

- Chăm thế. Chủ nhật cũng học à?

Nghe tiếng tôi, Thảo quay lại, reo lên:

- A! Chị Phụng.

Tôi nói:

- Mưa quá.

Thảo đứng dậy đi lấy một cái ghế để bên cạnh bàn học cho tôi ngồi.

Trời mưa, trông bên ngoài cửa sổ đã tối đen, mặc dầu trước lúc tôi tới đây, chiều còn chưa hết hẳn. Nhưng cả căn phòng đều đã được chiếu sáng bằng ngọn đèn nhỏ trên bàn học của Thảo.

Thảo nói:

- Mưa suốt ngày. Từ sáng đến giờ em chưa ra khỏi cửa.

Ánh sáng và sự kín đáo của căn phòng khiến tôi cảm thấy ấm áp. Vào đây mới thấy bên ngoài trời lạnh thật. Tôi lại ngồi ngoài mưa với Sơn một lúc khá lâu, nên thấy mặt mũi tay chân đều lạnh toát.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế Thảo vừa mang lại bảo:

- Chị vừa ở sở về.

Thảo có vẻ ngạc nhiên hỏi:

- Tới bữa nay mà chị chưa nghỉ à?

Tôi dùng tay gỡ lại mái tóc, những sợi tóc cũng lạnh ngắt.

Tôi nói:

- Ờ, hôm nay là buổi làm cuối cùng.

- Để em đi lấy lược cho chị.

Tôi ngửi thấy mùi nước mưa trên tóc. Cái mùi thơm nhẹ, đúng hơn, cái mùi đã làm cho tóc tôi bớt thơm đi một chút, không, không phải như thế, quả thật đó là mùi nước mưa bám trên tóc, làm tôi nhớ lại lúc trưa nằm ngủ, tự ngửi thấy cái mùi vị của riêng mình, tôi đã nghe lòng nhen lên một chút xao xuyến, băng khuâng.

Tôi bảo với Thảo:

- Chị có cái lược trong sắc đây rồi. Có nước nóng cho chị một chút thì tốt hơn.

Thảo nói :

- Nước có sẵn đây rồi.

Thảo với chiếc bình nhỏ trên bàn, xoay nắp, rót cho tôi một tách trà bốc khói thơm phức.

Tôi cười nói với Thảo :

- Uống trà không sợ mất ngủ à?

Thảo nói:

- Lắm hôm còn phải uống cà phê để thức học mà hai mắt vẫn dính lại.

Cầm tách nước trên tay, tôi nghe hơi nóng truyền nhanh vào cơ thể.

Thảo nói:

- Em định ngày mai sẽ qua chị, hỏi xem hôm nào chị đi.

- Thứ Bảy tuần sau

- Vậy thì cũng tới nơi rồi.

- Chị tới để mời Thảo, thứ Năm, lại đằng chị ăn một bữa.

Thảo không trả lời câu nói của tôi. Tôi biết nó đang tìm cách che giấu sự xúc động, loay hoay xếp lại mấy thứ trên bàn.

Thảo nói:

- Đêm hôm qua em có nghe chị đọc.

- Thế hả?

- Em nghe mà cứ tưởng như chị đã đi rồi.

Tôi yên lặng, thong thả uống tách nước. Căn phòng êm ả, tiếng gió mưa bên ngoài nghe rõ hơn. Những vạt nước gió cuốn reo rào rạt trên bức tường ngoài cửa sổ. Trận mưa kéo dài quá đến nỗi tôi tưởng chừng cái tiếng mưa reo rì rầm đó có sẵn trong đầu.

Tôi nói:

- Tối nay sẽ là buổi phát thanh cuối cùng của chị.
- Em sẽ nghe.
- Sắp thi hay sao mà chăm thế?
- Chưa.
- Lúc mưa lớn chị ngồi ở chỗ công viên cạnh trường mới thấy thành phố cần có thêm nhiều công viên nữa.
- Không lý chị ngồi một mình ngoài mưa?
- Không một mình mà cũng như một mình.

Thảo nhìn tôi dò hỏi. Nó vẫn giữ nụ cười trên môi. Nó có đôi mắt thật đẹp, nhưng đôi lúc hình như quá sáng.

Thảo hỏi:

- Ngồi với ai?
- Anh bạn làm cùng sở.
- Em ít nghe chị nhắc đến "ảnh".
- Ờ, mãi tới lúc sắp đi khỏi, chị mới thấy ra anh ta cũng có vài cái hay ho.
- Cả hai người cứ ngồi đợi mưa thôi à?
- Thì cũng nói huyên thiên.
- Nói ở đài chưa chán hả?
- Anh ấy là người viết những chương trình chị đọc.
- Thỉnh thoảng em cũng có đọc anh ấy.
- Sao?
- Không làm nổi cho chị chú ý trong suốt mấy năm làm việc như thế là quá dở.
- Có lẽ tại chị không có gì đáng chú ý thì đúng hơn.
- Khiêm nhường nhỉ.
- Buổi chiều anh ta khen chị mặc cái áo này đẹp.

- Càng lúc càng tệ.
- Tệ cái gì?
- Chỉ khen có cái áo thôi à?
- Có. Chàng còn khen chị xinh đẹp nữa.
- Anh ta cận thị phải không?
- Ừ.
- Chị xem em có tài không?
- Đến lúc chị hỏi lại, anh có thấy tôi xinh đẹp thật không, anh lại không nói gì.
- Sợ à?
- Sợ gì?
- Sợ chị hiểu nhầm là anh bắt đầu mê chị.
- Không đâu. Chị có mời anh ta đến ăn bữa thứ Năm này, em sẽ có dịp gặp.
- Coi chừng những anh cận thị.
- Sao?
- Anh ta nhầm em với chị thì chết.

Thảo cũng lấy tách rót nước uống. Nó châm thêm trà vào tách cho tôi.

Ở dưới nhà tôi vẫn nghe tiếng lách cách của những con bài va chạm và thỉnh thoảng tiếng người cười lớn hoặc phàn nàn.

Không khí vừa có vẻ gì đó ấm cúng vừa tẻ nhạt.

Tôi cười bảo với Thảo:

- Nếu anh ta chú ý tới Thảo thì không phải sự làm lẫn đâu.

Thảo cũng cười bảo:

- Chị âm mưu cái gì đây?

Tôi nói:

- Chị thấy có vẻ như gặp anh ta, em có thể nảy ra những ý kiến hay không chừng.

- Chị đã khen chắc phải có cái gì hay ho thật.

- Bao lâu, nghĩ lại, chị thấy anh ta lúc nào cũng lười biếng như một con cá vàng vậy.

- Hay tại chị không biết khuyến khích.

- Chị có bao giờ nghĩ tới chuyện đó đâu.

- Chị có nhớ Alexis Zorba không? Hắn đã nói với ông chủ của hắn về cái bà góa trong khu phố rằng, cứ nghĩ đến cảnh bà ta phải ngủ một mình mà tôi chết cả cõi lòng.

- Khi.

- Lắm lúc em cứ nghĩ, hình như chỉ có các góa phụ mới đích thực là đàn bà.

Chúng tôi gặp nhau chỉ để nói những chuyện ba láp như vậy, nhưng có khi nói cả ngày không hết.

Nghe Thảo nói, nhìn cái ánh đèn chiếu sáng một khoảng trên mặt bàn, hắt cái ánh sáng nhạt hơn ra chung quanh, nghe những tiếng động từ dưới nhà vẳng lên, tôi vẫn không ngớt cảm thấy một sự buồn nản, hình như chúng tôi rớt vào một bầu không khí nửa ấm cúng, nửa lạnh lẽo.

Tôi nói:

- Những mộng ước lớn lao của cô đâu cả rồi?

Thảo cười:

- Vẫn chưa quên đâu.

- Trưa nay có lúc trời đẹp quá.

- Thế à ? Em ngồi ì trên ghế này từ sáng đến giờ.

- Nhìn trời đất bỗng thấy nhớ Hà Nội. Dĩ nhiên chỉ là thứ Hà Nội trong ký ức của một đứa trẻ.

Thảo cười:

- Hảo huyền quá.
- Mình lắm lúc vớ vẩn thật.
- Chị còn biết một tí về cái chốn ấy chứ em hoàn toàn mù tịt.
- Biết quái gì. Chị chỉ hơn em vài tuổi.
- Tuy nhiên em có được xem vài đồ án và kiến trúc đẹp nhất của Hà Nội.
- Chị không biết những kiến trúc ấy, chỉ nhớ thời tiết.
- Anh nào ra khỏi Hà Nội cũng mang theo một tí thời tiết Hà Nội.
- Người bạn chị vừa nói với em, bảo rằng, lắm lúc cái thành phố ấy nó hành hạ anh ta như một thứ bệnh tê thấp vậy.

Thảo cười thành tiếng.

Nó có vẻ thích thú vì cái điều vừa nghe.

Thảo hỏi:

- Bộ trưa nay trời giống Hà Nội lắm sao?

Tôi nói:

- Giống hay không chị đâu có biết, nhưng nó làm cho tưởng như vậy.
- Bây giờ thì em hiểu tại sao trong giọng nói của chị luôn có một vẻ gì đó buồn buồn.
- Thật hả?
- Chị không thấy thế à?

Thảo nhìn tôi. Tôi có cảm tưởng còn sót lại trong đôi mắt nó một nửa cái nhìn của Sơn.

Tôi lặng thinh chờ câu nói tiếp của Thảo. Nhưng hình như nó không muốn nói gì nữa.

Tôi lại nghe một tiếng cười từ dưới nhà vẳng lên.

Tôi nói:

- Vui nhỉ.

Thảo bảo:

- Không biết có cái gì trong mấy quân bài đó mà ông nào, bà nào cũng mê mẩn quá thế.

Tôi nhìn mấy cái móng tay mình, dường như hơi nước đã làm cho mềm hơn.

Thảo bảo:

- Em nghe giọng chị nói, y như lúc nào chị cũng đang nhớ một cái gì đó.

- Nhớ gì đâu.

- Ai biết.

Tôi cười. Nhớ gì? Có những lúc sau khi đã nghe lại hết những gì mình đọc, thấu đáo mọi ý nghĩa trong các chữ Sơn viết, tự nhiên tôi thấy sợ.

Cái tiếng nói giữa trời đó rồi sẽ rơi về đâu?

Cứ tưởng tượng một người bà con nào đó của tôi, hiện còn ở lại ngoài Bắc, cái người thầy mẹ tôi đã ký thác những tư tưởng, hương hỏa chẳng hạn, nghe những tiếng nói ấy, chắc chắn sẽ không thể nào biết được người đang nói đó lại là tôi, trong người có mang một chút huyết thống của giòng họ, anh chị của tôi, lại càng không biết tôi là ai. Vậy mà có thể, những tiếng nói ấy đã lẫn khuất quanh họ, trong nhiều giờ, nhiều phút. Có thể họ đã chết cả nhưng tôi không hề hay.

Và, tất cả những điều này có nghĩa thế nào?

Tôi nói với Thảo:

- Mai một chị nói ở bên ấy, Thảo nhớ đón nghe nhé.

- Chắc chắn em sẽ nghe.

- Hễ bữa nào không thấy tiếng chị thì chắc là chị đau ốm rồi.

- Thế, ai dám nghe.

- Chưa đi mà chị đã thấy nhớ.
- Chúng mình sẽ liên lạc bằng thư.
- Đi suốt buổi chiều ngoài đường, mới rời cảng mới biết Sài Gòn thiếu nhiều chỗ ngồi chơi thật.
- Nhẽ ra thành phố của mình có một con sông như thế, để làm cho đẹp lắm.

Thảo vẫn nói với tôi về mộng ước thiết lập những vườn hoa hai bên bờ sông. Sài Gòn có vẻ là một thành phố phát triển hỗn loạn mất rồi. Nó muốn nếu có cơ hội, sẽ đề nghị xây dựng những thành phố vệ tinh, giải tỏa bớt những khu chật chội. Còn có thể làm những kinh đào dẫn nước vào các nơi dự tính cho thành phố đẹp hơn.

Tôi cười bảo với Thảo:

- Giá chị có quyền, chị sẽ cho em mượn con sông để em làm thử xem sao.

Thảo cười bảo:

- Đó là chuyện khó. Có những việc có thể làm được ngay cũng chẳng ai chịu làm: giữ cho thành phố sạch sẽ chẳng hạn.
- Em còn muốn làm gì nữa không?
- Đô Thành cũng nên có một ban cố vấn mỹ thuật gồm những người có thể tin cậy được để họ giúp ý kiến chỉnh trang thành phố.
- Chị nhớ có đọc báo, hình như ở đâu đó, người ta định sửa lề đường một góc phố, nhưng việc sửa sang này có thể làm mất đi cái vẻ đẹp riêng của khu phố, và dân chúng đã yêu cầu chính phủ đừng bao giờ làm những việc tương tự mà không hỏi ý kiến dân chúng trước.
- Nhất là việc thiết lập những công viên và tượng.

Đối với Thảo, thà để một tảng đá trong công viên còn hơn bày một cái tượng xấu.

Trong lúc vui đùa, tôi có nói với nó, cứ từ từ, sau này tôi sẽ bầu cho nó làm dân biểu, chừng đó hãy cố thuyết phục mọi người thực hiện

ý muốn của mình.

Tôi cũng nghĩ một thành phố dù nghiệt ngã đến đâu cũng vẫn phải có cái thị vị của nó, không tìm thấy chất thị vị có nghĩa là thành phố bị ngạt hơi.

Tôi rủ Thảo:

- Đi phố chơi không?

Thảo mở to mắt nhìn tôi:

- Mưa mà.

- Chị đi cả ngày ngoài mưa, có sao đâu.

- Chưa đủ chán à. Đi đâu?

- Chị đã nói với bác rồi. Mình có quyền đi lâu lâu cũng được.

- Đi thì đi. Em ngồi từ sáng đến giờ cũng cuồng chân rồi.

Tôi ngồi chờ Thảo sửa soạn, xong, chúng tôi xuống nhà. Thảo xin phép bố mẹ và tôi cũng chào ông bà, nói:

- Chúng con ra ngoài một lát.

Mẹ Thảo dặn:

- Hôm nào đi thì cho chú thím hay.

Tôi cười thưa:

- Vâng, thế nào con cũng xin đến chào chú thím ạ.

Thảo lấy xe gắn máy, chở tôi. Chúng tôi mặc áo mưa, đội mũ ra đường.

oOo

Trời đã tối. Trận mưa không còn lớn lắm, nhưng lẫn với bóng tối bắt đầu loang ra, trông như còn mù trời.

Đường phố ít người qua lại. Cành khô gãy và lá rụng đầy trên lối đi.

Thảo lại hỏi:

- Đi đâu?

- Đến rủ Nhiên luôn không?

Nhiên là con ông cậu tôi. Chúng tôi chơi với nhau vừa như chị em trong nhà, vừa như bạn. Nó là con trai, nên thỉnh thoảng chúng tôi nhờ nó đi "hộ vệ".

Thảo nói:

- Sợ nó không có nhà.

- Kệ, cứ đến. Không có nó hai đứa mình tính sau.

Nhiên có ở nhà. Thằng nhỏ đang loay hoay với chiếc máy vô tuyến truyền hình tháo tung trước mặt trong phòng riêng của nó mà chúng tôi gọi là "xưởng thợ".

Thấy chúng tôi đến nó kêu lên:

- Các bà giết nhà con rồi.

Thảo đậu xe, tắt máy, gỡ bỏ mũ, áo mưa mắc lên tay lái xe, cười bảo:

- Giết cái gì?

Nhiên chỉ vào đồng máy móc, nói:

- Sao không đến sớm, đợi đến lúc người ta làm tung bánh té bãi ra thế này mới đến?

Tôi cũng cười bảo:

- Cứ việc để yên như thế, đi chơi một lát, chốc về làm.

Nhiên kêu:

- Mưa thế này mà bắt con người ta ra đường à?

Thảo nói:

- Sợ à?

- Điên vừa vừa thôi.

- Đây có muốn đi xem ciné không mất tiền không?

Thằng nhỏ nhăn nhó. Chắc chắn hai đứa tôi đến là nó không thể ngồi yên được rồi.

Nhiên nói:

- Đừng có ai động vào cái gì của tôi. Để tôi đi rửa tay vậy.

Chúng tôi cùng cười, ngồi chờ nó. Một lát Nhiên trở ra với bộ đồ mới thay.

Thảo nói:

- Thế có phải dễ thương không.

Nhiên nói:

- Thôi thôi, mời các bà đi ra cho nhà con đóng cửa.

Tôi nói:

- Chị có cô bạn xinh lắm. Nhiên chịu khó, đừng nhăn nhó, hôm nào chị giới thiệu cho.

Nhiên gườm gườm nhìn tôi bảo:

- Nhà con chỉ biết sửa máy, không biết sửa đàn bà.

Thằng nhỏ coi bộ đường khoa cử lận đận, thi mãi cái tú tài không xong, xoay qua học nghề sửa ti-vi. Nó đã học mau lẹ một cách khác thường. Chỉ trong một thời gian ngắn, nó đã có thể kiếm được tiền. Bây giờ thì khách hàng của nó khá đông rồi. Nó đang dành dụm để sang một cái cửa hàng. Nhờ có tay nghề, khi bị động viên, nó được ở đơn vị chuyên môn. Nó quyết chí kiếm tiền nên cặm cụi làm việc, gần như không bỏ phí phút nào.

Thảo cười bảo:

- Dóc. Nhiên mà có vợ lại không chiều thấy mò áy à.

Thằng nhỏ nhăn răng cười. Đó là lúc chúng tôi biết rằng nó đã bằng lòng, vui vẻ đi chơi.

Nhiên nói:

- Tôi báo cho các bà hay là hôm nay tôi đã có xe mới để chở các bà rồi.

Thảo vui mừng hỏi:

- Thật hả? Xe gì?

Nhiên không trả lời câu hỏi của Thảo. Nó giục chúng tôi lấy áo mưa, cứ để xe của Thảo ở nhà, đi theo nó.

Nhiên mới mua một chiếc xe hơi Honda 360. Nó để ngay ở cửa, nhưng lúc chúng tôi tới không để ý, nên không thấy.

Thảo nói:

- Hoan hô Nhiên!

Thằng nhỏ cười phồng mũi. Nó mở cửa cho chúng tôi lên xe.

Tôi nói :

- Ngon rồi.

Xe mới tinh, sơn đỏ, nệm ghế còn thơm mùi da bọc màu đen.

Nhiên nổ máy, xe chạy êm như ru.

Thảo nói:

- Gớm thật. Có xe mà chẳng chịu khao gì cả.

Nhiên cười:

- Mới mà. Mới lấy về hôm qua.

Thảo ngoảnh cổ nhìn ra phía sau, rồi quay lại bảo:

- Vậy thì hôm nay khao cũng chưa muộn.

Tôi nói:

- Rồi, có cái xe này lấy vợ được rồi.

Nhiên nói:

- Làm học cơm chỉ để nuôi các bà.

Thảo bảo:

- Có đưa nó chịu để cho nuôi là phúc đấy.

Nhiên nói:

- Bà với bà Phụng bố ai dám lấy!

Thảo nói:

- Tôi chờ xem vợ Nhiên hiện thực tới mức nào.

Nhiên giơ hai tay lên trời rồi lại chụp lấy cái bánh lái, bảo:

- Cứ ngồi mà rình thiên hạ.

Tôi ngó Nhiên trong tấm kính chiếu hậu của xe.

Thằng nhỏ trông cũng bảnh trai dù có hơi "đần" một chút. Tuy nhiên, bù lại, nó rất khỏe mạnh. Và, tuy nó hay nói với chúng tôi bằng cái giọng cảm cẩu như vậy, nhưng đôi lúc cũng *galant* và duyên dáng ra phết.

Tôi nói:

- Hôm nay Nhiên có toàn quyền hướng đạo.

Nhiên liếc nhìn chúng tôi rồi lại quay nhìn thẳng trước mũi xe, bảo:

- Tôi xin làm tái xế thôi.

Thảo nghếch cổ cười, bảo:

- Đừng có giả vờ để trốn

Nhiên cười. Nó lấy thuốc lá châm hút. Khói thuốc làm tôi nhớ đến Sơn, nhớ lại dáng anh lui cui lúc tôi đã bước lên xe, anh còn đứng lại đằng sau nhà thờ.

Nhiên bảo Thảo:

- Sao bà không đi mà chị Phụng lại đi?

Thảo ngả đầu vào vai tôi bảo:

- Lúc nào cần đi thì cũng đi vậy.

Chúng tôi đi loanh quanh qua vài khu phố. Mặc dầu trời vẫn tiếp tục mưa nhưng người ta vẫn ra đường khá đông.

Thằng nhỏ nói:

- Đi đâu chứ chạy rong ngoài đường thế này hả?

Thảo bảo:

- Đã nói là đi chơi mà.

Tôi bắt đầu nhìn thấy những khu phố mù mịt trong mưa và bóng đêm.

Những hạt mưa rơi vỡ trên tấm kính xe thành những hình thù kỳ dị, trong suốt. Các căn phòng trên mấy dãy lầu cao sáng đèn, ánh sáng chiếu qua màn che hay khung cửa sổ để không, đối với tôi nó như ngõ ngách của một thế giới khác. Không biết những ai sống ở đằng sau các khung cửa ấy? Trong trí tưởng của tôi, đời sống ở những chốn đó không bao giờ thật sự có thể là đời sống của một gia đình. Đó là chỗ vui chơi tạm bợ, nơi cư ngụ của những người khách từ phương xa tới, ở lại một vài ngày, rồi đi, rồi những người khác đến thay thế.

Tôi nói:

- Lạ thật!

Hai đứa nhỏ dĩ nhiên không hiểu tôi nói gì. Chúng nhìn tôi ngỡ ngác.

Tôi bật cười vì lỡ nói một câu chẳng có đầu đuôi gì.

Thảo hỏi:

- Cái gì lạ?

Tôi cười bảo:

- Không hiểu những người sống trong các building, họ sống như thế nào?

Thảo nói:

- Có muốn thử một lần không?

Nhiên nói:

- Thì người ta cũng sống như những nơi khác có gì lạ đâu?

Thằng nhỏ lái xe quẹo một đường cua, nước bắn tung tóe. Một vài người đứng trú mưa dưới các mái hiên đưa mắt nhìn theo chiếc xe.

Thảo nói:

- Thiên hạ coi bộ không mấy ưa những kẻ có xe hơi thật.

Thằng nhỏ cười bảo:

- Xe này hoàn toàn do sức lao động của tôi kiếm ra đấy, thưa bà.
- Bộ mình ông lao động hả ?

Rồi Thảo bảo:

- Sao không đi xa một chút cho bố cái xe của ông ký cốp?

Tôi nói:

- Phải đấy, lên Thủ Đức ăn một bữa đi.

Thằng nhỏ không nói gì. Nó lẳng lặng lái xe và chúng tôi đã nhìn thấy xa lộ trước mặt.

Con đường ướt mưa đen bóng, thấp đèn sáng trưng, xe cộ qua lại tấp nập. Những chiếc xe đò, xe lô, chở đầy khách, từ các ngã đổ về thành phố.

Tôi hỏi:

- Xe này chạy tới Đà Lạt được không?

Thằng nhỏ dẩy nẩy lên:

- Xe thật đấy không phải hàng mã đâu.
- Giá biết sớm, mình đi Đà Lạt chơi vài bữa thích biết mấy.

Thảo bảo:

- Còn đủ thì giờ mà.
- Nếu các bà tối nay về sửa soạn, mai tôi tình nguyện đưa đi.
- Thế còn công việc?
- Tôi đang được nghỉ phép một tuần.
- Thế thì trời giúp ta rồi.
- Đi không?
- Đi.

Chúng tôi ghé vào vào một cái quán khá đẹp. Lối đi vào sâu hun hút, hai bên lề những cây tràm lá thướt tha và những chùm bông vàng

người ta vẫn còn có thể nhìn thấy trong bóng tối vì có nhiều cành sà xuống thấp. Mùi hương hoa thơm trong gió.

Quán được cất bằng sàn gỗ và những lóng tre trông xuống một khu vườn cỏ.

Khoảng sân đất lớn, chung quanh cũng được trồng trà và khuynh diệp. Gió thổi, những đám lá reo xào xạc.

Thảo nói:

- Việc gì phải đi đâu, ở đây cũng đủ đẹp chán rồi.
- Có chỗ ngồi thích thế này mà chẳng bao giờ Nhiên chịu đưa chị tới cả.
- Các bà lo khoa bảng quá, ai dám rủ.

Thảo nói:

- Có bò vào đây ngồi thì nhất.

Thằng nhỏ hỏi:

- Có chưa?

Thảo cười:

- Chưa. Nhất định phải học xong đã. Chừng đó nếu có bị phá hoại mình cũng "kiến trúc" lại được.
- Cố lên!
- Ở đây có món gì ngon?
- Nhiều lắm. Nhưng ngon nhất là thịt bò khoai tây rán. Các bà có dám uống rượu không?
- Dám chứ sao không?
- Tôi khao các bà uống rượu.

Thảo giao hẹn:

- Rượu gì đừng say ấy.

Thằng nhỏ cười:

- Uống rượu say, lấy chồng sợ bị phá hoại. Đờì bà rồi làm nên cái trò trống gì?

Thảo nói:

- Cái đó phải chờ mới biết được.

Tôi nói:

- Trong khi chờ đợi chúng ta hãy ăn thịt bò khoai tây rán.

Trong lúc ăn chúng tôi nói lại vụ đi Đà Lạt. Cuối cùng, ý định này bị hủy bỏ, thay thế bằng chuyến đi Vũng Tàu.

Thảo nói:

- Như thế cho đỡ mệt. Có thể sáng đi chiều về được.

Thằng nhỏ bảo:

- Ở lại một bữa cho bà Phụng nếm mùi ngủ khách sạn.

Thảo reo lên:

- Hay lắm. Tôi sẽ có dịp nhìn tận mắt xem họ làm khách sạn thế nào.

- Bà này chán quá.

- Chán cái gì?

- Chưa chi đã méo mó nghề nghiệp.

- Vũng Tàu sau này sẽ là một trung tâm du lịch lớn của mình. Không có cái gì để khoe cũng uống.

- Gái góa toàn lo chuyện quân vương.

- Ai bảo với ông là tôi góa?

- Ấy là chưa góa đấy.

- Góa thì sao?

- Chừng ấy sẽ lo ngủ hay lo lấy chồng khác. Bà "mẹ" nào rồi cũng chỉ đến lấy chồng là hết chuyện.

Chưa bao giờ tôi được những miếng khoai rán ngon thế. Có lẽ cũng tại cái chỗ ngồi vừa ý, nên vị của những hạt muối tiêu cũng có vẻ

đậm đà hơn.

Tôi ngồi yên lặng nghe hai đứa em nói ba láp.

Chúng tôi, mỗi người uống một ly rượu chát. Mỗi lần được nhấp một chút rượu này, hay trông thấy thứ rượu này, tôi thường nhớ tới câu kinh "*-mong được kết hợp với Chúa như giọt nước trong rượu nho*".

Tôi cảm thấy những ngày vô vị của mình, những ngày sống lẻ loi, như ly rượu không được hòa với nước hay ngược lại.

Hai mươi mấy tuổi, tôi chưa được sống một ngày tình ái. Như thế không uống sao?

Tuổi trẻ bỏ không, như rượu rót ra ly, để lâu, men sẽ nhạt.

Tình yêu có phải chính là men của đời sống?

CHƯƠNG NĂM

Dù chớp mắt rất muộn, chúng tôi vẫn thức dậy trước giờ hẹn.

Mẹ tôi cũng thức dậy cùng với chúng tôi.

Tôi nói với bà:

- Tụi con ra Vũng Tàu chơi, nếu vui sẽ ở lại, chiều mai mới về.

Mẹ tôi không nói gì.

Thảo ghé tai mẹ tôi bảo:

- Bác dậy làm gì sớm vậy?

Mẹ tôi cười với nó :

- Sáng nào bác cũng dậy giờ này, nấu nước.

Rồi bà quay lại hỏi chúng tôi:

- Tụi bay có muốn uống cà-phê không?

Tôi nhìn Thảo. Nó không tỏ ý gì.

Tôi nói với mẹ tôi:

- Để chúng con đi coi lại hành lý một chút.

Chúng tôi trở lên phòng.

Thảo hỏi:

- Chị ngủ được không?

- Được.

Chúng tôi trang điểm qua loa. Thảo thoa một lớp son môi mỏng, trông nó tươi rói. Tôi cũng mừng vì không đến nỗi mệt như đã lo, chuyến đi chơi sẽ không vui.

Lúc chúng tôi xách mấy cái túi đồ đã sửa soạn từ tối qua, xuống nhà, mẹ tôi đã pha cho mỗi đứa một tách cà-phê, để sẵn trên bàn.

Bà nói:

- Uống đi.

Thảo bưng tách cà-phê lên, bảo:

- Cà-phê của bác thơm quá.

Mẹ tôi hỏi :

- Tụi con đi bằng gì?

Tôi nói:

- Dạ, đi bằng xe của Nhiên. Nó đến đón bây giờ ạ.

Chút nước thơm làm cho thần trí hoàn toàn tỉnh táo. Trông Thảo mượt mà trong bộ đồ mới, mái tóc vừa chải và môi thoa son. Trông thấy nó như thấy buổi sáng trời trong, hứa hẹn một ngày vui. Tự nhiên tôi thấy tiếc, hình như chúng tôi đã bỏ phí, không biết cách hưởng, để bao nhiêu ngày tháng của mình trở thành rỗng không. Song giá có được làm lại, tôi cũng chẳng biết sống thế nào mới là phải.

Thảo nói với mẹ tôi:

- Còn sớm quá, bác vào ngủ thêm một chút nữa đi.

Mẹ tôi bảo:

- Thôi được, các chị cứ đi đi đã.

Chúng tôi lắng nghe xem có tiếng xe của Nhiên không, nhưng chưa thấy. Uống hết tách nước, chúng tôi mở cửa ra sân. Mẹ tôi tắt bớt ngọn đèn trong bếp, trở ra, đứng trước thềm hỏi chúng tôi "đã sắp đủ đồ dùng chưa"?

Thảo thưa "đủ rồi ạ" và nó lại giục mẹ tôi đi ngủ lại.

Mẹ tôi trở vào trong nhà.

Tôi nói trước khi mẹ tôi đóng cửa lại:

- Mẹ tắt luôn đèn con đèn ở phòng khách.

Mẹ tôi lẳng lặng đi vào trong nhà.

Ngọn đèn trong nhà tắt đi cho thấy rõ hơn buổi sáng ngoài sân. Trời mờ mờ nên trông những đám mây như còn có thể mưa nữa. Trên sân những cọng phi lao vàng rơi đầy.

Buổi sáng hoàn toàn mát mẻ.

Thảo nói:

- Ít khi dậy sớm thế này.

Tôi cười bảo với nó:

- Chị phải đi làm nên luôn dậy sớm.

Ngoài phố xe cộ bắt đầu qua lại. Chim sẻ rúc kêu lẹt xẹt dưới mái hiên, bay ra, đậu trên mấy cành phi lao.

Một con ong mật to đen từ đâu bay tới đánh quàng quanh mấy tàn lá rồi vụt bay đi mất.

Nhiên tới.

Nó bấm còi. Chúng tôi xách đồ, mở cửa, đi ra.

Thằng nhỏ kêu:

- Tưởng các bà chưa mở mắt nổi chứ.

Thảo nói:

- Chờ Nhiên dài cả người rồi.

Thằng nhỏ cười. Chúng tôi lên xe. Nhiên tiếp tục cho xe chạy.

Tôi đưa cho nó địa chỉ điểm hẹn với Sơn.

Nhiên hỏi:

- Mang đủ đồ không?

Tôi nói:

- Đủ.

- Ăn sáng chưa?

- Chưa. Mỗi đứa chỉ mới uống một chút cà-phê thôi.

Trời mát. Phố xá xe cộ, người qua lại, còn thưa thớt. Tôi có cảm tưởng đã sống qua một buổi sáng tương tự thế này rồi. Nhưng chắc đó chỉ là chuyện xảy ra trong một giấc mơ nào. Trời chìm trong lớp ánh sáng xám của mặt trời chưa mọc. Từ hôm qua đến giờ chúng tôi bị vây bủa bởi bầu trời âm u, hết cơn mưa này đến trận mưa khác. Gió trong các cơn mưa đó, gió của buổi sáng còn ẩm hơi sương này, có một vẻ lạnh như nhau, cả bầu trời mờ đục nữa.

Nhiên hỏi:

- Ăn sáng ở đây hay ra ngoài đó ăn luôn?

Thảo nói:

- Tùy.

Tôi nói:

- Đến đón anh Sơn đã.

Sơn đợi chúng tôi tại một cái quán Tàu. Phần lớn khách hàng là những người lao động đang ăn uống, trò chuyện to tiếng, dưới ánh sáng của mấy ống đèn *néon*.

Tôi xuống xe vào đón Sơn.

Tôi hỏi anh:

- Đi luôn chứ anh?

Sơn hỏi lại:

- Cô không ăn uống gì sao?

Tôi nói:

- Còn mấy đứa em .

Tôi chắc cả hai đứa đều muốn đi luôn, nên đã ngồi im trên xe.

Chúng tôi ra xe.

Tôi giới thiệu Sơn với Nhiên và Thảo. Nhiên xuống xe bắt tay và mời Sơn ngồi vào ghế đằng trước. Tôi và Thảo ngồi phía sau.

Tôi muốn mọi người làn quen với nhau và tôi nói:

- Bây giờ chúng ta biểu quyết xem sẽ ăn sáng ở đây hay ra ngoài Cấp.

Thảo nói:

- Anh Sơn là khách, có quyền quyết định.

Sơn xây người lại cười với Thảo. Anh cũng đưa mắt hỏi ý tôi, bảo:

- Sao cũng được.

Nhiên nói:

- Vậy thì ăn ở đây đi. Chắc bụng đã, tính chuyện chơi sau.

Tôi bảo:

- Nhiên kiếm chỗ ăn đi.

Chúng tôi tới một cái quán trên đường Tự Do mở cửa sớm. Quán còn vắng, chỉ có vài người khách ngoại quốc đang ngồi ăn sáng và đọc báo.

Trong lúc ăn, Thảo nói với Sơn:

- Đêm qua tụi em có nghe chương trình của anh.

Sơn hỏi:

- Cô thấy cô Phụng nói thế nào?

Thảo cười bảo:

- Cũng còn tùy vào bài viết của anh chứ.

Tôi nói:

- Nó không ưa tôi đâu.

Sơn hỏi:

- Cô là người học kiến trúc đó hả?

Thảo bảo:

- Sao anh biết?

Tôi nói:

- Chị đã kể cho anh Sơn nghe về cái thành phố tưởng tượng của Thảo đấy.

Thảo cười bảo với Sơn:

- Em có đọc sách của anh.

Sơn nhìn Thảo. Lần này là lần thứ ba, tôi thấy Sơn nhìn Thảo, cái nhìn như mũi kim chỉ nam, quay về hướng nhất định.

Tôi nghe lạnh hai bàn chân, một thứ tình cảm xa lạ, một cuộc bại trận, thấm lan trong máu.

Sơn nói với Thảo:

- Thế cô giấu cái thành phố ấy ở đâu?

Thảo cười:

- Em định mang ra biển, xây trên cát đây.

Tôi ngó Nhiên. Thằng nhỏ cơ hồ đang làm một người điếc. Nó ăn một cách ngon lành phần ăn của mình, không để ý đến ai.

Sơn hỏi tôi:

- Định đi đến mấy giờ?

Tôi nói:

- Lúc nào chán thì về.

Sơn nói:

- Tôi chẳng mang theo thứ gì.

Thảo cười:

- Càng tốt. Anh khỏi mất công mang về.

Nhiên bảo Thảo:

- Ăn đi bà.

Thảo nói:

- Nhiên giục, tôi mắc nghẹn đã.

Tôi cười với Nhiên:

- Cứ nhẩn nha. Không việc gì phải vội.

Sơn không ăn gì cả. Anh chỉ uống một chút cà -hê. Như thế, đây là ly thứ hai, vì lúc ngồi chờ chúng tôi chắc anh đã uống rồi.

Thảo bảo:

- Anh không ăn gì, chốc đói chết.

Sơn nói:

- Không sao.

Trời sáng mau lẹ. Lúc tôi ngừng nhìn qua tấm kính của quán ra ngoài, cả khu phố đã sáng choang. Dãy lầu phía bên kia đường, nhiều khung cửa đã mở. Cũng trên mấy tầng lầu đó, những vật nặng đầu tiên đã soi rõ màu sơn các khung cửa. Một người đàn bà còn trẻ, mặc áo cánh trắng, ngực đầy dưới áo, đang lau mấy tấm kính cửa sổ, phơi nửa người giữa khung cửa mở rộng trong nắng.

Tôi nhớ lại, tối qua, lúc từ tiệm ăn trở về, khi qua một khu phố, tôi cũng đã thoáng trông thấy một người đàn bà đứng sau cửa sổ trên một căn lầu, tương tự. Đời sống của những người sống trong các khách sạn, cao ốc, đối với tôi, có một vẻ gì đó tạm bợ, bí ẩn, và chỉ bằng tưởng tượng, tôi lại thấy, cái vẻ tạm bợ ấy thích hợp với mình. Nhà cửa riêng tư và nền nếp quá có vẻ gì đó mòn mỏi, dễ sợ.

Chúng tôi trở lại xe, bắt đầu chuyến đi.

Qua mấy quãng phố, xe bon trên xa lộ. Trời quang đãng hơn. Cũng chính ở đây, chúng tôi lại thấy ngày vẫn còn sớm.

Sơn và Nhiên đều hút thuốc lá.

Tôi bảo Sơn:

- Anh cho tôi một điếu.

Thảo hơi tỏ ý ngạc nhiên. Nhưng sau đó, nó nhìn tôi hút thuốc một cách tinh nghịch.

Thảo nói:

- Tôi bị hun trong này rồi. Đáng nhẽ Nhiên phải mua một cái xe lớn hơn.

Thằng nhỏ chăm chú lái xe không nói gì. Cửa xe được mở hết. Gió lồng lộng lùa vào trong xe. Nhiều nhà cửa, cơ sở công nghệ mới, đã được xây cất dọc theo hai bên xa lộ.

Tôi nói với Sơn:

- Thảo định cất cái thành phố tương lai của nó ở đây đấy.

Sơn cười bảo:

- Tôi chắc đó sẽ là một thành phố đẹp.

Thảo nói:

- Sẽ rất đẹp, kể cả cái nghĩa trang.

Sơn quay lại nhìn Thảo, bảo:

- Không cần đẹp lắm, vì đó là chỗ, người ở ngoài không ai muốn vào, người đã vào rồi không ai ra nữa.

Thảo nói:

- Tôi sẽ trồng rất nhiều cây bên trong, để cho những người nằm trong đó không bị chói mắt. Tôi sẽ trồng rất nhiều hoa trên lối đi vào nghĩa trang, để dù là người nghèo nhất thành phố đến thăm thân nhân cũng có thể có quà tặng.

Sơn bảo:

- Nếu còn sống đến ngày phải chống gậy đi bầu, tôi cũng sẽ bầu cho cô làm thị trưởng một phen.

Thảo cười:

- Tôi cam đoan với anh, nếu tôi làm thị trưởng, tôi có thể trả lời anh về một cái cây trong công viên của thành phố chết và vì sao nó chết.

Mặt trời lên khá cao khi chúng tôi tới Vũng Tàu.

Không khí dịu mát người ta có thể cảm thấy ngay khi xe chạy vào các khu phố. Nắng lấp lóe trên các tàn cây lộng gió, chẳng khác nổi reo vui của ngày.

Thời gian đó

mặt trời ấm nóng hơn hôm nay

Câu hát chợt vắng trong trí nhớ khiến tôi se lòng. Hãy làm sao sống lấy một ngày biết mình thở từng hơi, cảm thấy nắng soi trên da thịt mỗi phút như thế, dù rồi ra, chỉ còn những ngày lạnh lẽo.

Nhiên hỏi:

- Ra thẳng bãi sau nhé?

Mọi người đồng ý ngay.

Biển chói chang. Sóng rạt rào.

Chúng tôi dừng xe, kéo nhau vào một quán hàng, ngồi ở một cái bàn kê trên cát.

Chúng tôi thay đồ tắm, nhào xuống nước liền. Sơn chỉ cởi bỏ quần áo mặc ngoài, mang một chiếc quần sà lòn, không tắm.

Nước biển buổi sáng còn mát lạnh.

Nhiên sải tay bơi ra rất xa.

Thảo la lớn gọi Nhiên quay trở lại.

Tôi vừa sợ vừa muốn nắng thiêu cháy da. Ra khỏi nước, tôi lên bờ, đi men theo mép nước, về phía cuối bãi.

Sơn đi theo tôi.

Tôi nghe tiếng chân anh lẫn với tiếng sóng.

Nhiên và Thảo tiếp tục nô đùa với nhau cười ròn rã.

Mặt trời lấp lánh trên đầu những ngọn sóng, trên cát, trên những hạt bụi nước bám trên mi mắt.

Sơn lẽo đẽo theo sau tôi. Tôi ngoảnh lại nhìn anh và trông thấy những lốt chân của chúng tôi, trên cát, đang bị sóng xóa dần đi.

Sơn rảo cẳng bước tới gần tôi. Khi anh đến bên cạnh, tôi nhìn thấy cặp mắt kính của anh bám đầy hơi nước.

Anh hỏi:

- Định đi đâu?

Tôi không nói gì.

Tôi cảm thấy thoải mái với bộ đồ tắm hai mảnh trên người. Trên cát, có xác những con sao chết khô và những con sứa trong như thạch đang rã thành nước.

Tôi hỏi:

- Anh không tắm hả?

Sơn nói:

- Lát. Chờ nắng.

- Chưa đủ nắng à?

- Phơi đã.

Tôi nghe tiếng Thảo và Nhiên cười ở phía xa. Sơn yên lặng đi theo tôi, trông tức cười như anh đang bị một thứ bùa ngải nào đó từ tôi thả ra mê hoặc.

Trước mặt chúng tôi, khúc quanh của bãi cát, trông sáng tươi dưới nắng vàng.

Đời như mở cửa, một ngày mới yên vui và hứa hẹn làm mũi lòng.

Ngày đẹp thế, đời đẹp thế, sao người ta vẫn mãi vương mắc trong u buồn?

Còn bao lâu nữa, tuổi trẻ của tôi?

Phải sống cách nào đây cho khỏi phí những ngày xanh như thế này?

Trong một nỗi nao nức, bồi hồi, tôi dường đã cảm lẫn sự náo nùng, tuyệt vọng. Đời sống, một nửa như mời gọi, nửa kia, thách thức.

Sơn bảo tôi:

- Lưng cô đỏ vì nắng rồi.

Quả thật tôi đã thấy lưng hơi bị rát. Da thịt che kín trong quần áo bấy lâu, trở thành quá non. Mai một chắc tôi sẽ bị tróc da. Nhưng có thể sẽ không sao vì tôi đã cẩn thận bôi kem chống nắng rồi.

Nắng rạo rức và máu trong người rõ ràng đã chảy theo một nhịp mạnh hơn.

Tôi quay lại cười với Sơn.

Tôi biết rõ là tôi mưu định quyến rũ chàng.

Chiếc mũ trắng mỏng, rộng vành, tôi đội trên đầu, vành mũ gió thổi bay lên, sụp xuống, chẳng khác nó đang hợp với những rung động thâm kín trong lòng tôi, góp sức làm đẹp cho tôi.

Tôi thấy Sơn ngơ ngẩn nhìn lại tôi.

Ánh sáng rọi qua vành mũ dường để soi riêng cho nụ cười của tôi.

Tôi nói:

- Mai tôi sẽ lột như rắn.

Sơn cười:

- Bộ cô định đi hết cái bãi này sao?

Tôi nói:

- Bên kia mỏm cát là Thiên Đường đấy.

Sơn cười bảo:

- Cô có biết không-

- Biết gì?

- Ngày xưa các cụ bảo rằng, kẻ nào đi bên cạnh sông nước mà nói lảm nhảm là tới số rồi đó.

- Chưa đâu.

Nói vậy nhưng tự nhiên tôi cũng thấy lạnh người vì sợ.

Thầy tôi cũng nói, có nghe kể nhiều chuyện về những người làng ngày xưa, đêm đang ngủ, lén mọi người, mở cửa, đi thẳng ra sông, và cứ thế lội ra xa, cho đến lúc bị ngập nước và chết đuối. Có người chết như thế, lại chết đứng, lúc được vớt lên, trong bụng không có giọt nước nào. Thật hay hư?

Tôi cũng đang làm kẻ mộng du, nhưng mới chỉ là kẻ mộng du trên cát thôi. Tôi chưa thể chết được, cũng chưa có sự run rẩy nào làm tôi thêm chết, dù là chết khô trong nước.

Sơn đã chậm thụt lại phía sau tôi mấy bước.

Tôi nghe sóng vỗ rào rạt, những ý nghĩ, tưởng tượng nổi lên trong đầu tựa những bọt nước trên sóng.

Tưởng tượng không bao giờ hợp nhất được với đời sống, nó giống như phân rã tan của đời sống.

Tại sao có những niềm khát khao trong khi tôi có thể sống chính những niềm khát khao đó?

Chúng tôi không còn nhìn thấy Thảo và Nhiên đâu nữa.

Tôi hỏi Sơn:

- Anh sẽ ở lại đây đêm nay chứ?

Sơn nhìn tôi. Tôi đọc được trong mắt anh một sự ngạc nhiên. Có lẽ anh nghĩ rằng, anh không hiểu nổi tôi nói gì, không biết được vì sao tôi đang từ chuyện nọ nhảy sang chuyện kia một cách đột ngột như thế.

Sơn nói:

- Cô chưa muốn về à?

- Chưa.

- ...?

- Chiều nay mình sẽ tới đây xem mặt trời lặn, sớm mai coi mặt trời mọc.

- Nếu cô thích.

- Anh không thích sao?

Sơn không nói gì. Tôi nghe lưng nóng rát vì nắng.

Tôi nhớ lời Thảo kể đêm qua.

Đúng như vậy, đời sống thiêu đốt, máu tôi muốn sôi trong người. Sức thiêu đốt ấy cái gì cũng phải tàn lụi, nói gì tuổi trẻ.

Tuổi trẻ bỏ không của tôi mấy chục năm qua reo hơi trong tai, tiếng reo chỉ mình tôi nghe, mình tôi cảm nhận cả tiếng vang vọng, nhưng tôi cúi nhìn xuống ngực, xuống bụng, xuống hai tay mình, mặt da trắng, căng, tất cả đều phẳng lặng, bình thường, giống như sự phủ nhận hoàn toàn, và điều này làm tôi chết lặng.

Quay lại, tôi không còn nhìn thấy Thảo và Nhiên đâu nữa.

Sơn bảo:

- Quay lại.
- Anh mỗi chân rồi à?
- Không. Nhưng cũng phải quay về chứ.
- Tôi chưa muốn về.

Tôi chạy vào phía trong bãi. Những khóm cây xanh là sát mặt đất, gió làm cho những cành lá uốn lượn như muốn ôm lấy cát.

Tôi vừa chạy vừa bảo với Sơn:

- Nghỉ chân một tí đã.

Và tôi ngồi xuống một gốc cây, nắng giữa trưa, đã thu nhỏ cái bóng của nó lại.

Sơn đến và cũng ngồi xuống bên cạnh tôi, ngó ra biển.

Biển xanh sẫm như mực.

Tôi tự hỏi, không biết ngọn hải đăng ở về phía nào?

Ngoài khơi, một chiếc tuần dương hạm chạy qua, trong nắng, màu sơn xám gần biến thành màu trắng, chói mắt.

Tôi ngồi bó gối, trông xuống hai đùi mình thon dài, đầy đặn, ngỡ như đôi chân có thể đủ dài để bước qua biển.

Sống mãi trong thành phố, người ta xa lạ ngay với chính thân thể mình, tôi chưa hề có dịp nào tự nhìn ngắm người mình, bên cạnh

một người khác thế này, và, rất mừng thấy mình có một thân hình khá cân đối.

Sơn bảo:

- Tôi có nghe lại cô nói đêm qua.

Bây giờ đến lần tôi ngạc nhiên vì không thể dự đoán Sơn nói ra điều đó vào lúc này.

Những việc không ngờ nhất lúc nào cũng vây quanh mình. Cả những tiếng nói không hình dạng, người ta nói cho qua, nói với những ý nghĩa thiết thực và nói những điều đã được soạn sẵn, như một xưởng ngôn viên, cuối cùng, nhiều khi cũng không tan biến hết. Tôi vẫn có thể nhớ ra tôi đã nói điều này điều nọ vào một lúc nào đó, và một người nào đấy có thể đã nghe và nhớ tôi đã nói gì khác.

Tiếng nói giống như đời sống, là đời sống, trong đó có anh, có tôi, có lòng khao khát vu vơ làm đau đớn, có tuổi trẻ, có những người già, già đến nỗi không nhớ lại nỗi mình đã sống thế nào.

Bao giờ sẽ là những thời khắc buồn thảm đó của chúng ta?

Tôi nhìn Sơn.

Anh là người có tài giấu những xúc động của mình.

Nhìn Sơn, đôi lúc tôi tưởng như anh là một mặt hồ, mọi sự việc in bóng trên cái mặt hồ ấy chứ không làm xao động.

Tôi hỏi:

- Tôi nói không vừa ý anh, phải không?

Sơn ngó thẳng vào hai mắt tôi. Tôi thầm nhủ, có phải mặt hồ đang gợn sóng?

Sơn nói:

- Cô thất thường.

Tôi nghe rõ anh nói gì, cùng một lúc nghe gió réo bên tai.

Tôi muốn cười thành tiếng.

Tôi nói:

- Có lẽ thế thật.

Tôi định nhạo báng Sơn. Nhưng tôi đã thốt ra câu đó cách nào đấy mà tôi lại nghe ra tôi tự nhạo báng mình.

Một người bình thường là một người thế nào đây?

Đó là kẻ có cái bề ngoài phẳng lặng như anh sao? Không, cái bề ngoài ấy cũng chỉ là hình thức khác của sự nói dối. Tôi dám cả quyết với anh như thế. Tôi tự nhủ, tôi dám cả quyết với anh như thế, dù đó là điều không thể. Không ai có quyền làm như thế với người khác. Đó là sự bất bình thường của tôi chẳng?

Sơn bảo:

- Cô khỏe mạnh hơn tôi tưởng đấy.

Càng lúc tôi càng thấy xa hẵn những dự đoán của tôi về Sơn.

Anh đang nói gì vậy, anh bạn?

Tôi ngược nhìn và hỏi:

- Khỏe?

Tôi nhắc lại cái chữ ngăn ngủi đó và dư vang của nó dội trong tôi một chuỗi dài như người ta rút ra một hòn đá và cả chồng đá tiếp tục xô xuống.

Tôi có đủ khỏe để thắng cái trận đời của mình?

Trận đời? Tôi chưa có đủ kinh nghiệm để gọi tên những sự việc một cách chính xác. Nhưng, một ngày nào đó tôi sẽ biết. Không biết cũng chẳng sao. Có bắt chước những con cóc lặn mò ý nghĩa của cuộc sống như bắt những con mồi hay không, đời sống có gì thay đổi đâu, phải không?

Sơn bốc một nắm cát, giơ lên cao, nới tay, cho cát chảy xuống hai đầu gối tôi.

Tôi lặng yên ngó cái trò chơi kỳ quặc này của anh.

Cát nóng chảy trên da thịt như sự vuốt ve.

Tôi cảm thấy đầu óc văng vát vì, lần thứ nhất, tôi tự hỏi, anh là ai?

Trong mấy ngày nay tôi luôn nghĩ tới anh, như ruột theo cái bóng của mình. Không, không phải thế. Hình như tôi muốn níu lấy một máu chốt, ràng buộc nào đó, trước khi rời khỏi chốn này.

Tới cái phút đứng trước tấm lưới gần như tự mình giăng ra này, tôi mới hay, tôi chỉ có một điều muốn biết, tôi có yêu anh chẳng? Và tôi có thực sự muốn dự vào cuộc phiêu lưu với anh chẳng?

Phiêu lưu? Cái từ có vẻ hơi quá đáng một chút. Tôi có thể dàn xếp mọi chuyện để nó đừng sai lạc quá.

Nhưng, trước cuộc tình, tôi tự thấy tôi đúng là một đứa trẻ thị thành, ngồi giữa một đám hoa cỏ, tươi đẹp, nhưng không biết tên chúng. Cái nụ hoa bên cạnh tôi đây là hoa gì?

Ý nghĩ này làm tôi buồn cười.

Tôi cũng nhớ ra, tôi có nói với Thảo, sẽ giới thiệu nó với Sơn. Vậy mà ngay cuộc gặp gỡ đầu tiên này, tôi lại đang cố tình xen vào giữa hai người.

Thật tình, tôi không biết liệu Sơn và Thảo có đi đến chuyện gì không. Nhưng trước hết, tôi làm như vậy, có vẻ không phải. Thà tôi không nói gì với Thảo. Tôi đã nói với nó như thế và lại cư xử thế này, là một điều không phải.

Có lẽ tôi phải tự giới hạn mọi chuyện ở đây. Chỉ có cách đó, tôi mới có thể nhìn lại nó mà không ngượng.

Mặt trời đã treo ngang trên đỉnh đầu. Lẫn trong những cơn gió mát tôi vẫn nghe hơi nóng hà quanh người.

Một giấc ngủ trắng đang chụp xuống tôi. Nắng cũng làm cho những đầu cảm giác của tôi bị tê điếng, bị hun nóng.

Tôi vừa nghĩ gì đó, lại quên ngay.

Hình như tôi chơi trò ú tim với Sơn, với Thảo, với chính mình. Tôi bày vẽ ra những vai trò, những vai trò chẳng có nhiệm vụ nào rõ rệt. Vì thế, chẳng ai sắm vai của mình ra hồn cả.

Tôi định tặng Thảo một món quà và tôi lại định giăng lại món quà đó.

Chắc tôi đang có những dáng điệu kỳ quặc. Tôi đang soi lấy bóng mình, không phải trong đôi mắt Sơn mà trong cử chỉ nghịch ngợm của anh, trong những hạt cát nóng Sơn đang thả trên hai chân tôi, trên những ngón tay Sơn. Trời đất, bây giờ tôi mới biết Sơn có hai bàn tay thanh nhã, đẹp như tay đàn bà.

Tôi cảm thấy ửng ý về chuyến đi này.

Tôi yêu trời, yêu biển, yêu cái không khí lồng lộng sóng gió.

Tôi nhìn xuống bộ đồ tắm của mình. Đó không phải chỉ là bộ đồ tắm. Nó còn cho tôi sự thích thú tựa tôi đã trút bỏ được gần hết mọi hình thức. Tôi sẵn sàng đến mức cuối cùng người ta có thể sửa soạn cho một cuộc chờ đón đổi đời. Cái bước bước qua một giai đoạn khác. Hay bắt chước Tản Đà gọi là "bước trần ai", được không?

Nhưng đó chỉ là những điều tôi thầm nói một mình.

Tôi trông thấy một con bướm trắng từ đâu bay lạc tới, bị gió thổi bạt, đang gắng gượng chống đỡ, tiếp tục bay, rồi núp trong một đám lá. Anh nắng chiếu hắt trên những mặt lá, trên những đụn cát, trên những ngọn sóng, đôi lúc loé lên, làm thành muôn ngàn những con bướm chớp chớp khác.

Sơn hỏi tôi:

- Đói chưa?

Câu hỏi của Sơn như tiếng kết tụ của muôn ngàn nỗi xôn xao, vắng lặng, những tiếng nói không thành lời, những mộng tưởng mỏng manh còn đang bay lượn hay đã vỡ vụn, rơi rớt. Âm hưởng của câu nói giống như bầu ánh sáng vừa nhẹ lướt trên cao vừa đè nặng trên cát, trên ngực tôi.

Tôi vừa muốn tỉnh lại cơn mơ trắng này vừa muốn tiếp tục chìm mình trong đó.

Tôi không trả lời Sơn, không muốn tự rút ra khỏi cơn mộng. Tôi muốn quên hết thời khắc, muốn buông thả trọn tâm trí, cảm giác vào cái cõi êm ả hiếm hoi này.

Có lẽ Thảo không bịa đặt khi nói về những khoảnh khắc nó nằm một mình trên bãi biển. Quả thật đời sống nhẹ nhàng và hồi thúc đến độ

muốn làm chảy nước mắt. Tôi thầm nghĩ, nếu muốn, tôi có thể ngã mình xuống vũng cát ấm nóng này, nằm xuống sự dịu dàng vô tận. Tôi có thể nhắm mắt nghe ngóng đất trời, nghe biển trước mặt, nghe còi chết dưới lưng, cảm nhận cái thân thể nặng nề của mình như một niềm hạnh phúc. Phải nằm ở một chỗ mê mông, thân thể không bị ràng buộc bao nhiêu với những thứ che đậy, những nỗi phiền muộn của đời sống, người ta mới thấy rõ cái biên giới của da thịt mình thật. Tôi cảm thấy tôi như một trái cây đã chín, một bình rượu ngọt. Cái bình được nặn từ bao nhiêu thịt xương đã biến thành cát bụi, được nung bằng bao nhiêu lửa? Tôi đã đến từ cõi không nào? Và mai một tôi sẽ biến đi mất. Rượu ngọt chảy về đâu? Máu chảy đi đâu? Có hay không một đời khác? Một đời khác mà làm chi khi người ta không biết sống ngay cái đời đang có này?

Tôi nghe tuổi trẻ của tôi thu nhỏ, cụ thể, như trái tim đập trong ngực Tuổi trẻ giục giã, van vỉ, đe dọa, nhắc nhở, không ngừng từng giây, từng phút. Một lúc nào đó, tim kia sẽ ngừng đập, tuổi trẻ sẽ lạnh ngắt, không lửa nào có thể sưởi ấm lại nữa.

Tôi biết như thế, nhưng không biết phải sửa chữa bằng cách nào. Mọi người chung quanh, hình như, cũng không ai có bao nhiêu thì giờ để sống. Người ta dành gần hết thời giờ để sửa soạn sống chứ không sống.

Có thể như vậy được sao?

Và chính tôi nữa, tôi phải làm sao đây?

Tôi tưởng chừng như, tôi chính là cái lò nung, và Sơn đang làm cái việc rắc tro của thịt xương tôi vào cái lò khốn khổ đó.

Tưởng tượng quá mạnh, mạnh đến nỗi tôi thấy tôi không chịu nổi nữa.

Tôi mềm nhũn và dù không muốn, tôi đã là người trên cát.

Nhưng Sơn không thể nào biết như vậy.

Tôi ngã xuống như tấm lưới sập xuống.

Tôi nghe tiếng gió lùa thổi bên tai.

Tôi nghe âm vang của những con sóng thâm lan dưới mặt đất.

Tôi thấy Sơn cũng ngã người xuống bên tôi.

Và, trong cái phút đất trời đảo lộn, lòng tuyệt vọng và hân hoan của tôi cháy bỏng, như nắm tro được ném vào lò lửa đỏ, tôi nghe người Sơn đè nặng trên người tôi.

Sơn hôn tôi, cái hôn như biển từ phía xa tràn tới phủ lấp mình.

Nắng ở đâu? Cát ở đâu? Trời đất ở đâu? Tôi ở đâu?

Tắm lướt vô hình nào đó tôi không cố ý nhưng đã giăng ra và bây giờ đang chụp xuống, trói chặt tôi, tắm lướt nặng nề, vui thú.

Tôi nghe lao xao tiếng Thảo và Nhiên đang đi lại gần.

Sơn buông tôi ra, nhồm dậy.

Tôi mở mắt nhìn anh. Đôi mắt anh có ánh dạn khờ của trò chơi quyến rũ.

Phản mình, tôi có cảm tưởng kỳ lạ như vừa để lỡ một cơ hội đáng tiếc. Tiếc vì đã để nó xảy ra hay tiếc vì đã bị cắt ngang nửa chừng?

Một lần nữa Sơn lại cúi sát xuống bên tôi.

Tôi mỉm cười với anh.

Sơn dùng một ngón tay của anh vuốt từ sống mũi xuống miệng tôi, dừng lại giữa môi tôi.

Trong mắt anh, lúc này, có thể nói, tôi đọc được chút gì, gọi là tình yêu được chăng?

CHƯƠNG SÁU

Chúng tôi trở về Sài Gòn. Nhiên đưa tôi và Thảo về nhà tôi trước.

Lúc xuống xe tôi không nhìn Sơn.

Tôi muốn thử làm cái việc quay lưng lại với *quá khứ*. Cũng ngay lúc ấy, tôi biết rằng, đó là một việc khó khăn.

Mẹ tôi kêu:

- Chúng mày phơi nắng làm sao mà đũa nào cũng cháy đen cháy đỏ thế kia?

Thảo cười vui vẻ nói:

- Chúng con tắm cả ngày.

Tôi không nói gì.

Tới bữa cơm tối, tôi mới thấy thầy tôi. Thầy tôi chỉ hỏi tôi, giấy tờ ra sao. Tôi nghe trong giọng nói của ông một sự yên bình xót xa tôi đã đánh mất. Tôi đã đánh mất sự yên bình ấy như đánh mất tuổi thơ của mình, chẳng còn bao giờ thấy lại được.

Xong bữa ăn, Thảo lảng xảng muốn giúp mẹ tôi dọn dẹp.

Nhưng bà nói:

- Chúng mày mệt, cứ đi nghỉ đi. Để đấy cho tao.

Tôi và Thảo về phòng nằm bò trên giường. Mỗi đũa mang theo một ly trà, để trên bàn ngủ.

Thảo nói:

- Để uống từ giờ đến đêm.

- Chị mệt quá.

- Em chỉ thấy mỏi thôi.

- Tại Thảo tắm nhiều quá.

Ra đấy không tắm còn làm gì?

Tôi với tay bật nút chiếc may thêu thanh. Tiếng một người bạn nói thế tôi, đang đọc bản tin buổi tối. Tôi nhớ lại những buổi làm việc trễ, từ đài ra về, đường phố vắng tanh, chìm dưới bóng những hàng cây lớn. Nhưng chính những lúc đi dưới bóng cây xum xuê, có chỗ không để lọt một ánh trăng hay ánh đèn, tôi thường nhớ đến những đám cỏ cháy đen trên cái nền nhà đổ trong cuộc biến loạn Tết Mậu Thân còn để lại. Dưới những đồng gạch vụn, trong những đám cỏ mấy lần xác xơ, mấy lần xanh tươi trở lại ấy, hình như có cái gì suy sụp, bi thương, không ngọt làm tôi xúc động. Tôi có cảm tưởng dưới chân những đồng gạch vụn, những đám cỏ đó, chôn vùi bao nhiêu tiếng nói không được nghe, những tiếng nói không tìm thấy ý nghĩa của chính nó, đã rơi rớt, chìm lẫn vào đất cát. Nhiều lần băng qua cái lối đi giữa những đám cỏ, vào hay ra khỏi đài, tôi tưởng chừng như chân mình đạp trên những tiếng nói, những hình ảnh thảm khốc, những trận chiến đẫm máu, những lời kêu gọi, người sống người chết, tang tóc, những câu thơ, giọng hát, lòng bồng nhói đau. Một nỗi đau đốn vu vơ, mòn mỏi, tôi không hề nói với ai, vì nghĩ cho cùng, có phải đó chỉ là những điều tôi tưởng tượng, nhưng tôi không ngọt bị những tưởng tượng đó ám ảnh.

Tôi nghĩ đến Sơn, nhớ đến những buổi làm việc chung với anh, trong lúc nghỉ tay, anh có thói quen ra đứng gần bên cửa sổ trên lầu, hút thuốc. Cửa sổ trông qua một cơ sở của quân đội, phía bên kia đường, có những dãy nhà lợp tôn, một cái sân rộng, mấy cụm hoa giấy màu vàng nghệ, khu vực được bao kín bằng những vòng kẽm gai. Ngay bên dưới cửa sổ, ngoài một lối đi tráng xi măng, mảnh sân còn lại cũng đầy cỏ. Sau cái dịp tết kinh hoàng đó, người ta chưa có thì giờ dọn dẹp, bày ra một cảnh hoang tàn buồn bã. Khoảng hè đường, từ chân tường của đài ra đường phố cũng được rào kín bằng kẽm gai, cỏ và dây ti gôn leo kín, mùa mưa, hoa ti gôn nở đỏ ối. Trong cái đám cỏ lá chằng chịt đó, có lần tôi trông thấy một đôi rắn đũa rồn, quấn quýt lấy nhau, chúng trườn bò, vặn vẹo, làm rợn tóc gáy. Không biết trước đó chúng sống ở đâu, trong thành phố sao lại có rắn? Trong các loài vật, có lẽ, không có giống nào trông gian xảo và hèn hạ hơn rắn. Chúng vươn dài, cuộn ngắn, chui rúc, trong thoáng chốc biến mất, không để lại dấu vết, không gây một tiếng động nào. Mấy con rắn nhìn thấy đó làm tôi sợ mỗi lần đi qua đám cỏ vì cứ nghĩ, lúc nào chúng cũng có thể quăng ra, quấn lấy chân.

Có lần, những người lính gác bắt được một con rắn đen lớn chui vào vụng gác, rúc trong khe các bao cát.

Một xưởng ngôn viên của đài, đột tử trong phòng vi âm vì chứng đau tim. Anh vừa đọc xong bản tin, gục xuống chết ngay trên bàn, như một người buồn ngủ, ngủ quên.

Tất cả những chuyện đó, đối với tôi, giống như một nỗi chết đè nặng trong không khí nhiều ngày tháng.

Thảo hỏi:

- Cô này nói thay chị hả?

Bản tin trong máy vừa chấm dứt. Câu hỏi của con nhỏ làm tôi giật mình trở lại với thực tại.

Tôi nói:

- Ừ.

- Chị đi có tiếc không?

- Tiếc gì?

- Thì công việc, chỗ ở, thành phố.

- Tiếc.

- Sang đây chị cũng làm những công việc tương tự mà.

- Nhưng dĩ nhiên cái gì cũng khác.

- Em nghĩ, đài phát thanh mỗi năm nên có một cái giải, gọi là giải văn chương của đài.

- Nếu làm được thế, kể cũng hay.

- Một cái giải cho xưởng ngôn viên nói hay nhất và một giải cho bản nhạc hay nhất.

- Cứ ngồi mà nghĩ như cô thì còn nhiều việc phải làm nữa. Bóp dùm chị hai cái vai chút, mỗi quá.

- Giải văn chương của đài phát thanh sẽ quan trọng không kém giải văn chương quốc gia, bởi không có một phương tiện quảng bá nào

hơn.

- Nói như cô việc gì cũng dễ cả.

- Có gì khó đâu? Điều ấy còn chứng tỏ, đài phát thanh không chỉ là nơi rao truyền thời sự, chính trị, mà còn vai trò văn hóa của nó nữa.

- Cô cứ làm đi rồi biết.

Con nhỏ làm tôi đau nhói hai vai. Tôi vừa nghe nó nói gì nhỉ? Tôi vừa nghĩ cái gì? Tôi nhắm mắt và thấy lại hình ảnh hai con rắn cuộn vòng trên hàng kẽm gai, phơi những cái bụng trắng bóng. Tôi thấy ghê gai khắp người.

Thảo hỏi:

- Mai chị có mời ăn không?

- Có chứ. Chắc bác đã sửa soạn rồi.

- Có những ai thế?

- Chỉ có em, Nhiên và anh Sơn.

Tên Sơn tôi vừa nhắc khiến con nhỏ im bật. Dường như nó chợt nhớ ra việc gì đó, nhưng nó không hỏi tôi.

Chúng tôi đều lặng thinh.

Một lát sau, Thảo hỏi:

- Chị yêu anh ấy sao?

Tiếng "yêu" con nhỏ thốt ra rớt vào đầu tôi như viên sỏi rớt vào một cái gáo dừa. Tiếng khua động của nó làm tôi choáng váng, không phân biệt được ngay ý nghĩ của mình.

Tôi phải trả lời nó thế nào đây?

Đúng ra, tôi phải trả lời cái câu hỏi ấy với chính tôi, thế nào đây?

Một lần nữa tôi lại thấy mừng vì biết ra, tôi không yêu Sơn. Vui mừng? Đó là điều tôi cảm thấy thật, dù chưa kịp hiểu. Không sao, chắc tôi sẽ còn nhiều lúc để suy nghĩ lại.

Tôi nói với Thảo:

- Không. Chị không yêu ai cả.

Thảo mỉm cười. Nó mở to mắt nhìn tôi như muốn kiểm chứng lời nói của tôi.

Thảo nói:

- Nhìn hai người lúc mới gặp, em cũng nghĩ thế. Nhưng, ở ngoài Cap, nhiều lúc em cho là mình đã hiểu nhầm.

Tôi cười bảo:

- Cô hiểu nhầm thật chứ không phải "cho là" đâu.

Thảo cũng cười bảo:

- Chắc không hoàn toàn nhầm đâu. Chỉ là việc sắp xếp mọi thứ chưa đúng chỗ thôi.

Tôi nói:

Chị cũng không hiểu ra làm sao?

Thảo hỏi:

- Chuyện gì?

Câu hỏi của nó đã chặn ngang ngực tôi, khiến tôi không kịp nghĩ ra phải nói gì.

Tôi nói đại:

- Mọi chuyện.

Dĩ nhiên con nhỏ chẳng thể nào hiểu được câu trả lời ngớ ngẩn như thế.

Thảo nói:

- Cố lên.

Cố lên? Câu nói không đầu đuôi của con nhỏ, vừa tức cười vừa có một vẻ gì đó, đúng hết sức. Cố lên. Cố sống.

Cố quên. Cố nhớ. Cố gì nữa đây? Tôi không biết, nhưng chắc tôi phải cần đến một cái "cố" nào đó, mới để vượt qua mối bận tâm này.

Tôi cười bảo:

- Chắc cũng phải cố lên mới được.

Tôi có cảm tưởng kỳ lạ, lạnh giá, như kẻ thốt lời trò chuyện với cái chết của mình vậy.

Tới phút này, tôi tưởng chừng hiểu được cái nỗi vui mừng thoáng hiện trong lòng, khi nghe Thảo hỏi tôi có yêu Sơn không?

Thảo hỏi:

- Cái cô nói thay chị vừa rồi, có đẹp không?

Một lần nữa con nhỏ lại làm tôi buồn cười. Mọi việc có vẻ cũng đúng như cách nói chuyện của nó, không đầu đuôi, ăn nhập gì với nhau, tại sao, việc gì cũng chạm tới nỗi đau đớn trong lòng tôi?

Tôi nói:

- Em thử đoán xem cổ ấy có đẹp không?

Thảo cười:

- Khó đoán.

Tôi nói:

- Cô ấy không đẹp, nhưng rất xinh. Nhiều người mê lắm.

- Thật à?

- Cái miệng thì khỏi chê,

Thảo cười:

- Tốt.

Nó luôn có lối nói chuyện làm tôi không biết nó định nói gì nữa.

Tôi hỏi:

- Tốt là nghĩa làm sao?

- Như vậy, khỏi phải nói dối.

- Chị nói dối hoài.

- Chị không biết nói dối đâu.

- Sao biết?

- Em không biết, còn ai biết.

Nó biết cái gì đây? Tôi nhìn con nhỏ qua ánh vàng của ngọn đèn ngủ. Từ nãy đến giờ, chị chỉ toàn nói những điều không muốn nói, không cần nói, em biết không?

Tôi nhớ lại những lúc ở ngoài bãi biển, đi ăn, đi chơi, con nhỏ luôn giữ được bộ mặt thanh thản y như lúc này.

Tôi nói:

- Có nhiều hôm sợ lắm.

Đến lượt con nhỏ mở choàng mắt nhìn tôi. Hẳn nó cũng không thể đoán tôi định nói gì.

Thảo hỏi:

- Sợ gì?

Tôi nói với nó ý nghĩ dờ dang trong đầu:

- Có nhiều bữa đầu óc lộn xộn, đọc bài xong rồi mà gần như không biết mình đã đọc cái gì, toát mồ hôi vì sợ.

Thảo bảo:

- Thế hả?

- Chẳng hiểu sao trong một trạng thái như thế mà người ta lại đọc được bài không bị vấp vấp.

- Xương gôn viên nhà nghề mà.

- Lúc đó chẳng phải người ta nói dối, nói thật hay nói sảng, mà nói trong trạng thái vô thức.

- Rồi phải làm sao?

- Chỉ khi nói xong rồi mới biết. Chứ đang nói mà chợt thấy đầu óc mình trắng như vậy thật kinh hoàng. Biết bao nhiêu người nghe.

- Chị bị bao giờ chưa?

- Ai mà không bị. Làm công việc đó thế nào cũng có lúc gặp phải.

- Trường hợp như vậy, phải làm sao?

- Hoặc ra hiệu nhờ người bên cạnh đọc tiếp. Hoặc cúp *micro* lấy lại bình tĩnh.

Cứ mỗi lúc nói thêm với con nhỏ một điều, tôi lại có cảm tưởng như cái phao chồi dần lên khỏi được mặt nước. Cái phao đang tụt trôi bỏ những thứ mang nặng bên trong, thoát khỏi lớp nước níu giữ bên ngoài, nổi lên.

Tới một lúc tôi thấy người nhẹ nhõm.

Nhẹ nhõm hay rỗng không?

Ý nghĩ này làm người tôi nổi gai, ớn lạnh.

Trời khô se dù những trận gió ùa qua cửa sổ vào phòng vẫn có hơi lạnh.

Mẹ tôi vào phòng bảo chúng tôi ra ngoài ăn chè.

Bà múc cho tôi và Thảo mỗi đĩa một chén chè khoai lang nấu với gừng và bột bán. Một món ăn tầm thường như vậy, nhưng Thảo ăn, khen nức nở:

- Ngon quá!

Mẹ tôi cười vui thích. Nụ cười của bà thốt nhiên làm tôi bối rối. Luôn luôn tôi cảm thấy ở mẹ tôi một vẻ hiền từ, độ lượng, và hình như hai đức tính ấy che mờ hết cả lý trí của bà. Bà sống như vậy có được không, có đúng không? Đúng hay sai, được hay không được, liệu có gì thay đổi?

Thảo hỏi tôi:

- Chị thấy ngon không?

Tôi giật mình, cười bảo:

- Ngon. Khi nào qua, chị sẽ bày cho các người ở bên ấy cách nấu, ăn cho đỡ nhớ nhà.

Mẹ tôi bảo:

- Cho thêm *vani* vào cũng được.

Thầy tôi nằm ngả trong chiếc ghế tựa vừa đọc báo vừa nghe máy phát thanh.

Chính vào lúc này, tôi nghe thấy lại bài hát, khi đứng ngoài hành lang chờ thu thanh chương trình cùng với Sơn, một ca sĩ đang cho ghi âm ở phòng vi âm kế cận :

Từ người xưa ra đi

Khóm cây bao lần thay lá nhớ

Giòng đời trôi quanh co

Có khi xui người lỗi hẹn hò

Mẹ tôi rót cho tôi và Thảo mỗi đứa một tách trà. Mẹ tôi thường chiều tôi như vậy. Nhất là từ hôm biết tôi sắp đi, bà dành làm hết công việc nhà, tôi không còn gì để làm, ngoài công việc riêng.

Chúng tôi mang trà ra ngoài thềm trước ngòi uống.

Thầy tôi đã cho kê ở đây một chiếc bàn nhỏ và hai chiếc ghế mây. Đó cũng là chỗ ông ngồi chơi mỗi buổi sáng hay buổi chiều, uống trà, đọc báo.

Trăng lên đã khá cao. Ánh trăng đủ sáng cho thấy một chút màu xanh trên ngọn cây dương liễu.

Vàng trắng như kéo lùi cả khoảng trời, biển, đang còn lờn vờn quanh tôi, nhớ lại một cách rõ ràng hình ảnh con sứa và con cá chết nằm trên bãi cát nhìn thấy buổi sáng.

Một lát, tôi nghe Thảo hỏi:

- Chị sao thế?

Tôi quay nhìn nó bảo:

- Chị không sao cả.

Chừng như giọng nói của tôi có đủ sự bình tĩnh để con nhỏ không cật vấn tôi nữa.

Thảo nói:

- Chị muốn đi ngủ chưa?

- Chưa. Chưa thấy buồn ngủ.

Thầy tôi từ trong nhà bước ra ngoài thềm đứng ngó lên trời.

Ông nói:

- Trăng sáng quá nhỉ.

Ông nói như một cách tự nhủ vậy thôi, vì tôi không thấy ông quay nhìn chúng tôi. Ông nghểnh cổ, xoay xoay cái đầu, chừng cho đỡ mỏi, rồi lại quay vào trong nhà.

Thảo hỏi:

- Độ này tóc bác bạc nhiều hơn rồi.

Đúng vậy. Tóc thầy tôi đã trắng hết. Tôi thấy tủi lòng. Mai này tôi đi, chỉ còn lại hai ông bà, nhà sẽ vắng vẻ thế nào? Chiến tranh cứ kéo dài mãi thế này, liệu anh tôi có sống sót, trở về? Anh có kể cho tôi nghe vài lần thoát chết trong các cuộc hành quân, nhưng không bao giờ anh tỏ ý ao ước được đổi về một chỗ ít hiểm nguy hơn chẳng hạn.

Không thể cứ mang mạng sống của mình ra đánh cuộc với may rủi mãi. Song, biết làm sao đây? Tôi thương anh và rùng mình khi nghĩ tới thầy mẹ tôi.

Tôi hỏi Thảo:

- Thảo có nhớ cái bài tôi qua chị đọc không?

- Nhớ gì?

- Đoạn nói về trăng ấy.

- Sao?

- Chị nhớ mang máng cái câu "*những đêm trăng sáng thế này, có bao kẻ cưới được ánh trăng mà trở lại cố hương*", thơ của Trương Nhược Hư thì phải.

- Em không nhớ.

- Nhà chúng mình ở quê, có một con sông trước vườn.

- Em có nghe mẹ em nói.

- Bãi làng trồng ngô. Mùa hè, ngô mới lớn xanh mướt, những đêm trăng sáng ra bãi chơi sượng lắm.

- Sượng gì?

- Anh Bằng nói, buổi tối đi bắt đom đóm không muốn về ngủ.

Thảo cười bảo:

- Nghĩ, như tội mình cũng buồn thật.

Tôi không hiểu con nhỏ định nói gì. Tôi lắng nghe nó nói tiếp.

Thảo nói:

- Chẳng biết quê hương ở chỗ nào, có sống ở đâu cũng vậy thôi.

Đã có những lúc tôi nghĩ như con nhỏ. Vì sao người xưa, dù tha phương cầu thực, dù vinh hiển ở nơi xa, ai cũng muốn trở về làng để chết. Nhờ vậy, con cháu mới có được mỗi ràng buộc thực sự với đất đai, với quê hương. Không có quê hương cũng như không có nguồn gốc, không có chỗ để trở về. Đã không có chỗ để trở về, người ta sống ở đâu cũng vậy thôi.

Tôi nói:

- Phải có ngày trở lại chứ.

Thảo cười không nói gì. Cái cười của nó làm tôi nhớ tới người bác đã chết. Liệu tôi có dám tin lời tôi nói chẳng? Mấy trăm năm Trịnh Nguyễn phân tranh, có lẽ lịch sử của chúng ta sẽ có thêm mấy trăm năm nữa để ghi chép.

CHƯƠNG BẢY

Chúng tôi về phòng, đi ngủ.

Tôi ngủ thiếp, không kịp nghe hết câu nói dở dang của Thảo. Tôi mơ thấy mình đang ở giữa một thành phố xa lạ, đi hoài qua các khu phố mà không biết định tới đây để làm gì.

Cảm giác hoang mang, lo sợ, vẫn còn trong lòng khi thức dậy.

Thảo vẫn còn ngủ ở bên cạnh.

Tôi nghĩ ngay đến những gì xảy ra trong bữa đi chơi ngoài Cáp với Sơn, thậm chí nói với mình, sẽ nén giữ trong lòng, không cả tự tra hỏi, vì sao lại làm như vậy. Chỉ còn vài ngày nữa tôi sẽ đi khỏi đây. Nếu đó là một tiếng nổ, nó sẽ nổ khi tôi còn một mình ở nơi xa xôi ấy. Tôi sẽ chịu đựng tiếng nổ đó một mình. Nếu đó là một nỗi đau thương, tôi sẽ gặm nhấm nỗi đau thương đó một mình.

Tôi nhồm dậy, đi ra ngoài sân dù hai mắt còn cay.

Tôi muốn hứng những cơn gió lạnh để nó làm cho tỉnh hẳn.

Giấc mơ kéo lê thê gần suốt giấc ngủ làm tâm trí bải hoải.

Chỉ còn vài ngày nữa tôi sẽ đi. Tới phút này đây, tôi nhận ra đó không phải là một việc bình thường nữa mà đối với tôi, nó trở thành một cách tôi tự xóa bỏ những dấu vết của mình ở chốn này.

Chuyến đi của tôi liệu có thay đổi được gì?

Cứ tưởng tượng tôi đủ thấy chẳng có mấy may hy vọng. Trốn đi đâu, có gì khác? Nhưng như vậy có nghĩa là thế nào?

Mấy chục năm sống của tôi, điều mà tôi biết rõ nhất là cái gì ?

Buồn.

Đúng như thế, chỉ có cái buồn là tôi thấy rõ nhất, còn tất cả những thứ khác đều mờ mờ, ảo ảo.

Tôi trở vào trong nhà.

Thảo vẫn còn ngủ. Sau khi làm những công việc thông thường buổi sáng, tôi pha sẵn cho nó một chút cà phê, lát thức dậy, nó chỉ cần chế thêm nước sôi cho đủ nóng để uống.

Tôi mang tách nước của mình ra lại ngoài thêm ngồi uống.

Mẹ tôi mở cửa bước ra hỏi:

- Muốn ăn gì?

Tôi kéo chiếc ghế còn lại nhích ra một chút cho bà ngồi, nhưng bà không ngồi.

Tôi nói:

- Dạ, để chờ Thảo dậy, ăn luôn.

Mẹ tôi bảo:

- Ăn xôi nhé?

Tôi thưa:

- Vâng.

- Xôi đậu hay xôi bắp?

- Xôi bắp đi mẹ.

Một người đàn bà bán xôi đi qua cửa cất tiếng rao lanh lảnh. Mẹ tôi mang chén ra mua.

Tiếng rao hàng của người đàn bà làm tôi nhớ lại lời anh tôi kể. Ở Hà Nội xưa, sáng, trưa, chiều, tối đều có những thức quà riêng. Miếng ăn của Hà Nội, người ta có thể cảm thấy ngay trong lúc nghe rao.

Những tiếng động làm nên một phần của thành phố, tiếng rao quà, tiếng chổi của các phu quét đường kéo soàn soạt trên mặt nhựa những buổi sáng mùa đông trời còn tối đen, tiếng rào rào của chiếc xe phun nước cho bớt bụi mùa hè, những tiếng động khiến cho người đi xa nhớ mong, muốn trở về.

Có thể những điều anh tôi nói là sự thật. Nhưng đối với tôi, nó chỉ có ý nghĩa mơ hồ. Vậy mà, không hiểu sao, nó vẫn không ngừng nhen lên trong lòng tôi nỗi mong ước được trở về, được nhìn thấy Hà Nội.

Tôi cũng tin rằng, chính những người yêu Hà Nội như anh tôi, phải trở về, trả lại những kỷ niệm họ mang theo lúc ra đi, Hà Nội mới phục sinh được.

Tôi cũng muốn có dịp đứng trên cầu Long Biên nhìn xuống con sông Hồng đỏ phù sa, mùa nước lớn, lũ từ trên nguồn đổ về, réo sôi, sỏi bọt quanh những chân cầu bằng đá lớn, nghe mùa thu trở mình bằng những trận gió heo may, xào xạc thôi, nhè nhẹ thôi, vậy mà chỉ qua một đêm, đã thấy cả Hà Nội chìm ngập trong mùa thu. Tôi cũng muốn nhìn thấy hồ Tây, hồ Trúc Bạch, cái nắng hàng Đường, Sơn đã có lần nói với tôi.

Cơn mơ tưởng làm tôi như ngủ thêm một giấc trắng trên ghế.

Mẹ tôi mang cho chúng tôi hai chén xôi bắp.

Tôi nói:

- Để con đợi Thảo nó dậy, ăn cùng.

Mẹ tôi bảo:

- Để sẵn đấy, lúc nào muốn ăn thì ăn.

Tôi trở vào phòng. Thảo vẫn còn ngủ. Tôi lại gần đánh thức con nhỏ:

- Dậy chứ cô mình.

Thảo mở mắt ngồi nhồm dậy.

Tôi bảo:

- Nằm xuống cho tỉnh hẳn đã.

Con nhỏ cười với tôi, hỏi:

- Sáng rồi hả?

Tôi cười với nó bảo:

- Mới gần trưa thôi.

Thảo vươn vai, duỗi thẳng người trên giường. Nó hơi gầy, nhưng cái vận mình làm nổi rõ những phần cong và thẳng trên người trông nó cũng khá đầy đặn.

Thảo hỏi:

- Bữa nay chị có đi đâu không?

Tôi nói:

- Chưa biết. Nếu đi, hai đứa cùng đi.

Thảo nói:

- Đói bụng quá.

- Bác có để sẵn xôi ngoài hiên rồi.

- Thế hả?

- Dậy được chưa?

Thảo trở dậy, vào phòng tắm, đánh răng, rửa mặt. Tôi lấy sữa, nước sôi, chế thêm vào tách cà phê cho nó, rồi mang ra ngoài thềm.

Chúng tôi cùng ăn sáng.

Thảo nói:

- Lâu quá mới được ăn xôi lúa.

Tôi cũng trầm nghĩ, mai mốt chắc sẽ có lúc thềm một bữa ăn sáng thế này, nhưng dĩ nhiên chẳng biết tìm đâu ra.

Tôi hỏi:

- Chỗ em không có bán à?

- Không thấy ai mua về cả.

- Ngõ ngách nào chẳng có hàng quà rong.

- Mình đi phố mua cái gì làm đồ tráng miệng cho bữa ăn.

- Ừ.

Mấy con chim sẽ từ mái hiên bay ra đậu trên cây dương liễu, rúc kêu lẹt xẹt, rỉa lông cho nhau. Thỉnh thoảng chúng bay, nhảy, làm những giọt sương chưa ráo hết trên lá rớt xuống sân.

- Em uống trà thấy thích hơn cà-phê.

- Lắm bữa không kịp ăn sáng, uống cà-phê, đến sở, còn ruột muốn chết.

- Buổi tối uống trà, ngồi học thấy tỉnh táo hơn.

- Cô có biết vì sao không?

- Vì sao?

- Sách Trà Đạo bảo, Đức Phật tham thiền thấy buồn ngủ. Ngài dùng dao cắt hai mi mắt vớt ra sân. Hai mi mắt ấy, mọc thành cây trà. Thành thử bây giờ uống trà, người ta mới thấy không buồn ngủ.

Con nhỏ cười, hai hàm răng trắng bóng.

Nhìn nó cười, tôi tưởng như nhìn thấy buổi sáng còn nguyên vẹn.

Tôi nói:

- Chị cũng muốn đi kiếm mua vài quyển sách để mang theo.

Chúng tôi về phòng sửa soạn.

Trước khi đi, tôi ghé vào phòng thầy tôi. Ông còn nằm trên giường và đang đọc tiếp (hay đọc lại?) tờ báo tôi đã thấy ông đọc tối qua.

Tôi hỏi:

- Con ra phố với em Thảo một chút. Thầy có cần gì không ạ?

Ông buông tờ báo xuống, ngó tôi, bảo:

- Không. Các con cứ đi đi.

Nắng đã bắt đầu nồng nực, nhưng trên trời có rất nhiều mây đen.

Thảo bảo:

- Thế này thì chỉ có trời mới biết sẽ mưa hay nắng.

Tôi nói:

- Chóc nữa mình cũng biết.

Phút này tôi mới hiểu nỗi bồi hồi thường cảm thấy mỗi khi bước vào phòng thầy mẹ tôi. Hình như quanh mỗi người già, luôn hiện hữu một mùi gì đó làm ra cái cõi riêng của họ, khô se, ngai ngái, có thể chính họ không biết, nhưng những người khác sẽ nhận ra ngay, mùi

vị của cái chết đã len lẩn vào đời sống. Tôi đã ngửi thấy cái mùi ấy trong phòng bác tôi, trước khi ông mất. Tôi đã chừa trước trong lòng cái chết của thầy mẹ tôi, tôi biết như vậy.

Bỗng nhiên lại thấy tôi thẫn thờ không nói gì nữa, Thảo kéo tay tôi bảo:

- Bà này kỳ quá.

Tôi gượng cười với con nhỏ, cũng không muốn nói với nó điều tôi vừa cảm thấy.

Chúng tôi tới chợ mua một ít trái cây, vào tiệm mua một hộp bánh.

Tôi nói với Thảo:

- Em có muốn mua gì không?

Thảo bảo:

- Không .

Cuối cùng tôi tự ý dùng số tiền đã định dành cho Thảo, mua cho nó ít vải và mỹ phẩm.

Tôi nói:

- Học, nhưng cũng đừng quên trang điểm.

Con nhỏ cười:

- Bộ trông em lọ lem lắm sao?

- Xấu hay đẹp, có trang điểm vẫn hơn.

- Không sao. Tôi xin được bỏ quên cho đến khi học xong.

- Sợ người ta nhạt được, hết học hả?

- Tính tôi hay lo xa, tránh được thì cứ tránh.

Câu nói của con nhỏ làm tôi chợt nhớ đến Sơn. Trong một phút, mọi sự lóe sáng đối với tôi. Đó là một lời hẹn tôi sẽ trở lại chốn này. Nếu vì một lẽ gì, không biết trước, tôi không còn trở lại đây nữa, tôi đã để lại đây tất cả rồi, không còn gì đáng tiếc nữa.

Tôi đưa Thảo tới một tiệm may.

Xong xuôi, chúng tôi trở về nhà.

Thảo nói:

- Chẳng thấy anh chàng Nhiên đâu cả.
- Lát thế nào nó cũng đến.

oOo

Ăn cơm trưa xong, chúng tôi quanh quẩn giúp mẹ tôi làm vài việc lật vật, rồi lại rủ nhau đi.

Mẹ tôi hỏi:

- Chúng mày không nghĩ à ?

Thảo nói:

- Chúng con đi coi phim.

Mẹ tôi bảo:

- Nhớ về trước giờ ăn kéo khách đến.

Tôi nói:

- Nhiên đến, mẹ bảo nó đón tụi con ở chỗ này.

Tôi lấy mảnh giấy ghi giờ và nơi hẹn nhờ mẹ tôi trao lại cho Nhiên.

Phim chúng tôi coi là một cuốn phim hay nhưng buồn.

Mùa Hè 42.

Trong một đêm, sau khi chồng tử trận, có thể nói, bà ta đã giết chết một cậu con trai và cho ra đời một người đàn ông, bằng hết thấy những gì gọi là đàn bà của bà.

Tôi rất thích phần nhạc của Michel Legrand, mỗi nốt nhạc như một sự giải thích mơ hồ về chuyện đó, lẫn lộn với biển, gió và cát.

Ra đường Thảo nói:

- Đàn bà nguy hiểm thật.

Tôi cười bảo:

- Con cái của rắn mà.

Thảo nói:

- Chúng ta chưa có được một mùa hè ẩm ướt như thế.

Tôi nhìn con nhỏ và thầm nói với nó: "Điều ấy chỉ đúng một nửa thôi".

Tôi lặng lẽ cùng Thảo băng qua một con đường đông đúc, tới một quán nước, nơi đã hẹn Nhiên tới đón.

Thằng nhỏ không có trong quán, nhưng xé cửa quán, chúng tôi thấy xe của nó đậu đó.

Thảo nói:

- Chắc hẳn quanh quần đâu đây.

Tôi bảo:

- Chờ nó một tí vậy.

Chúng tôi chọn một cái bàn ngồi sát cửa kính, để có thể thấy Nhiên ngay khi nó tới.

Thảo nói:

- Dầu sao, thế giới của đàn bà bao giờ cũng do đàn ông kiến tạo.

Điều con nhỏ vừa nói hình như có chứa một sự thật nào đó. Chúng tôi chỉ là những đứa trẻ đang dò dẫm sống, và càng tìm ra được những ý nghĩa chống đỡ cho cái đời sống không mấy vững chắc, người ta càng cảm thấy khó sống. Bản chất của đời sống vốn bấp bênh, hay chúng tôi chỉ là những đứa trẻ đàn độn?

Tình cờ tôi nhận ra, tôi đã ngồi đúng cái chỗ tôi đã ngồi với Sơn bữa trước. Có một sự ràng buộc vô hình nào đó sắp xếp thật chăng? Hay chính tôi đã tự đâm đầu vào lưới?

Thảo nhìn tôi bảo:

- Chị có bao giờ thực sự cảm thấy phải lấy chồng không?

Câu hỏi của con nhỏ làm tôi bối rối. Tuy nhiên, nó không có vẻ chờ đợi câu trả lời của tôi.

Nó tiếp:

- Nghĩ đến lúc sinh một đứa con càng khó hiểu và rùng rợn hơn nữa.
Nếu tất cả những người đàn bà đều nghĩ như nó, cái nhân loại này sẽ ra sao?

Tôi nhớ lại một buổi sáng đang đứng trước thềm, tôi bỗng thấy một người đàn bà ngấp nghé ngoài cửa. Người đàn bà còn trẻ, có lẽ chỉ hơn tôi vài tuổi, dáng vẻ mệt nhọc có lẽ vì quá vất vả với công việc. Chị mỉm một nụ cười e dè, nhìn tôi qua khe hở phía trên của hai cánh cửa. Chị ra dấu muốn vào. Tôi ngạc nhiên, ra mở cửa. Tôi nghĩ, chắc chị đi bán một món ăn sáng, nhưng khuất hai cánh cửa tôi không nhìn thấy, hoặc đó là người trong xóm muốn hỏi xin một viên thuốc cần kíp bất chợt, hỏi thăm chuyện điện nước. Tôi mở cửa cho chị. Chị lí nhí chào tôi, trên tay chỉ xách theo một chiếc giỏ không, có lẽ để đi chợ. Chị mặc một chiếc áo hoa sạch sẽ, quần đen, ủi thẳng. Người đàn bà hơi xanh, có một chút nhan sắc, thứ nhan sắc tàn héo ngay lúc đang xanh.

Tôi không thể đoán biết chị muốn gì.

Bằng một giọng e dè, chị tự giới thiệu, vợ chồng chị cùng ở trong xóm đã lâu, và qua lời chị, tôi lờ mờ đoán ra anh, nhưng không chắc có đúng.

Chị nói:

- Em có chút việc muốn nhờ chị.

Tôi mời chị ngồi xuống một trong hai cái ghế mây ở ngoài thềm, vào nhà, rót hai tách nước trà mang ra.

Chị ta nói:

- Bên này yên tĩnh quá nhỉ.

Chị đưa mắt nhìn quanh khoảng sân và cây dương liễu.

Tôi thấy rõ vẻ ngờ ngác trên nặt người đàn bà. Hình như chị ngạc nhiên vì những gì trông thấy. Tôi biết có những người đàn bà, bận rộn đến nỗi chẳng còn chút thì giờ để ý đến trời đất ngoài những công việc của mình.

Chị hỏi thăm tôi cây dương liễu đã trồng được bao lâu?

Tôi nói, không lâu, mới chừng vài ba năm.

Tôi mời chị uống trà.

Chị hấp tấp bỏ chiếc giỏ đang cầm trong tay xuống dưới chân, bưng lấy tách trà.

Cử chỉ của người đàn bà làm tôi áy náy. Nó chứng tỏ, ngay cả cái việc nhỏ nhặt, ngồi uống một tách trà với vài phút nhàn rỗi, chị cũng ít khi làm. Hoặc chị đang có một sự rối trí, nan giải.

Chờ cho chị uống vài hớp nước rồi, tôi mới hỏi:

- Chị có chuyện gì ạ?

Người đàn bà mỉm cười, nhìn tôi.

Tới lúc này tôi mới nhìn rõ chị. Chị có đôi mắt đẹp khác thường, to, đen và chắc chắn nó không được hoàn toàn trong sáng chỉ vì thiếu ngủ và vất vả.

Chị nói bằng giọng ngập ngừng:

- Chị biết nhà tôi?

Tôi trả lời cho qua:

- Dạ-

Giọng người đàn bà trở nên gọn gàng hơn:

- Tôi có sáu đứa con.

Tôi mỉm cười với chị:

- Chị còn trẻ mà đã đông các cháu nhỉ.

- Tôi hai mươi lăm, nhà tôi hơn tôi hai tuổi.

Tôi trầm nghĩ, quả thật chị cùng cỡ tuổi tôi.

Chị tiếp:

- Chúng tôi sanh các cháu năm một.

Tôi yên lặng chờ chị nói tiếp.

Chị nói:

- Tôi ở dưới quê lên, đang học nghề may thì gặp nhà tôi.

Rồi bằng cái giọng không được mạch lạc lắm, đang nói chuyện này nhảy sang chuyện khác, chị cũng nói đủ để tôi hiểu rằng, gia đình chị đang trong tình trạng túng quẫn, chồng đi làm, chị phải phụ giúp bằng cách may thuê, bỏ điều bỏ quạ lũ nhỏ, phó mặc chúng trông lẫn nhau.

Tôi vẫn chưa biết mục đích chị muốn gặp tôi để làm gì.

Chị nói, chị vẫn nghe tôi nói trên đài.

Tôi có cảm tưởng chị không nhớ hết những gì định nói. Việc này làm tôi thấy thương chị. Sự vất vả quá đáng làm cho người ta mất hết cả linh hoạt, và có vẻ gì đó buồn thảm.

- Dạ.

Tới một phút hình như chị chợt nhận ra cách ăn nói luộm thuộm của mình, chị xin lỗi đã làm mất thì giờ của tôi.

Tôi trấn an chị bằng cách hỏi lại:

- Em có thể giúp chị được gì không?

Chị lại nói loanh quanh về cảnh túng thiếu của gia đình, mãi mới tới việc, có hai vợ chồng một giáo sĩ Tin Lành người Mỹ, chồng chị có dịp sửa cho họ một cái máy móc gì đó, thấy vợ chồng chị đông con, nay họ sắp về nước, muốn xin vợ chồng chị một đứa con mang theo.

Và đó là điều hai vợ chồng chị đã bàn tính suốt tuần qua mà vẫn chưa có được quyết định dứt khoát.

Chị tiếp:

- Em nghe nhà em nói, chị học luật, chị có học, chị hãy giúp chúng em, cho chúng em ý kiến về việc này.

Chị làm tôi lạnh xương sống.

rước hết, tôi phải nói ngay với chị, cái chị gọi là tôi "có học" đó, sự thực, không đáng kể chi. Sau đó, điều chị hỏi tôi là một việc quá quan trọng, tôi e không thể nào có ý kiến được.

Vẻ thất vọng hiện ngay trên mặt người đàn bà làm tôi có cảm tưởng phạm tội khi nói như vậy.

Có lẽ, chị ta cho rằng không phải tôi không thể có ý kiến, mà là tôi đã coi thường, hay nặng nề hơn, tôi đã khinh bỉ cái ý định "cho con" của chị, và vì thế, tôi không muốn nói gì.

Quả thật, nếu chị ta nghĩ như vậy, tôi cũng không biết phải làm sao, để chị đừng nghĩ như vậy.

Yên lặng một lát, chị nhìn thẳng vào hai mắt tôi, bảo:

- Em chỉ muốn chị cho biết việc ấy có lợi gì, có hại gì. Người ta hứa sẽ cho nó ăn học đến nơi đến chốn. Một việc tụi em không mong gì làm được.

Tôi nghe chị nói, nghe cùng một lúc như tim mình teo lại trong ngực.

Tôi không biết vì lý do gì, chị lại chọn tôi để hỏi cái việc oái oăm này.

Tôi cũng biết, đối với người đàn bà này, thà là tôi nói một điều lieo lieo lĩnh, thiếu suy nghĩ, còn hơn là tôi cố gắng giữ thái độ đứng đắn, nghiêm chỉnh, không nói gì cả.

Tôi phải nói cái gì đây?

Tôi bị thúc đẩy bởi một sự cân nhắc âm thầm nhưng mạnh mẽ đến nỗi tôi sợ hãi.

Tôi có cảm tưởng người đàn bà không hẳn định hỏi ý kiến tôi mà chỉ muốn dựa vào ý kiến của tôi để "bói" một điều gì đó, có thể, họ đã quyết định rồi.

Tôi nói:

- Dĩ nhiên, như thế, cháu có nhiều hy vọng sẽ được ăn học tử tế.

Người đàn bà bảo:

- Có người lại nói, trẻ con đem cho người ngoại quốc, chẳng được học hành gì đâu.

Tôi nói:

- Về chuyện này, em cũng chỉ nghe nói vậy. Sự thực không biết thế nào.

Người đàn bà có vẻ nản chí. Có lẽ vì chị thấy tôi trả lời không có điều gì dứt khoát cả. Chị uống một hớp nước trong tách. Sự mệt nhọc hình như làm cho tâm trí chị trở nên thất thường. Đôi mắt chị vừa ánh lên vẻ buồn giận khi nhìn tôi, trong một phút lại chìm trong bóng âm u, dường đầu óc đã bị cuốn hút vào một chuyện khác.

Nhưng không phải như vậy, vì tôi nghe chị hỏi tiếp:

- Chị có nghĩ, cho con đi như thế, lớn lên, nó lại trở về với mình không?

Tôi chắc hai vợ chồng chị đã bàn tính kỹ với nhau chuyện này rồi. Lòng thương con khiến họ muốn tính một nước liều.

Tôi chưa biết nói sao, lại nghe chị hỏi tiếp:

- Hai vợ chồng bà đó là giáo sĩ. Liệu có thể tin họ được không?

Tôi đành phải thú thật với chị, tôi không ngờ đã được chị tin cậy đem hỏi một việc như vậy. Nhưng đó là một việc có nhiều phần còn phải trông cậy vào may rủi, không thể tính trước hậu quả. Tôi chỉ có thể cầu mong cho chị được thêm may mắn, chứ không thể đưa ra bất cứ một ý kiến nào.

Người đàn bà ra về.

Tôi tiễn chị ra cửa, chúc chị giải quyết ổn thoả mọi việc.

Chị cười và nhìn tôi với đôi mắt thất lạc. Rõ ràng trong lòng chị có nhiều chuyện bối rối, không an tâm.

Tôi không gặp lại người đàn bà, cũng không biết vợ chồng chị quyết định thế nào về chuyện đưa con, nhưng mỗi khi nhớ lại chuyện vẫn cứ thấy lòng áy náy. Sự lo lắng quá đáng cho tương lai của trẻ con, có phải là dấu hiệu của một xã hội đã thật sự bấp bênh, suy sụp?

Nhiên tới đón chúng tôi. Nó đi thẳng vào chỗ chúng tôi ngồi.

Thảo hỏi:

- Uống gì không?

Nhiên đáp :

- Không.

- Về chứ?

- Tùy các bà.

- Mai sau lúc nào cũng chiều vợ được như thế thì có đường lắm.

Nhiên nhìn tôi. Thảo cũng nhìn tôi. Bây giờ tôi mới nhớ ra, đã một lúc lâu, mãi nghĩ tới chuyện người đàn bà, tôi quên khuấy con nhỏ, không nói với nó một câu nào.

Thảo nói:

- Từ hôm qua đến giờ, bà ấy cứ như người mất hồn.

Nhiên không cười. Nó giữ vẻ bình thường dù trong giọng nói của Thảo đầy vẻ trêu chọc.

Chúng tôi đứng dậy, ra về.

CHƯƠNG TÁM

Tôi làm những công việc đã dự tính. Nhân viên Tòa Đại Sứ tiếp tôi một cách lịch thiệp. Họ vui vẻ chỉ dẫn tất cả những gì tôi cần biết. Trong khi chờ đợi các nhân viên hoàn tất giấy tờ, tôi được mời vào một văn phòng. Tiếp tôi là một người đàn ông còn trẻ. Sau khi hỏi thăm về công việc của tôi, ông ta tỏ ra rất vui. Ông cho tôi một địa chỉ và nói rằng đó là nhà bà chị của ông, trường hợp có gì khó khăn khi tới nước ông, hãy đưa danh thiếp của ông cho người có tên ông ghi trong đó, tôi sẽ được chỉ dẫn.

Tôi ngỏ lời cảm ơn ông.

Tôi nói lời cảm ơn bằng tiếng Nhật.

Ông ta cười, nói thêm một tràng tiếng Nhật nữa, nhưng tôi không hiểu gì cả.

Ông nói tiếp với tôi bằng tiếng Anh:

- Tôi hy vọng ngày trở lại Việt Nam cô sẽ nói chuyện được với tôi bằng tiếng Nhật.

Tôi nói:

- Tôi sẽ rất sung sướng nếu có thể thực hiện được điều đó.

Ông cũng khoe với tôi, ông đang học tiếng Việt. Nhưng vì cách phát âm quá khó nên ông cần có thêm nhiều thời gian nữa, mới hy vọng nói được.

Tôi cười bảo:

- Lịch sử hai nước chúng ta có nhiều liên hệ. Nếu chúng ta có nhiều người biết tiếng của nhau, mọi việc có thể sẽ trở nên dễ dàng hơn không chừng.

Ông hỏi tôi, có nói được nhiều tiếng Nhật chưa?

Tôi nói, ngữ vựng tôi đã học được chút ít. Nhưng tôi không nghe kịp, kể cả những chữ đã học rồi. Tôi hy vọng, khi sang bên đó, được tiếp xúc với người Nhật, tôi sẽ nghe hiểu.

Người đàn ông có râu quai nón, nhưng đã được ông cạo nhẵn. Chân râu làm cho da mặt ông bớt vẻ thư sinh.

Ông ta tự giới thiệu chức vụ của ông trong Tòa Đại Sứ: tùy viên văn hóa.

Tôi nói:

- Tôi cũng đoán vậy.
- Đoán sao, thưa cô?
- Đoán ông là tùy viên văn hóa.

Ông xin phép tôi để được hút thuốc. Tôi nói, xin ông cứ tự nhiên.

Ông mở nắp hộp thuốc, đưa mời tôi, bảo:

- Vì các cô gái Việt Nam ít hút thuốc, nên ông không biết tôi có hút không?

Tôi khẽ lắc đầu tỏ ý từ chối, nói cảm ơn ông rồi hỏi lại:

- Các nữ sinh viên Nhật có hút thuốc lá không?

Ông nói:

- Tôi có hai người bạn, hút thuốc còn nhiều hơn tôi nữa.

Tôi bảo:

- Nước Nhật của ông tôi nghe mỗi người nói một khác.

Ông ngược hẳn lên nhìn tôi, nét mặt thư thái, tự tin.

Tôi nghĩ thầm, đất nước của ông đã ban cho ông cái vẻ tự tin ấy. Các bạn học của tôi, những người tôi quen biết, Sơn chẳng hạn, không phải những người thiếu tự tin, nhưng sự tự tin không phát hiện ra trên nét mặt họ, có lẽ hoàn cảnh đất nước, sự u ám, buồn bã, đã phần nào che khuất đi.

Ông ta hỏi tôi:

- Ngoài công việc sẽ làm, cô có ý định theo học thêm một môn gì ở bên ấy không?

Tôi nói:

- Đó cũng là ước muốn của tôi. Song tôi cần đến tận nơi, thu xếp công việc đã, rồi mới quyết định được.

Ông ta bảo:

- Tôi e công việc sẽ chiếm mất nhiều thời gian của cô lắm đấy.

Rồi ông tiếp:

- Trước khi qua đây, ở bên Nhật, tôi có làm quen được với một nữ sinh viên Việt Nam. Cô ấy đang học ngành nhuộm ở Đông Kinh.

Tôi hỏi:

- Cô ấy đã về đây chưa ạ?

Ông ta nói:

- Cô ấy đã tốt nghiệp, nhưng quyết định ở lại học tiếp để lấy một cấp bằng cao hơn, nên có lẽ phải mất thêm vài năm nữa.

- Tôi mong sẽ được gặp chị ấy.

- Tôi chắc cô sẽ gặp thôi. Sinh viên Việt Nam cũng như người Nhật, lòng hoài hương của họ rất mạnh. Họ thường tìm cách họp mặt trong những dịp lễ tết.

Ông cũng khoe đã được người bạn Việt Nam này dịch sang tiếng Nhật cho nghe nhiều bài thơ Việt Nam. Ông khen chị bạn nói tiếng Nhật rất hay.

Tôi hỏi ông:

- Vậy, thi sĩ Việt Nam nào ông thích nhất?

Ông trả lời không cần suy nghĩ :

- Nguyễn Du.

Nhưng ông cũng nói, ông đã bỏ nhiều thời gian để tìm hiểu thêm về thơ Việt Nam, nhưng phần lớn là qua một ngôn ngữ thứ ba, nên dĩ nhiên nhiều thiếu sót. Song theo ông, "Kiều" là một tác phẩm vĩ đại, ít có tác phẩm nào trên thế giới có thể so sánh.

Tôi cười nhìn ông ta. Tôi thử lượng đoán xem trong lời nói của ông, có bao nhiêu phần của nhà ngoại giao, bao nhiêu phần là sự thật.

Cuối cùng tôi lại nhận ra một điều tôi không định tìm biết, ông ta có vẻ đại diện cho một lớp người Nhật mới, ít liên quan tới quá khứ, nhất là cái quá khứ nặng nề người Nhật đã mang tới xứ sở này trước đây.

Tôi cũng thử nói với ông về một vài tác giả Nhật đã được đọc khá nhiều ở đây như Suzuki, Rynosuke, Mishima và nhất là Kawabata với tiểu thuyết "*Ngàn Cánh Hạc*". Tôi cũng nói, truyện ngắn của Kawabata tôi đọc cảm thấy thích thú nhất là truyện "*Thủy Nguyệt*".

Người đàn ông có vẻ hơi ngạc nhiên.

Ông nhìn tôi bảo:

- Cô đọc nhiều về văn chương Nhật bản lắm sao?

Tôi nói:

- Không đâu. Chúng tôi cũng đọc sách Nhật cũng qua ngôn ngữ thứ ba như ông thôi. Sở dĩ các tác giả tôi vừa nói được biết nhiều hơn vì chúng tôi có bản dịch một số tác phẩm của họ sang Việt ngữ.

Ông hỏi tôi:

- Cô chú ý đến điều gì trong truyện "*Thủy Nguyệt*"?

- Sự chung thủy của người đàn bà. Mặt trái và mặt phải của tình yêu và dục vọng.

Ông ta nói:

- Tôi không ngờ văn chương Nhật Bản được đọc đến như vậy ở đây.

Mặt ông ta sáng rỡ khác hẳn cả những người đồng hương cùng làm việc với ông.

Tới đây, một người thư ký, theo lời dặn của ông, mang vào tận văn phòng của ông, trao cho tôi những giấy tờ của tôi.

Ông ta đứng dậy chào tôi và bảo:

- Tôi rất hân hạnh được gặp cô hôm nay.

Tôi ngỏ lời cảm ơn những cảm tình ông đã dành cho tôi trong cuộc tiếp xúc này.

Ông ta nói:

Nước Nhật chúng tôi rất vui mừng được tiếp nhận những sinh viên như cô.

Đó là một lời nói hơi quá của ông ta. Nhưng ông ta có một cách nói và một dáng điệu làm cho những lời nói của ông có đầy vẻ quý phái và ắt nó phải có nghĩa như ông muốn.

Tôi đứng dậy ra về.

Mặt trời đã lên khá cao khi tôi bước ra ngoài đường. Con sông trước mặt lấp lánh những ánh bạc làm chói mắt. Vài chiếc tàu đang bốc dỡ hàng trên bến cảng. Những chiếc cần trục to, cao, chằng chịt dây cáp quơ đi quơ lại phát ra những tiếng kêu nặng nề lách cách.

Trên bến tàu, những người phu khuân vác các kiện hàng chạy lên chạy xuống trên mấy cái thang nhỏ bắc từ boong tàu xuống bến.

Buổi sáng trong suốt làm cho những tàn cây nhìn thấy lá như xanh hơn.

Tôi rảo bước đi về phía Tòa Đô Chánh, rẽ vào thương xá Nguyễn Huệ mua cho Thảo một ít đồ dùng thường ngày.

Tôi cũng nhớ tới buổi hẹn với Sơn chiều nay.

Một nửa tôi muốn gặp lại anh, một nửa muốn bỏ cuộc hẹn. Chỉ là những nỗi lo sợ, ý nghĩ vu vơ vậy thôi.

Dù sao tôi cũng sẽ đi. Tôi không chờ đợi gì ở anh, không có một ước hẹn nào phải bận tâm, cái gì khiến tôi do dự?

Tôi rẽ qua tiệm sách mua một vài cuốn mang theo.

Tôi mua được một tập truyện ngắn mới của Sơn vừa cho xuất bản.

Kỷ niệm này sẽ là kỷ niệm nặng nề nhất của tôi đây.

Tôi ra đường, kêu xe, đến nhà Thảo.

Tôi đã trù tính, buổi chiều sau khi gặp Sơn, tôi sẽ đến đón nó, cùng về nhà tôi. Không hiểu sao tôi lại bảo xe chạy tới nhà nó lúc này.

Tôi cũng nhớ ra, hình như Nhiên đôi ba lần đã định nói với tôi điều gì, nhưng vẫn chưa nói. Có thật vậy chăng?

Thảo không có nhà. Mọi việc như thế, tự nó, vẫn đúng như dự tính của tôi, không có gì thay đổi, tôi sẽ đến đón nó sau khi gặp Sơn.

CHƯƠNG CHÍN

Tôi trở về nhà, sắp xếp lại vài thứ trong phòng, dành cho Thảo chút ngạc nhiên về những đồ dùng tôi vừa mua cho nó, đầu óc nhẹ tênh, chân tựa hồ đi không chạm tới mặt đất.

Mẹ tôi hỏi:

- Thảo nó đâu?

Tôi thưa:

- Dạ nó về nhà. Lát con sẽ tới đón nó.

Nhân dịp này tôi cũng xin lại mẹ tôi, việc cho Thảo tới ở đây, giúp nó yên tâm học, khi tôi đi rồi, nhà cũng bớt cô quạnh.

Mẹ tôi bảo:

- Được rồi. Mẹ sẽ thưa với thầy và tới nói với cô chú. Giấy tờ con đã lo xong chưa?

- Dạ, xong cả rồi.

Tôi đưa cho bà xem tất cả những giấy tờ cần thiết đã hoàn tất, cất chung trong một cái bao bằng nhựa nhỏ. Mẹ tôi giờ xem từng thứ. Tôi biết bà coi để mà coi thôi, chứ có biết giấy nào vào giấy nào.

Mẹ tôi hỏi:

- Gì mà lăm thế?

Tôi nói:

- Dạ, người ta bắt phải làm đủ như thế ạ.

Mẹ tôi tần ngần nhìn tấm ảnh mặt mũi ngơ ngác của tôi, dán trong cuốn sổ thông hành.

Chuyến đi của tôi, hình như tới lúc này, bà mới thấy rõ. Hai tay bà run rẩy. Dù biết tôi sẽ đi xa, nhưng chắc bà không thể hình dung nổi cái khoảng cách ấy thế nào. Chính tôi cũng chỉ mừng tượng một cách mơ hồ cái khoảng cách đó trên những đường vẽ ngoằn ngoèo

của những tấm bản đồ. Đối với bà, có khác gì bà giao tôi cho nắm giấy bà đang cầm trên tay?

Tôi phải làm sao cho mẹ tôi bớt lo lắng. Tôi muốn ôm lấy mẹ tôi, khóc một hơi, rồi ở lại.

Tôi không tiếc gì chuyến đi. Nhưng cũng chẳng có lý do nào chính đáng để hủy bỏ. Ở lại để làm gì mới được chứ?

Đây là cơ hội tôi có thể thay đổi lại cách suy nghĩ của mình, tình cảm của mình. Tôi hy vọng điều đó sẽ giúp tôi tìm thấy ý nghĩa đời sống của mình, không thể lên đèn như một phiêu vật.

Một danh tướng Do Thái đến thăm Việt Nam đã nói rằng đất tốt đến độ, vứt một cái gậy tre xuống, nó sẽ mọc thành một bụi tre.

Một xứ sở như thế tại sao người ta lại muốn chạy trốn?

Trong một chuyến ra Trung, tôi đã có dịp đi qua con đường nối liền Đà Nẵng và Huế. Trời, biển, sông, núi, cây, cỏ, có những quang cảnh đẹp như tranh. Hơi mát của biển, hơi mát của rừng, những phiến đá sóng biển và năm tháng đã gọt mòn, tròn trịa, nằm xếp lớp hai bên mép nước như đồ trang sức, cả phái đoàn sinh viên, ai cũng ao ước, giá có thể cất một căn nhà sống trọn đời ở đây. Nhưng suốt dọc đường, chỗ nào cũng thấy dấu tích tàn phá, những hố bom, mìn, những cây cầu bị giật sập, cất lại trên đồng đồ nát. Dọc theo một con lạch, một bên bờ là vách núi đất dựng đứng, người ta đã cất nhà dựa lưng vào vách đất đó dài theo con lạch, những căn nhà nhỏ, tường mái cũ kỹ, rêu phong, nhà nào cũng có những bực thềm ăn xuống mặt lạch, một vài chỗ có những đứa trẻ đang tắm, đùa nghịch làm nước bắn tung toé, những cô gái đứng khom mình giặt quần áo, và quanh đó, có những căn nhà bị cháy rụi, chỉ còn lại một đồng than đen bên cạnh những căn khác còn nguyên vẹn hay lỗ chỗ vết đạn, rêu cỏ mọc xanh nhưng không che kín hết.

Đứng trên đỉnh đèo, thờ mây vào trong ngực, nhìn rừng núi chập trùng, biển xanh bát ngát, tất cả những người có mặt, đều thấy như mình có chút gì đổi khác.

Tưởng tượng lại cảnh những người lính trấn thủ lưu đồn xa xưa, những vị quan từ Đàng Ngoài đi võng vào kinh triều kiến long nhan,

leo có lẽ phải cả tháng mới qua hết những núi non này, máu của những vị quan, những người lính nào, máu của những ái ân, tì thiếp nào, đã thấm ở đây, để bây giờ biến thành những khóm hoa đẹp thế kia?

Những khóm hoa đủ màu sắc, leo mọc khắp các triền núi, bò ra cả các lối đi, những dây hoa cuốn chằng chịt che kín cả những tàn cây cao ngất.

Ngồi uống bát nước trên ngọn phù vân này, ai cũng ngỡ như nuốt vào trong bụng một chút mây khói, một chút trời biển, một chút men rùng.

Tôi cũng nhớ lại lúc vào thăm Đại Nội. "*Sân Rồng*" dường chỉ có thật trong các truyện Tàu, lúc nhìn thấy tận mắt, với những phiến đá đen sạm như bằng gang lát trước Điện Thái Hòa, vẫn không hình dung nổi một buổi thiết triều như thế nào. Ngự uyển ở chỗ nào, nhìn quanh chỉ thấy cỏ. Trong khe rập của những viên gạch, đá, cũng lác đác mầm xanh trời lên. Không, vẫn còn những cây hoa đại đã trở thành cỏ thụ, tròng bao quanh sân rồng, dài ra tới ngọc môn, trở đầy bông trắng pha vàng tỏa hương thơm ngát.

Trên ngọc môn chiếc trống đại, lớp sơn sơn đã phai, tróc, cũng vẫn còn treo đó.

Các khu đất trống phía sau đại nội, cỏ gianh mọc cao gần tới mặt tường thành. Người ta không nghe thấy tiếng gì hết ngoài một sự yên lặng mênh mênh, cái yên lặng như còn sót lại từ một trăm năm, một nghìn năm trước.

Đình Ngự Bình phía xa lưa thưa những hàng cây nhỏ.

Sông Hương lặng lẽ trôi trước mặt.

Trên cột cờ, lá cờ vàng ba sọc đỏ lớn, bay phất phới trong gió.

Chúng tôi đi quanh thành nội để xem. Đường đi cũng được lát bằng những phiến gạch to. Tận cổng sau đại nội, có một bờ lũy bao bọc và một cái hồ, có lẽ ngày xưa trồng sen, thả cá, nhưng giờ đây lục bình.

Chúng tôi cũng được hướng dẫn đi xem hồ Tĩnh Tâm.

Huế đã yên tĩnh, ở đây, sự yên tĩnh còn tăng bội phần.

Có một chiếc cầu nhỏ bắc ra một thủy đình. Hồ vẫn được thả sen. Sen lẫn với bèo tấm. "*Lá sen tàn tạ trong đầm*". Đứng trên cầu, tôi đã nhớ tới câu thơ đó của Tản Đà. Mọi vật, những ngọn tre, những lá cỏ, cây cối quanh hồ, toát ra một vẻ gì đó như đã quên thời gian, phơ phất những cái ngọn ẻo lả, in bóng xuống mặt nước tù hãm, lặng lẽ, còn sống đó, nhưng linh hồn đã bay theo muôn năm trước, hiện thân còn hay không còn nữa cũng không đáng kể chi.

Người bạn đi cùng cho chúng tôi hay rằng, hạt sen trong hồ này, nấu chè là một món tuyệt phẩm. Sen không cần ninh cũng bở, nhưng phải nấu bằng đường phèn. Cái ngọt mát của đường phèn thấm vào các hạt sen nóng, khẽ nhai thôi, hạt sen đã tơi ra, theo nước miếng trôi vào cổ họng, lúc ấy mới thấy cái quý của những hạt sen trồng trong hồ này, gần như nó còn giữ nguyên vẹn mùi thơm của hoa, dù chỉ còn là những cái hạt đã khô. Người bạn còn nói nhỏ thêm với tôi, cứ mỗi năm, vài hạt sen lại biến thành răng của các cô gái Huế. Tôi tiếc đã không được ra tắm ở bãi biển Tiên Sa. Người bạn ưa khôi hài trong chuyện đó bảo rằng, tắm ở biển Tiên Sa lên, nhan sắc của mỗi người sẽ tăng năm phần trăm.

Tôi còn nhớ lại một chuyện nữa, của anh ta, khi ngồi uống nước trên đèo Hải Vân,

Anh ta kể, trong số danh sĩ của nước ta xưa, có người đi với người vợ trẻ, khi qua đỉnh Hải Vân, phong cảnh hữu tình, trời đất vắng vẻ, động lòng mây mưa. Gió máy làm sao đó, vị quan đã chết trong cái tư thế tuyệt vời nhất của nhân loại, trên một phiến đá giữa đám cỏ hoa.

Cả bọn đã cười khi nghe anh nói vậy.

Anh hỏi riêng tôi, có tin chuyện đó không?

Tôi thẳng thắn nói rằng, tôi có thể tin được lắm, và rằng, trừ những nữ tu, ai chẳng muốn có dịp đi qua đèo như thế một lần.

Người bạn hỏi:

- Chị có biết cái người vợ trẻ đó đi từ đâu tới không

- Từ đâu?

- Từ Thăng Long tới, từ Hà Nội tới.

- Bậy quá!

Anh ta khuyên tôi, trên đường đi từ Hải Vân về Đà Nẵng, hãy nhìn thấy phiến đá nào phẳng hãy nhắm mắt lại.

Chuyến đi ấy tôi còn nhớ lại hoài.

Chiến tranh cứ thu hẹp mãi đời sống vào quanh các thành phố, nên mong ước được đi đây đi đó để nhìn đất nước của tôi, sau đó, chẳng còn có dịp nào thực hiện.

Có thể chuyến đi này sẽ cho tôi thấy rõ xứ người hơn đất nước mình không chừng.

Mẹ tôi giục tôi đi ăn cơm trưa.

Tôi nói:

- Vâng. Để con làm cái này chút đã.

Tôi nói và lo sắp xếp lại tủ quần áo, lấy những thứ mới mua để vào trong ngăn, lấy bớt những đồ tính mang theo, để lại cho Thảo.

Mẹ tôi nước mắt rơi xuống ròn ròn. Tôi muốn bà yên lòng đôi chút, nhưng vẫn không biết cách nào né tránh đã động tới chuyến đi, nên đành phải bảo:

- Có gì đâu mà mẹ khóc.

Mẹ tôi lặng lẽ lau nước mắt.

Tôi tiếp:

- Thảo về đây ở, chừng nào mẹ thấy nó thi xong con cũng về.

Mẹ tôi bảo:

- Thôi ra ăn cơm.

Thầy tôi lại bỏ bữa cơm trưa. Độ này chứng đau da dầy thường làm thầy tôi ít ăn, không được vui vẻ. Có thể đó chỉ là những biến chứng của một căn bệnh khác, bệnh già.

- Thầy lại đau hả mẹ? Tôi hỏi.

Mẹ tôi nói:

- Thầy không được khoẻ từ hôm qua.

Ăn xong, tôi vào phòng hỏi thăm sức khoẻ của thầy tôi.

Ông nói, chỉ hơi khó chịu thôi.

Tôi thưa:

- Thầy có cần thuốc gì, lát con sẽ ra phố mua.

Thầy tôi nói:

- Không. Thầy không sao.

Giọng nói bình thường của ông làm tôi nhẹ lòng. Cứ nghĩ đến chuyện đi tôi lại thấy áy náy. Tôi sẽ không quên tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ báo thức nhỏ thầy tôi vẫn để trên chiếc kệ kê ở đầu giường, mỗi ngày ông đều đặn lên dây. Tiếng vặn chìa khóa ông làm mỗi buổi sáng đã in hằn vào trí nhớ, tôi dễ dàng hồi tưởng lại. Màu gụ của chiếc thành giường ông nằm, bao giờ cũng được mẹ tôi lau chùi bóng láng, làm tăng thêm vẻ sạch sẽ của những tấm khăn trắng trải giường. Hai chiếc gối to cũng luôn luôn được bọc bằng vải trắng. Tôi không mong gì hơn sau này, lập gia đình, tôi có thể được sống trong cái hạnh phúc đơn giản như thầy mẹ tôi đã sống, như hai chiếc gối được kê sát cho đến lúc cả hai người đầu đã bạc. Cái bức tường quét vôi màu xám nhạt, bao nhiêu năm vẫn còn giữ được nguyên vẻ sáng sủa, đồ đạc ngăn nắp, vì nhà không có trẻ con.

Anh tôi chưa có vợ, mẹ tôi phàn nàn mãi về việc này, riêng thầy tôi không tỏ ý gì.

Mỗi lần anh tôi ở đơn vị, được nghỉ phép về nhà, thầy tôi thường bảo anh tôi ngồi xuống ghế uống nước như mời một người khách. Ông ít biểu lộ sự vui mừng hay buồn giận, nhưng vào những lúc ấy, tôi biết, ông cảm động hơn ai hết. Ông hỏi anh bằng những lời ngắn ngủi, đi bằng cái gì về, được nghỉ mấy ngày, sau đó, ông vào phòng nằm đọc báo, bình thường, y như anh tôi chưa hề có lúc nào xa nhà cả. Tới bữa ăn, gia đình xum họp, mẹ tôi làm thêm cái ăn, giục anh ăn thêm món này, món kia. Chúng tôi mời ông bà trước khi ăn. Thầy

tôi hỏi mẹ tôi vài câu về chiếc khăn tay đã giặt ủi chưa chẳng hạn, để đâu sao ông tìm không thấy. Mẹ tôi trả lời ông, và trong khoảnh khắc, tôi có cảm tưởng như chúng tôi vẫn hoàn toàn còn nhỏ dại, gia đình không hề có một sự thay đổi nào.

Chuyến đi này của tôi, hẳn không thể nào nhà còn được như thế. Lúc ăn cơm, nhìn vào cái chỗ anh tôi thường ngồi mỗi khi anh có mặt ở nhà, tự nhiên tôi ứa nước mắt.

Tôi nói:

- Thưa thầy, mai con đi.

Thầy tôi không nói gì. Cặp kính lão của ông, đã có lần nghịch ngợm, tôi đã thử đeo lên mắt, không những chẳng nhìn thấy gì mà còn chóng cả mặt.

Thầy tôi buông cuốn sách đang cầm xuống, gỡ cặp kính ra khỏi mắt, cầm trên tay, hỏi:

- Giấy tờ con lo đầy đủ rồi chứ?

- Dạ rồi ạ.

- Chỗ ăn chỗ ở thế nào?

- Dạ, một người bạn hiện đang ở bên ấy sẽ giúp con.

Thầy tôi đeo lại cặp kính lên mắt, bảo:

- Ra rót cho thầy tách nước mang vào đây.

Nghe ông nói câu đó tôi thấy thư thái hẳn. Tôi ra ngoài, rót nước, mang vào cho thầy tôi.

Thầy tôi nói:

- Để đấy cho thầy.

Tôi đặt tách nước xuống mặt chiếc bàn nhỏ, nghe tiếng chiếc đĩa chạm trên mặt gỗ và tiếng chiếc tách va trên mặt đĩa, hai tiếng lách cách nhỏ đó làm nghe ra cả sự yên tĩnh của căn phòng.

Tôi cũng thưa với thầy tôi về việc em Thảo có thể sẽ đến đây ở cho yên tĩnh để học và xin thầy tôi cho phép.

Thầy tôi nói:

- Ờ, thử nói với mẹ mày xem.

Ông không nói thêm gì nữa, nhưng tôi biết lời xin của tôi đã được chấp thuận.

Tôi đi ra ngoài, khép cửa phòng lại cho ông.

Đã xế trưa. Có lẽ tôi cũng nên nằm nghỉ một lát. Tôi trở về phòng mình. Trời im gió, căn phòng hâm hấp nóng.

Mẹ tôi vẫn còn đang kỳ cạch với những công việc của bà đằng sau bếp.

Cứ nghe tiếng động tôi có thể biết bà đã rửa xong chén bát, đang tráng một lần nước nữa, úp vào chiếc khay kê ngang bồn rửa cho khô. Những tiếng lanh canh, lách cách đó làm tôi nhớ lại tiếng va chạm của tách trà tôi vừa đặt trên chiếc bàn nhỏ trong phòng thầy tôi. Có lẽ phải còn lâu lắm tôi mới được nghe lại những tiếng động ấy. Chừng như chúng tôi đang dần dà lắng chìm vào một thế giới khác. Thời gian, đời sống, giống như dòng chảy của một con sông, cuốn trôi và nhận chìm tất cả. Trong đầu tôi dường cũng đang có một vũng xoáy nhẹ nhẹ, những nỗi hy vọng, tuyệt vọng, những hình bóng mờ mờ của quá khứ, chuyện vui buồn nhớ quên, tựa những cành củi mục trôi lênh bênh, nổi lên, chìm xuống, trong lòng cùng một lúc nhen lên một chút bi thương, một chút phấn khởi.

Tôi cũng nhớ tới buổi hẹn với Sơn.

Tôi vừa muốn bỏ buổi hẹn vừa muốn biết chắc, khi bỏ đi, còn có người thật sự nhớ và mong gặp lại mình chăng?

Cái gì khiến tôi ngờ rằng Sơn không còn muốn gặp lại mình?

Không có dấu hiệu nào khiến tôi phải nghĩ như thế.

Nhưng mọi hy vọng trong lòng tôi, tựa ngọn đèn, tôi đã thắp lên liên tiếp trong nhiều ngày, đã cạn hết dầu, le lói, chỉ cần một cơn gió nhẹ đủ thổi tắt.

Sự thật có phải vậy không?

Tôi không biết.

Người ta ví nhan sắc và tuổi trẻ của một người đàn bà chẳng khác một bông hoa, đó không phải chỉ là sự ví von cho thêm đẹp, thêm buồn: đời người qua mau.

Và, điều đáng sợ hơn nữa là người ta khó có thể sống một mình.

Nghĩ cho cùng, nếu thời gian đứt rời, người ta chẳng thể nối liền với quá khứ, tại sao tôi không dám sống hết hiện tại của mình? Nhất là cái hiện tại ấy lại ngắn ngủi không hơn một giấc mơ?

Tôi không yêu Sơn.

Sơn cũng không yêu tôi.

Anh chỉ là cái cơ hội bất gặp, tôi mong mỏi, để khám phá ra chính mình

Ngày còn nhỏ, tôi đã có lần theo anh tôi học cách chụp hình và rửa ảnh. Hai anh em đã lấy chần quây quanh gầm giường để làm phòng tối. Chiếc phim được kẹp sau một miếng kính soi trên ngọn đèn, cho in hình xuống miếng giấy ảnh. Anh tôi đã dạy tôi đếm 1, 2, 3, 4- sau đó miếng giấy ảnh được gỡ ra. Miếng giấy vẫn giữ nguyên vẹn màu trắng ngà, đem ngâm vào chậu nước, gọi là thuốc rửa ảnh, vài giây sau ảnh sẽ hiện ra. Công việc dù đã làm nhiều lần, nhưng mỗi lần nhìn thấy cái ảnh hiện trên khuôn giấy, tôi vẫn không ngớt ngạc nhiên.

Sơn đối với tôi cũng giống như cái chất thuốc làm hiện hình đó.

Tôi phải gặp lại Sơn.

Để làm gì? Tôi cũng không biết. Nhưng tại sao, tôi phải lẩn tránh?

Tôi không chờ đợi gì ở anh, không hy vọng gì ở anh nên tôi cũng chẳng sợ thất vọng.

Có những lúc tôi không biết mình đang suy nghĩ trong lúc thức hay chỉ trong một cơn mê. Rõ ràng là khi mở mắt, nhìn mọi vật, tôi tưởng như mình vừa thức dậy. Tôi đã không nghe một tiếng động nào trong một lúc khá lâu. Tôi không biết chuyện gì xảy ra quanh mình. Mồ hôi rướm trên trán và sau lưng, tôi cũng chẳng hay. Vậy ắt là tôi đã ngủ. Nhưng ngay lúc mở mắt nhìn, ý nghĩ của tôi vẫn liên tục

trong đầu. Hai mắt cay sè, triệu chứng mình đã không ngủ được chứ không phải vừa thức dậy.

Tôi trở dậy vào phòng tắm. Nước mát làm thức dậy từng phần cơ thể. Tôi thấy mình trong một tình trạng tinh thần buồn bã. Tôi không cảm nhận một nỗi khao khát nào của thân mình. Tôi giống như kẻ mắc chứng lạnh lùng.

Có thể như vậy sao?

Tôi nhận ra mình như một khối đông cứng, da thịt không hứa hẹn gì lại đây về đe dọa.

Tôi trang điểm, mặc một bộ đồ mới. Tôi đánh sáp môi và nhận ra một chút nhan sắc của mình. Màu hồng của ống sáp môi làm tôi liên tưởng tới màu hoa đào đã nhìn thấy trong một kỳ lễ Giáng Sinh ở Đà Lạt. Anh tôi kể rằng, ở quê chúng tôi xưa, ông tôi có trồng một cây đào bên trái hiên nhà. Tết, trời lạnh đến nỗi tường chùng hoa tàn được. Vậy mà dưới sân hoa vẫn rụng đầy. Những cánh hoa mỏng, nhỏ, dù đã rụng nhưng màu sắc vẫn còn nguyên vẻ thắm tươi. Mỗi khi mẹ tôi quét sân, quét thềm, thấy tôi có vẻ tiếc cái vẻ điểm trang của những cánh hoa rụng đó. Thật ra, chẳng bao giờ người ta quét hết được hoa trong những ngày như thế. Bởi chỉ sau một nhát chổi, hoa lại tiếp tục rơi xuống, trên mặt sân sạch sẽ hơn và cũng vì thế, trông càng đẹp hơn. Nhưng cũng theo anh tôi nói, hoa đào miền Bắc khác với đào Đà Lạt. Khác là khác thế nào đây? Vậy cái màu son tôi thoa đây, là màu đào nào trên đất nước tôi, Đà Lạt hay Hà Nội?

Tôi tiếc quê hương đứt ruột.

CHƯƠNG MƯỜI

Tôi đến nơi hẹn với Sơn.

Anh đã tới trước và đang chờ tôi ngay tại cái bàn chúng tôi đã ngồi lần trước.

Bằng cái nhìn của Sơn, tôi biết, tôi được yêu, lần thứ nhất trong đời.

Tôi ngồi xuống ghế hỏi:

- Anh đợi em lâu không?

Sơn nói:

- Anh cũng vừa tới.

Quán đông khách. Tôi đã đi qua cả một quãng đường dài mà chẳng để ý gì đến cảnh chiều. Bây giờ, ngồi xuống chiếc ghế, ngó ra ngoài cửa kính, tôi mới thấy trời hoàn toàn khô ráo, trong sáng. Tôi có thể nhìn thấy bồn hoa của khu công viên trước Tòa Đô Chánh đang phun những tia nước trắng xóa. Mấy cây liễu mới trồng hôm nào bắt đầu xanh cao, rủ lá.

Liễu dương hơ tóc vàng trong nắng.

Câu hát ấy đột nhiên thoáng qua trong đầu tôi.

Tôi cũng thấy quanh tôi một sự êm đềm, dịu dàng, mọi vật đều như được những tấm gương lấp trong quán phản chiếu, sáng cái vẻ trong mát, hân hoan.

Vâng, lần đầu tiên trong đời tôi cảm thấy tôi hạnh phúc, dù đó chỉ là thứ hạnh phúc mong manh.

Tôi nhìn thấy mình trong tấm gương không đến nỗi xấu xí.

Tấm gương như mặt hồ. Tôi giống như cây liễu. Tôi biết tôi đang được hơ trong hơi ấm của tình ái.

Có lẽ tình ái chỉ có thật trong tưởng tượng thế này chăng?

Tôi thấy lòng mềm nhũn, tưởng chừng như tôi sẵn sàng tan hòa vào mọi ý muốn của Sơn.

Tôi yêu anh chẳng?

Tôi có cần tự hỏi tôi mãi như thế không?

Giả thử tôi yêu anh? Giả thử tôi không yêu anh? Mọi sự cũng không có gì thay đổi cả. Buổi chiều vẫn giữ nguyên cái vẻ trong sáng của nó bên ngoài ô kính. Bàn ghế vẫn được bày ở những vị trí này. Tất cả những người ngồi trong quán vẫn có thể soi thấy bóng mình trong mấy tấm gương kia. Tôi ngó lại mình một lần nữa. Tôi nhìn thấy hai mắt Sơn dịu dàng, hết sức dịu dàng nhìn ngắm tôi. Tôi có cảm tưởng khôi hài, cuộc tình của chúng tôi, nếu có thể gọi như thế, đã bắt đầu ngược, nghĩa là đã bắt đầu từ chỗ hết và đang lần trở lại phút khởi đầu. Sự việc vừa có vẻ bi thảm vừa có vẻ tức cười.

Tôi cười với Sơn trong tấm gương và tôi quay lại nhìn anh bên ngoài.

Sơn hỏi tôi:

- Chuẩn bị xong xuôi rồi chứ?

Tôi gật đầu thay cho câu trả lời. Tôi không muốn nghe bất cứ một sự nhắc nhở nào nữa về chuyến đi sắp sửa.

Tôi dần dà nhận ra trong những tiếng nhắc nhở đó, không còn ý nghĩa thăm hỏi nữa, mà có vẻ gì đó xua đuổi.

Sơn bảo:

- Mình đi chơi một lát.

Sơn đưa tôi tới một cái quán ăn rất lạ, đằng sau một khu chợ cá, chợ đã tan, người ta đang xối nước cọ rửa các sạp, lối đi nhóp nháp, tanh tưởi, qua một cái sân khá rộng lát gạch vuông đỏ, leo một cái thang gỗ nhỏ lên lầu một căn nhà sàn được thiết kế thành quán ăn. Quán xập xệ, không tường vách, trông thẳng ra mặt sông và chỉ có độ năm sáu bàn, nhưng cũng có vẻ đẹp riêng. Ngồi ở đó, người ta có thể nhìn suốt dọc một quãng sông đầy ghe, thuyền, phía xa là cảng Khánh Hội. Tôi ngửi thấy mùi thuốc lá nồng trong không khí, có lẽ là từ ống khói của nhà máy làm thuốc lá từ bên Khánh Hội thả ra.

Sơn nói:

- Khu Venise của Sài Gòn đấy.

Mặt sông vào giờ triều lên mênh mông và xanh hơn. Ghe thuyền dâu sát nhau quanh bến làm thành một xã hội nổi, nhiều khoang bên trong có nệm chiếu, tủ bàn, y như những căn phòng.

Ở đầu một chiếc ghe khác, người ta quây gỗ và tôn làm một phòng tắm lộ thiên, tôi nhìn thấy một phụ nữ đang tắm.

Từ chỗ đang ngồi, tôi còn nhìn thấy một ngôi chùa nhỏ, ngai thờ sơn son thiếp vàng, mâm hoa quả, đèn nến thấp sáng, và một nhà sư, không phân biệt nổi nam hay nữ, đang ngồi tụng niệm.

Sơn nói:

- Ngôi ở đây có thể nhìn thấy một cái *panorama* của Sài Gòn.

Tôi cười bảo:

- Không ngờ lại có một chỗ ly kỳ thế này.

- Mưa, ngôi ở đây thích lắm.

- Đáng tiếc em không còn có dịp nữa.

Chiều đã hết hẳn trên con nước. Bầu trời vẫn mây, đen thẫm, những vì sao giống như những con mắt yếu đuối của người sống, người chết, từ nơi xa thẳm nào nhìn vọng về. Quê tôi ở phía nào? Hà Nội ở phía nào? Giờ này, đứng ở một nơi nào đó trên cầu Long Biên, bên hồ Trúc Bạch, giữa đê Yên Phụ, có lẽ người ta cũng nhìn thấy những ngôi sao như tôi đang nhìn thấy đây. Nhưng bao giờ người ta có thể đổi chỗ để nhìn như thế?

Chúng tôi ra về khi có vài người khách tới ngôi ở chiếc bàn bên cạnh.

Những chiếc bàn cũ kỹ không mấy sạch sẽ, nhưng cũng là một bữa ăn, một chỗ ngồi chắc tôi sẽ còn nhớ mãi.

Lối đi ra bây giờ đã lờ mờ dưới ánh đèn.

Sơn nói:

- Coi chừng té.

Chúng tôi ra đường, gọi một chiếc taxi, về lại khu phố chính.

Ngồi trên xe, tôi bảo với Sơn:

- Ngày mai, em không gặp lại anh nữa.

Sơn bóp mạnh bàn tay tôi anh đang nắm trong tay anh. Anh hôn phớt trên môi tôi và trong một giây tôi nhận ra sự liên hệ giữa chúng tôi có một vẻ gì bi thảm, không còn cách gì có thể sửa chữa được.

Sửa chữa cái gì đây?

Sơn đưa tôi về chỗ ở của anh. Đó là một căn phòng nhỏ, trong một khu xóm đông đảo. Tôi nhớ là tôi đi qua một con đường hẻm tráng xi măng, đi qua những căn nhà có hàng rào gỗ sơn những màu khác nhau, đi qua những tàn cây trướng cá-

Căn phòng bày biện sơ sài, bàn viết, kệ sách, giường ngủ, thêm một chiếc bàn nhỏ và hai chiếc ghế làm chỗ tiếp khách.

Cái chỗ ở lạng lẽ của Sơn làm tôi bàng hoàng. Tới phút này, tôi mới biết ra rằng, tôi không biết gì về anh, anh cũng không biết gì về tôi.

Nhưng quả thật tôi đang được sống những giây phút êm đềm, tốt đẹp. Căn nhà có vẻ gì đó ấm cúng, quen thuộc kỳ lạ, hình như tôi đã biết, đã có lần ra vào. Đây là nơi tôi có thể ở lại như mái nhà đích thực của mình. Cửa sổ của căn phòng trông ra một vách tường quét vôi xám. Một cây tràm bông đỏ đầy hoa phát phơ trong gió.

Sơn chỉ một chiếc ghế bảo tôi:

- Em ngồi xuống đó.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế của bàn viết trông ra cây tràm. Căn nhà ở khá sâu trong hẻm, tôi chỉ còn nghe vẳng những tiếng động từ phía đầu ngõ vừa đi qua vọng lại.

Sơn cũng ngồi xuống chiếc ghế bành còn lại, kê sát tường, liền với bàn viết, xây lưng ra phía ngoài cửa sổ.

Tôi thầm nghĩ, nếu tôi đến đây trước, có lẽ đã không có chuyện đi này.

Nhưng bây giờ mọi sự đã quá muộn.

Nếu mỗi người đều có một định mệnh an bài trước, hẳn cái phần số đã được định trước của tôi phải có chút gì đó vương vất nơi đây.

- Chưa bao giờ anh nói với em về chỗ ở này.

Tôi nói với Sơn và muốn tưởng tượng những ngày tháng nếu chúng tôi chung sống với nhau sẽ ra sao?

Chân tay và cả đầu óc tôi, bỗng nghe nặng nề, khi tôi chợt nghĩ rằng, có lẽ sẽ chẳng còn có dịp bước qua cái ngưỡng cửa kia, để vào đây nữa.

Thực sự tôi có mong trở lại đây không?

Bốn năm, những gì sẽ xảy ra? Chúng tôi lại cũng chẳng ước hẹn gì với nhau.

Căn nhà có vẻ lạnh lẽo, nhưng đó là cái lạnh lẽo dễ thương của một chỗ thiếu hơi đàn bà.

Người đàn bà nào sẽ mang hơi ấm đến đây?

Tôi bảo Sơn:

- Thôi, em về.

Sơn không nói gì. Yên lặng một lát, anh đứng dậy, đi tới, đứng đằng sau chiếc ghế tôi đang ngồi, ôm choàng lấy tôi và cúi xuống hôn tôi.

Cử chỉ của anh tựa hồ đã được sắp đặt trước nhưng vẫn làm tôi hết sức cảm động.

Sơn hỏi:

- Em sẽ trở lại chứ?

Tôi cười, bảo:

- Vâng.

Rồi tiếp:

- Nếu em chưa già.

- Sợ già à?

- Sợ.

Không khí trong giây phút bỗng trở nên nửa vui nửa buồn. Tôi chỉ định nói đùa với Sơn, nhưng trong những lời đùa bỡn hình như vẫn có một phần sự thật. Sợ già ư? Tôi không thể biết trước có sẽ trở về đúng kỳ hạn. Giả thử tôi có trở về đúng kỳ hạn chẳng nữa, tôi cũng đã có thêm bốn năm già. Bốn năm sống một mình ở nơi xa lạ đó, tôi sẽ ra sao? Sơn sẽ ra sao? Với cuộc chiến tranh mù mịt này nữa, cả đất nước sẽ ra sao? Và, sau cùng, tôi có ước mơ gì để thực hiện ở đây?

Đó không phải là những nỗi khó khăn sao?

Tôi sẽ già. Mọi sự sẽ đổi thay, từ tình cảm đến con người và hoàn cảnh.

Sơn nói:

- Anh rất tiếc em không còn ở lại đây nữa.

Tôi tin anh thành thật khi nói vậy. Em cũng tiếc như anh. Chúng ta khám phá ra đời sống quá muộn. Đời sống cũng chỉ bày ra cái vẻ quyến rũ nửa vời như vậy.

Cũng rất đáng tiếc, vẻ quyến rũ đó không đủ ý nghĩa để chúng ta hủy bỏ tất cả những gì khác để theo đuổi như một cách thực hiện đời mình.

Tôi thử tưởng tượng một thời khác chung sống với Sơn, như một cặp tình nhân, yêu nhau đã lâu, tình không còn sôi nổi, không cần bày tỏ, đã có thể sống với nhau trong lặng lẽ. Tình yêu tựa một mặt nước, tình nhân giống như những con cá, tung tăng, lờ lững hay vùng vẫy bơi xa, cũng vẫn ở trong tình.

Sơn nói:

- Khi trở lại, em hãy đến thẳng đây.

Tôi cười hỏi:

- Anh sẽ nói sao nếu lúc ấy lại có mặt một người đàn bà khác?

- Cô nhầm nhà chẳng?

- Em sẽ đóng kịch tiếp với anh.

- Thử coi.

- Người quen của tôi xưa, ở căn nhà này, xin lỗi ông bà, tôi muốn nói có lẽ ở căn nhà này, đã có nhiều thay đổi, tôi không dám chắc.

- Cô có nhớ tên người đó không?

- Dạ, không ích gì.

- May ra chúng tôi có thể giúp cô tìm lại người ấy.

- Ông bà có căn nhà xinh quá. Chúng tôi ngày xưa đã định mua căn nhà này. Tôi lại phải xin lỗi lần nữa, đáng lẽ tôi phải nói, hình như là căn nhà này.

- Không sao. Ngay bây giờ, nếu cô còn giữ ý định ấy, chúng tôi có thể sẽ nhượng lại. Đã vài lần chúng tôi tính đến việc di chuyển rồi.

- Không đâu ạ. Tôi tin ông bà đã gặp may mắn. Những may mắn tôi đã bất hạnh không giữ được.

- Cô làm chúng tôi có cảm tưởng, trước khi đi xa, cô đã hứa hôn với một người nào ở đây.

- Hứa hôn? Không, chúng tôi đã vượt qua giới hạn ấy từ lâu.

- Tôi không ngờ chuyện lại phiền muộn đến như vậy.

- Dạ, làm gì có chuyện đó. Đây chỉ là những điều tôi tưởng tượng ra thôi ạ.

Tôi bắt đầu thấy ngọt ngào.

Tôi phải ra về thôi. Nếu không, cái khoảnh khắc hạnh phúc mỏng manh này cũng sẽ biến mất.

Tôi bảo với Sơn :

- Em về đây. Đừng tiễn, để em đi một mình.

Sơn có vẻ hơi ngạc nhiên về sự lạnh lùng của tôi. Chắc anh không thể hiểu nổi tại sao có cái đêm ở ngoài Vũng Tàu. Không sao. Trời biển sẽ giữ cho chúng ta niềm bí mật ấy.

Tôi muốn chấm dứt mọi chuyện ngay phút này, không muốn Sơn đưa tôi ra đường, không muốn kéo dài sự bịn rịn. Sơn có cho là tôi

khó hiểu, kỳ cục cũng chẳng sao, có khi còn tốt hơn cho cả tôi lẫn anh. Tình nếu đã không có cơ hội, thất bại mà làm chi? Cách chấm dứt đau đớn nhất là cố nuôi hy vọng. Cách giản dị nhất là nghi ngờ. Nghi ngờ rằng cái tình có lẽ không có thật. Như trong một giấc mơ, mỗi người thấy mình vừa ra khỏi. Người ta có thể mỉm cười với chính mình và với người trong mộng.

Như vậy không hay sao?

Tôi tiếc những gì tôi đã cho anh chẳng?

Không, tôi không đủ nặng tình với anh để tiếc chi cả.

Tiếc một giấc mơ là chuyện để người ta cười một mình.

Kẻ may mắn có một mối tình lớn trong đời.

Người không may chỉ có thể có những khoảnh khắc hạnh phúc.

Nếu chúng ta không có được một trong hai điều ấy, chúng ta cũng đã có với nhau một kỷ niệm.

Tôi không thể từ chối việc Sơn đưa tôi ra ngõ, dù tôi đã muốn như thế.

Tôi nói:

- Anh không sợ sự quyến luyến sao?

Anh nhìn tôi bảo:

- Anh rất tiếc không còn được gặp em lại.

Tôi cười bảo:

- Đáng lẽ anh phải nói điều ấy sớm hơn.

Sơn cũng cười bảo tôi:

- Anh sẽ cố nói điều đó đúng lúc, nếu còn có dịp.

Tôi nghe một cơn đau bóp nhẹ trong ngực, hết như cái lần tôi ngửa mặt nhìn cây đào trở bông giữa triền dốc trên Đà Lạt.

Tôi ao ước Sơn có đủ thô bạo hay say mê làm dữ với tôi một điều gì đó. Anh bắt nhất tôi ở lại đây chẳng hạn. Tôi không đủ say mê để tự

nguyện ở lại. Cả hai đều không ai có đủ lực để làm cái việc đáng đời như thế.

Vậy thì phải coi như định mệnh không can dự gì vào chuyện của chúng ta

Và chúng ta đành phải chia tay thôi.

Chúng tôi ra khỏi nhà.

Sơn đóng cửa trước khi quay ra cùng đi với tôi.

Con ngõ ra đường được soi sáng bằng những ánh đèn hắt ra từ các căn nhà hai bên đường. Tôi nhìn thấy bóng tôi và bóng Sơn lảo đảo đổ trên lối đi lồi lõm.

Thôi nhé, đối với anh, em không chỉ đang đi ra khỏi cái ngõ không tên này, mà em đang đi ra khỏi đời anh.

Tôi không muốn nhìn, muốn nhớ một vật gì quanh mình nữa.

Ngoài đầu ngõ, khu phố vắng vẻ, vàng vọt trong ánh sáng của những ngọn đèn lộ.

Chúng tôi dừng lại dưới một tàn cây, bên hè đường.

Sơn nói:

- Đứng đây chờ xe.

Sơn đã hôn tôi cái hôn từ biệt ở đây.

Tôi cũng muốn Sơn kéo dài cái hôn và anh hút khỏi dùm tôi cái vàng trắng lạc trong lồng ngực.

Nhưng không bao giờ, sẽ không bao giờ anh hiểu được tôi nghĩ gì vào lúc đó, phải không anh?

CHƯƠNG CUỐI

Thảo chờ tôi ở trên gác. Cô chú tôi đi đâu đó chưa về. Tôi nhờ mấy đứa em chuyển lời chào ông bà rồi cùng Thảo ra đường.

Thảo hỏi:

- Chi đi đâu mà lâu thế?

Tôi nói :

- Thu xếp vài chuyện lặt vặt còn lại.

- Xong cả rồi chứ?

- Rồi.

Tôi nghe dư vị đắng đót của cái hôn lạnh ngắt trên môi. Mỗi người tôi gặp với những lời hỏi han nghe thấy, tựa hồ những chiếc chìa khóa lên dây thiêu, làm tăng nhịp đập của trái tim.

Giờ phút tôi đi chẳng còn bao lâu nữa.

Xin chào những đường phố, chào cây ngọc lan tỏa hương thơm cả một góc phố, chào cái gốc cây đã bị chặt mất thân, chào những vì sao lướt lướt trên nền trời, chào mặt nhựa xám đen những con đường bao lần tôi đã đi qua, chào những hạt bụi.

Tôi áp má vào lưng Thảo, vòng tay ôm ngang eo nó, nghe tiếng bánh xe máy bon bon lăn trên đường.

Tôi hỏi Thảo:

- Em đã nói với ba má chưa?

Thảo nói:

- Chưa. Ông bà đi từ sáng chưa về.

- Chị đã thưa với bác rồi.

- Việc ấy lo sau.

- Giờ này có lẽ Nhiên đang ở nhà chị.

- Mình về luôn chứ?

- Ừ. Chị đi từ chiều đến giờ.

Tôi nghe những cơn gió mát thổi lùa hai bên tai. Tôi nhớ lại những vết môi hôn của Sơn trên da mặt.

Nhiên đang đợi chúng tôi ở nhà.

Mẹ tôi dọn cho ba đứa cùng ăn bữa cơm tối.

Sau đó, Thảo và Nhiên cùng kéo lên phòng tôi để "giúp kiểm soát lại hành lý" như lời chúng nói.

Tôi mở tủ chỉ dẫn cho Thảo những đồ dùng dành cho nó.

Con nhỏ cầm một chiếc quần lót giơ lên hỏi Nhiên:

- Đẹp không?

Thằng nhỏ không nói gì.

Mùi băng phiến bay thoảng.

Tôi bảo Thảo:

- Chịu khó đến chơi với Nhiên, cần gì nhờ Nhiên lo hộ

Thảo nói:

- Ông còn thì giờ nào lo cho tôi.

Nhiên cũng cười bảo:

- Kiếm kẻ nào nó rảnh cả đời nhờ nó lo cho, cho chắc.

Tôi nói:

- Vậy là đã sẵn sàng. Mai chị chỉ việc đi thôi.

Thảo bảo:

- Chi viết thư cho em về đây luôn đi.

Nhiên hỏi:

- Bà có yên tâm đi không?

Tôi nhìn nó bảo :

- Không có gì phải vương bận cả. Chị còn trở về mà.

Thảo hỏi:

- Máy giờ rồi?

Nhiên nhìn đồng hồ tay, bảo:

- Chín giờ.

Tôi chạy qua phòng thầy tôi hỏi xem ông đã dễ chịu chưa.

Thầy tôi đang đọc một cuốn sách thuốc bằng chữ nho.

Tôi thưa:

- Thầy dùng bữa rồi chứ ạ?

Thầy tôi nói:

- Thầy ăn rồi.

- Thầy đã uống thuốc gì chưa?

- Uống mấy viên thuốc cảm rồi. Mai nếu còn khó chịu thầy sẽ uống thuốc Bắc.

Cứ mỗi lúc được nói chuyện với thầy tôi, thấy ông bình tĩnh bao nhiêu, dường như sự cảm động của tôi lại tăng lên bấy nhiêu.

Tôi ao ước được như ngày còn nhỏ, nhào vào lòng ôm lấy ông, khóc một hơi.

Và trong một phút, không kiểm soát được cử chỉ của mình, tôi đã làm như tôi nghĩ, tôi khóc oà vì cảm tưởng mình đã lớn khôn và bé dại.

Thầy tôi để tôi khóc một chút rồi gỡ tôi ra bảo:

- Thôi đứng dậy.

Tôi vắt mũi và lấy tay chùi nước mắt.

Thầy tôi bảo:

- Con lớn rồi. Hãy cố mà lo lấy tương lai.

Tôi ghen ngào không nói được nên lời. Nhưng giá có nói được tôi cũng không biết nói gì.

Tôi có cảm tưởng thầy tôi đã đọc được hết ý nghĩ của tôi. Chỉ có một điều ông không đọc được, sẽ chẳng bao giờ ông có thể đọc được. Thật may mắn cho tôi và cho cả ông nữa.

Thầy tôi cầm lên lại cuốn sách và ông lại nói với tôi cái câu tôi đã nghe biết bao nhiêu lần:

- Ra rót cho thầy tách nước đem vào đây.

Làm cái công việc ông sai, tôi đã làm nhiều lần và vừa mới làm tối hôm qua, nhưng tôi không còn thấy cùng một cảm tưởng cũ nữa. Tôi biết rằng từ mai tôi không còn thể nào được làm cái công việc nhỏ nhặt này cho ông nữa. Sẽ có một lúc nào đó, ông muốn tôi làm công việc này và chợt nhớ ra tôi không còn ở nhà nữa, chắc ông sẽ nhớ tôi và đau lòng.

Tôi đặt tách nước xuống bàn cho thầy tôi và nước mắt tuôn ràn rụa.

Nhưng thầy tôi đã chăm chú đọc tiếp cuốn sách không nhìn thấy.

Trong giây phút, tôi tưởng như nhìn thấy ở ông cái hình bóng của người bác đã chết, một cái bóng trắng trên bộ quần áo trắng ông đang mặc.

Tôi ra ngoài và trở về phòng.

Hai đứa nhỏ đang cười đùa với nhau, nhìn thấy mắt tôi đỏ hoe, ngừng lại.

Tôi mỉm cười cho chúng yên tâm.

Nhiên nói:

- Làm như lấy chồng đi mất ấy.

Thảo cũng bảo:

Sang làm nũng ông già hả?

Cho tới lúc ấy tôi mới nhớ ra không biết mẹ tôi làm gì ở dưới bếp?

Có lẽ bà cũng đang khóc và không muốn tôi nhìn thấy bà đang khóc.

Tôi nói:

- Hai ông bà già tội quá.

Tôi bắt đầu thấy đầu óc, người ngợm mỗi mệt đến không ngồi nổi nữa.

Cuộc chia tay với Sơn tới phút này mới thấm ngấm nỗi hời hợt, buồn nản. Tôi vẽ trong trí tưởng về mặt anh suốt buổi chiều cùng với ánh nắng lấp lánh còn sót trên bầu trời và trên dòng sông vào lúc thủy triều dâng cao, lênh đênh bèo, rác. Cả những hình ảnh nhỏ bé đó rồi cũng khó trôi ra khỏi trí nhớ của tôi.

Gần đây người ta cứ nhắc mãi đến việc bảo vệ môi sinh và chống ô nhiễm. Đó cũng là điều chính tôi đã nhiều lần đọc trên đài. Nhưng cũng giống như con sông này đến bao giờ mới thực sự được lưu ý, trông nom cho trong sạch?

Tôi cũng nhớ lại cái vườn rau xanh và ngôi chùa nổi đã nhìn thấy. Có một chút gì buồn bã thấm ngấm trong tất cả những thứ đó. Liệu một ngày nào, cái kiến trúc mơ tưởng của những người như Thảo sẽ chạm tới được những chốn như thế, chạm tới cái xã hội lênh đênh trên rác rưởi đó? Liệu có ngày nào chữ viết của những người như Sơn sẽ chạm tới được những đôi vợ chồng nằm trên căn lầu xép nghe cái lượng nọ? Để làm gì? Những người đó họ không hạnh phúc sao? Có cần đến một sự đổi thay nào chăng?

Tôi mừng tượng lại bộ điệu của Sơn, căn phòng anh đang ở, cái ánh đèn rọi trên con ngõ ra ngoài đường phố, mọi thứ, mọi vật, mọi người, đều vật vờ như trong một cơn mộng.

Cơn mộng nào đây, hỡi anh yêu dấu?

Tôi bật ra tiếng kêu âm thầm đó một mình và nghe dội vang cái dư âm của nó làm lòng xao xuyến. Có phải đời sống giống như một cái trống có hai mặt, một mặt bi thương và một mặt hạnh phúc. Nếu người ta cứ khua mãi một bên nào người ta sẽ nghe ra dư hưởng của nó nhiều hơn?

Không, tôi không tin như vậy.

Mọi sự không quá giản dị như vậy.

Chẳng có đời sống nào mà khua lên cả. Chỉ có những giây phút, như giây phút này đây, tôi quên nỗi bi thương và nghe lòng dấy lên một lần nữa cái giây phút bàng hoàng hạnh phúc.

Tôi hỏi Nhiên:

- Nhiên có điều gì muốn nói với chị phải không?

Nhiên nhìn tôi một giây rồi bảo:

- Không. Sao chị hỏi vậy?

Nó không biết gì về chuyện ở Cap hôm nọ thật chẳng? Hay nó biết mà không nói? Giả thử nó biết, nó sẽ nói gì với tôi mới được chứ? Thằng nhỏ có vẻ nghi ngờ. Nghi ngờ chi? Chắc nó nghi ngờ đầu óc tôi không bình thường. Nhưng nó không nói.

Nó không nói hay định mệnh của tôi không hé môi với tôi một điều gì về những việc tôi đã làm?

Nghĩ cho cùng, tôi cũng chỉ nên xếp cái định mệnh của mình ngang hàng với cái bóng của mình trong gương, sẽ ngả mũ chào không oán hận nếu phải giả tử.

Tôi đã có giọng hờn giận với chính mình.

Tôi giận ai?

Tôi giữ nụ cười với Nhiên, bảo:

- Bao giờ Nhiên lấy vợ?

Thằng nhỏ mở to mắt ngạc nhiên. Chừng như nó không chờ đợi nghe tôi hỏi câu ấy.

Nhiên nói:

- Chưa.

- Khi nào lấy vợ báo cho chị biết nghe.

- Mai tôi sẽ đưa bà đi,

- Nhiên không bận chứ?

- Không ai tiễn bà hả?

Thằng nhỏ vẫn không ngừng nhìn tôi. Tôi thấy lạnh người khi nghĩ có lẽ nó đã linh cảm một điều gì đó không bình thường nơi tôi.

Tôi nói:

- Không.
- Càng nhẹ.
- Nhiên nhớ ghé đây và coi chừng Thảo nhé.
- Coi chừng nỗi gì?
- Dầu sao nó cũng là con gái mà.
- Bao giờ bà trở lại?
- Chị vừa đi làm vừa đi học. Chưa biết thế nào.
- Vậy, ít nhất cũng bốn năm năm nữa.
- Ừ.
- Còn những chuyện khác?
- Chuyện khác là chuyện gì?

Thằng nhỏ nhún vai thay cho câu trả lời.

Tôi nói:

- Chị chỉ muốn thử đi xa một lần xem sao.

Nhiên tiếp:

- Mai em sẽ đến sớm, đưa chị vào phi trường.

Như thế chỉ còn lại một đêm, đêm cuối cùng tôi ở lại cái xứ sở khốn khổ này.

Nhiên ra về.

Chỉ còn lại tôi với Thảo.

Tôi loay hoay ra đứng bên cửa sổ, một nửa muốn Thảo nói gì đó, một nửa muốn nó cứ im lặng như thế, để tôi có thể đứng ngắm quanh trời, nhìn sao, nhìn vào những khoảng u tối, thầm cầu nguyện cho anh tôi.

Dù đêm đã khá khuya, nhưng bầu trời không hoàn toàn tối đen. Tôi vẫn nhìn thấy đâu đó những đám mây trắng trôi luớt lững lờ. Trong đêm này không biết có bao nhiêu người sống trong tình cảnh tương tự, vất vưởng tương tự.

Hòa bình có sẽ trở lại đây không?

Hòa bình. Cái tiếng ấy hình như đã mất hết ý nghĩa, không ai còn có thể hình dung nó như thế nào.

Tôi nhớ đã được xem trong một cuốn phim, đọc trong một cuốn truyện nào đó, một người Ấn lái xe lửa, nhìn cảnh những người Ấn giết nhau do sự xúi giục của người Anh, nằm chết la liệt trong cuộc chận đánh chuyển xe, anh ta vừa khóc vừa nói rằng, đôi lúc anh muốn dùng tay chụm tất cả những cái đầu của người Ấn lại với nhau cho họ khôn hơn lên một chút.

Bàn tay nào sẽ giúp cho người Việt Nam chúng ta đây?

Thảo đóng các ngăn kéo tủ, tới ngồi bên cạnh tôi, bảo:

- Buồn nhỉ.

Một cơn lạnh làm tôi co rúm người.

Khu xóm, trong giây phút, bỗng yên lặng khác thường. Có lẽ trong bao nhiêu ngày sống ở đây, không thiếu những khoảnh khắc tương tự, nhưng tôi chưa khi nào nghe ra, biết vậy.

Thảo bảo:

- Thôi đi ngủ.

Chúng tôi tắt đèn, lên giường nằm.

Tôi cũng muốn ngủ một lát dù biết khó mà ngủ được.

Thảo hỏi:

- Chị có thấy nhớ nhà không?

Tôi nói:

- Đã đi đâu mà nhớ.

- Em chắc không đi đâu xa được.

- Sao?
- Không được ăn, không người quen biết, không nói được theo ý mình, em chịu không nổi.
- Cũng phải thử một lần cho biết.
- Nói thế chứ đi được vẫn đi như thường.
- Thảo còn mấy năm nữa ra trường?
- Hai.
- Vậy là trước khi chị về.
- Nếu không thi trượt.
- Trượt không?
- Ai mà biết trước được.
- Cố lên.

Tôi nói và cười với con nhỏ. Đó cũng là cái tiếng thỉnh thoảng tôi vẫn nghe nó nói và nói bằng giọng rất tức cười.

Thảo nói:

- Em vẫn nghĩ một thành phố mà kiến trúc nhà cửa không biểu lộ được tâm tính của một dân tộc là một điều đáng xấu hổ.
- Như thế có khi nó lại biểu lộ một cái khác.
- Không ai nghĩ đến điều đó cả.
- Cũng có thể đã có những người nghĩ như cô nhưng không làm được.
- Đó là một điều kỳ quái.
- Đành phải chịu thôi. Đánh nhau tới mặt còn đâu thì giờ để làm cái gì.
- Một thành phố đẹp để bị xúc phạm sẽ khiến người ta đau lòng gấp bội và gia tăng ý thức bảo vệ.
- Hãy cố học và cố làm cho tất cả những ai không hiểu được điều đó, hiểu điều đó.

- Bây giờ nếu nơi chị đến, có người yêu cầu cho xem hình một kiến trúc biểu trưng của nước mình, chị sẽ chọn chỗ nào?
- Chị cứ cho họ xem vài cái hồ bom và nói rằng, chúng ta chưa kịp làm gì cả.
- Trả lời như thế nghe được không?
- Em đừng lo, chị không đại diện cho ai cả.
- Không ai từ chối được sự đại diện đó.
- Thì chị nghĩ sao nói vậy. Mình đâu phải đại sứ mà cần ngoại giao.
- Người ta hỏi về cuộc chiến tranh thì sao?
- Lứa tuổi hai mươi chúng tôi là những người bị chết nhiều nhất trong chiến tranh nhưng lại không hiểu vì sao có chiến tranh.
- Quả thực bà ấy nói không có một chút ngoại giao nào. Người ta sẽ tưởng thanh niên Việt Nam ai cũng có một chút máu điên.
- Nếu người ta cứ nhốt một người nào đó vào trong một cái cũi, đứng ngoài hỏi hết chuyện này đến chuyện nọ rồi cười nói, bàn tán, có lẽ ai cũng phát điên cả.
- Mai một chúng ta sẽ làm ra một cuộc đời khác.

Tôi không hiểu con nhỏ định nói gì. Giọng nó có vẻ ngái ngủ rồi.

Đêm đã khuya lắm.

Tôi bắt đầu nghe rõ hơn những cơn gió reo trên cây dương ngoài sân và thỉnh thoảng tiếng những giọt sương rớt trên mái ngói.

Một chiếc trực thăng bay rất thấp qua khu xóm, nổ máy rầm rĩ. Phía xa, đằng sau cánh đồng bên kia khúc sông, một trái hỏa châu đang cháy sáng, hắt cái ánh vàng của nó lên nền trời tối đen.

Tôi mệt thiếp và khi nghe tiếng máy thâu thanh của căn nhà bên hàng xóm tiếng kêu "tít tít" tín hiệu đặc biệt báo giờ của đài, mới choàng thức dậy.

Tôi tưởng chừng trong lòng có tiếng reo mừng tôi vẫn còn ở Việt Nam, còn nghe, còn nhìn thấy, những vật thân yêu quanh mình.

Hành lý tôi đã sẵn sàng, tôi chỉ còn chờ giờ ra phi trường.

Mẹ tôi đã lo dọn cho tôi và Thảo một bữa ăn sáng ngon lành, mỗi đứa một tô miến gà.

Không biết mẹ tôi đã dậy từ lúc nào, khóc từ lúc nào, hai mắt bà đỏ hoe và chốc chốc tôi lại thấy bà dùng khăn lau nước mắt.

Thảo hỏi:

- Chị ngủ được không?
- Được.
- Tốt. Lát đi sẽ đỡ mệt.
- Còn từ giờ đến trưa mà.

Dù đó chỉ là những câu nói vớ vẩn, nhưng cũng làm vui bớt nỗi trống trải trong lòng, đến lúc này, đã đè nặng trong ngực, làm tôi muốn nghẹt thở. Có ai bắt tôi đi đâu. Chính tôi đã cố công để có được chuyến đi này. Khi biết mình được đi, tôi đã mừng rỡ coi như mình may mắn. Sao tới phút lên đường, tôi lại cảm thấy, trong mọi ý nghĩa, còn có thêm một ý nghĩa nữa là tôi bị hắt hủi, bị đầy ải?

Ăn sáng xong, chúng tôi trở về phòng.

Thảo bảo tôi hãy trang điểm và nó giúp tôi làm công việc này.

Thảo bảo:

- Để em đánh sáp môi cho chị, đánh thật đẹp, biết đâu trên chuyến bay có một người nào đó đi cùng, mê chị.

Tôi cười bảo:

- Thôi đừng có khi.

Thảo nói:

- Rồi mỗi đứa đến lúc cũng phải cầu mong có người nào đó yêu mình thôi.
- Không mong sống một mình nữa à?
- Ai mà mong. Phải sống như thế thì cũng sống có sao.

- Cứ cố xây một căn nhà trên bãi biển, không dùng tới thì cho chị mượn.

Tôi nói và trong một giây tưởng chừng như đã gõ trúng cánh cửa định mệnh của mình. Không có dấu hiệu nào chứng tỏ điều đó, nhưng tôi thấy tưởng tượng ra trước, hình bóng của chính mình, một ngày nào đó, ra vào cái căn nhà quanh năm, ngày tháng chìm ngập trong những tiếng sóng vỗ và bụi nước, dễ dàng hơn tưởng tượng một cuộc sống hạnh phúc.

Nhưng có lẽ tôi đã khua làm mặt trống. Tôi hãy thử gõ vào cái mặt bên kia, những điều mơ tưởng của tôi sẽ dịu dàng, êm đẹp hơn chăng?

Mười một giờ, Nhiên tới.

Nó hỏi:

- Sẵn sàng rồi chứ?

Tôi nói:

- Rồi. Chỉ việc đi thôi.

Nói xong câu đó tôi nghe người rướm mồ hôi và ruột thắt lại. Chuyến đi bây giờ mới thật sự bắt đầu. Những gì xảy tới với tôi cũng sẽ là những chuyện thật. May hay rủi? Tôi chỉ còn nước chờ để biết.

Tôi vào phòng chào thầy tôi, nói:

- Con xin thầy, con đi.

Thầy tôi tới lúc này cũng có vẻ không giữ được xúc động. Tôi thấy da mặt ông bỗng xanh nhợt hẳn đi.

Ông nói:

- Lo mà giữ gìn sức khỏe.

Hình như ông không muốn tôi đứng lại lâu thêm nữa.

Tôi ra khỏi phòng ông.

Mẹ tôi khóc nức nở trong bếp. Tôi chạy xuống ôm lấy bà, khóc một hơi ngon lành.

Cuối cùng bà đẩy tôi ra bảo:

- Thôi lau mặt rồi đi đi.

Bà có giọng nói rần rỏi khác thường, khiến tôi tưởng như không phải bà làm ra như thế, mà bà đã tự trấn an được thật.

Có gì đáng phải khóc đâu? Tôi tự nhủ và tôi cũng mỉm cười với bà.

Thảo giục tôi ra xe và Nhiên xách hộ tôi hành lý.

Chúng tôi tới phi trường, đúng giờ máy bay sửa soạn cất cánh.

Tôi xếp hàng làm các thủ tục giấy tờ.

Thảo ôm lấy tôi lúc từ biệt.

Nhiên bắt tay tôi như một người bạn.

Nó nói:

- Thượng lộ bình an nghe bồ.

Tôi cười với hai đứa, hẹn với Thảo sẽ trở về để coi những kiến trúc của nó, hẹn với Nhiên tới ăn mừng cửa hàng nó sẽ mở.

Hai đứa cùng cười giờ tay vẫy tôi.

Tôi bước lên cầu thang, vào trong lòng phi cơ.

Thôi tạm biệt những nỗi buồn cũ kỹ.

Tạm biệt cuộc tình một đêm trắng.

Dầu sao cũng chỉ là một lần tạm biệt.

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN,

ĐỒNG CỎ



